

R

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN LÝ (VIM)

BÁO CÁO KHOA HỌC TỔNG KẾT ĐỀ TÀI
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NHẪM
NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC
HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Danh sách cán bộ tham gia chính:

- 1. TS Hàn Mạnh Tiến (chủ nhiệm đề tài)*
- 2. Trần Chí Đức (thư ký khoa học)*
- 3. TS Đặng Anh Hào*
- 4. Phạm Quang Lê*

Hà Nội, tháng 5 - 2005

5389

717105

MỤC LỤC

I. Giới thiệu	4
A. Bối cảnh, tính cấp thiết và mục tiêu của đề tài nghiên cứu	4
B. Phương pháp nghiên cứu và các mẫu điều tra	6
II. Kinh nghiệm quốc tế về tổ chức dân sự và về HHDN nói riêng - Liên hệ với hoàn cảnh Việt Nam	7
1. Vị thế, vai trò của khu vực tổ chức dân sự, tổ chức NGO	7
2. Những cơ sở pháp lý trong việc hình thành và hoạt động của hội ở các nước có nền kinh tế thị trường	9
3. Những quan điểm tổ chức và hoạt động HHDN của các nước.	15
3.1. Xu hướng chung trên thế giới	16
3.2. Lợi ích đối với xã hội của HHDN	16
3.3. Các mô hình PTM	17
3.4. Cơ cấu tổ chức HHDN	18
3.5. Thiết lập nền tảng ủng hộ vững vàng từ các hội viên	19
3.6. Các chương trình và hoạt động của các HHDN	20
4. Những quan điểm tổ chức và hoạt động HHDN của Việt Nam	24
4.1. Về vị trí, vai trò của HHDN Việt Nam	25
4.2. Về tính chất của HHDN Việt Nam	27
4.3. Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của HHDN	30
III. Kết quả điều tra khảo sát về HHDN Việt Nam	32
A- Bối cảnh và cuộc điều tra bằng phiếu hỏi đối với các HHDN và các DN thành viên	32
B- Phân tích kết quả điều tra ý kiến các DN	34
1. Về thành phần của các DN được điều tra; kết quả thu thập phiếu điều tra và những phỏng vấn cá biệt	34
2. Về lý do tham gia HHDN của các DN	35
3. Về thụ hưởng các quyền lợi của DN trong các HHDN	36
4. Về thực hiện các nhiệm vụ đối với các HHDN mà DN đã tham gia	37
5. Quan niệm của DN về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN	38
6. DN đánh giá tác động của HHDN	40
7. DN đánh giá tính chất cấp thiết của các biện pháp chính sách Nhà nước cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam	41
C- Phân tích kết quả điều tra ý kiến các HHDN	43
1. Về thành phần các HHDN được điều tra; kết quả thu thập phiếu điều tra và những phỏng vấn cá biệt	43

2. Về các chức danh chuyên trách lãnh đạo HHDN	44
3. Về thực hiện những nguyên tắc tổ chức của HHDN và cơ cấu, tổ chức điều hành HHDN. Những trường hợp ra đi, chia tách, hợp nhất HHDN	45
4. Về tài chính của HHDN: cơ chế tài chính; các nguồn thu; cơ cấu chi	46
5. Những thuận lợi, khó khăn chính trong hoạt động của HHDN	47
6. Quan niệm về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN	50
7. Đánh giá kết quả thực hiện các chức năng của HHDN	53
8. Đánh giá tính chất cấp thiết của các biện pháp chính sách mà Nhà nước cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam	54
D- Kết luận	57
1. Về thực trạng của các HHDN qua ý kiến đánh giá của DN và HHDN	57
2. Những khó khăn vướng mắc chủ yếu hiện nay của các HHDN trong nâng cao hiệu quả hoạt động của mình	58
3. Những kiến nghị về tổ chức và chính sách của Nhà nước đối với HHDN qua kết quả điều tra	58
IV. Kết luận và những khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HHDN Việt Nam trong bối cảnh kinh tế Việt Nam hiện nay	59
1. Về thực trạng tổ chức và hoạt động của các HHDN Việt Nam	59
2. Nguyên nhân của những hạn chế trên	61
3. Những khuyến nghị và Phương hướng hoạt động của HHDN Việt Nam trong thời gian tới	62
Tài liệu tham khảo	65
Phụ lục	67

Báo cáo khoa học tổng kết đề tài

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NHẪM NÂNG
CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP HỘI DOANH
NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY**

I. GIỚI THIỆU

A. Bối cảnh, tính cấp thiết và mục tiêu của đề tài nghiên cứu

Theo các nhà xã hội học, xã hội được chia thành ba khu vực chính, đan xen nhau là: Nhà nước – Thị trường – và các tổ chức do dân lập ra và tự quản lý (thường gọi là các tổ chức phi chính phủ hoặc xã hội dân sự). Nhà nước (gồm các cơ quan công quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp) có chức năng thiết lập và thực thi các quy tắc cai quản xã hội; Thị trường (gồm các tổ chức kinh doanh: sản xuất và dịch vụ) có chức năng tiến hành các hoạt động kinh tế, tạo ra của cải vật chất; và khu vực thứ ba bổ sung cho hai khu vực trên gồm các tổ chức xã hội, các hội quần chúng, các hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức nhân đạo v.v... có chức năng phát triển các giá trị chung, quyền lợi của cộng đồng và nghĩa vụ công dân. Các hiệp hội của các tổ chức kinh tế, HHDN là một hình thức tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc khu vực thứ ba này. Một xã hội lành mạnh, năng động và bền vững là một xã hội phát triển cân đối cả ba khu vực, bảo đảm hài hòa được các lợi ích và tạo ra được các tương tác phù hợp và hiệu quả giữa các khu vực.

Tổng kết kinh nghiệm từ các nước phát triển và đang phát triển trong suốt chiều dài lịch sử, các nhà kinh tế thế giới đã khẳng định và dự báo trong thế kỷ 21, các HHDN – người hướng dẫn hoạt động đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp, hướng dẫn, hỗ trợ việc tìm ra các phương kế sinh nhai của người dân – sẽ có vai trò đặc biệt quan trọng cho sự phát triển và trở thành một bộ phận hữu cơ thúc đẩy mối liên kết đan xen về kinh tế, chính trị, xã hội trong nền kinh tế của từng nước, từng khu vực và toàn cầu.

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, do yêu cầu của cuộc sống thực tế và đòi hỏi của các doanh nghiệp trong hoàn cảnh đổi mới từ kinh tế kế hoạch hoá tập

trung sang kinh tế thị trường, khái niệm "*Hiệp hội doanh nghiệp*" (HHDN)¹ đã trở nên quen thuộc đối với cộng đồng các nhà doanh nghiệp và toàn xã hội. Thực ra tham gia HHDN không chỉ có các DN (enterprise, corporation, company, ...) mà còn có thể gồm một số tổ chức kinh tế – kỹ thuật khác có chung lợi ích cần liên kết để cùng nhau bảo vệ và phát triển (như các hợp tác xã, các trang trại, đơn vị dịch vụ khoa học kỹ thuật, ngân hàng, các tổ chức tín dụng, ...). Chẳng hạn, Hiệp Hội Mía Đường Lam Sơn trước đây còn gồm cả các nhóm hộ nông dân chuyên cung cấp nguyên liệu. Hiện nay theo số liệu của Vụ Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ), đã có khoảng hơn 70 hiệp hội có phạm vi hoạt động trên toàn quốc và khoảng 100 hiệp hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương². Các HHDN đã có nhiều hoạt động sôi nổi, rộng khắp, từ việc hỗ trợ đào tạo, tư vấn, tìm kiếm thị trường, bình chọn các giải thưởng, đứng ra giải quyết các vụ khiếu kiện quốc tế đến các tác động trực tiếp và gián tiếp vào quá trình hoạch định chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh v.v... Có thể nói rằng các HHDN đã bước đầu khẳng định vai trò của mình, trở thành một tác nhân không thể thiếu cho sự phát triển kinh tế, tạo nên sự giàu mạnh của đất nước.

Tuy nhiên cho đến nay ở Việt Nam, chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản về phát triển các HHDN trong bối cảnh của nền kinh tế chuyển đổi của Việt Nam. Sự thành lập và hoạt động của các HHDN thường diễn ra một cách tự phát, còn lúng túng và tùy tiện, thiếu những hướng dẫn chung và những định chế thống nhất. Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ chỉ mới quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, hội, hiệp hội nói chung, mà chưa đề cập gì tới tính đặc thù của hiệp hội các tổ chức kinh tế (HHDN). Do đó, yêu cầu cấp thiết là phải có những nghiên cứu đầy đủ cả về lý luận lẫn tổng kết thực tiễn về các HHDN, làm căn cứ cho việc hình thành khuôn khổ pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam.

Theo Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, hội, hiệp hội là "*Tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng*

¹ Hiện nay, có ý kiến cho rằng nên gọi các tổ chức đó là "hiệp hội các tổ chức kinh tế", tuy vậy, chúng tôi xin phép vẫn dùng từ "hiệp hội doanh nghiệp" do từ này đã trở thành quen thuộc và nói lên đầy đủ nội dung mà không cần phải giải thích nhiều, miễn là quan niệm được mở rộng như trong nội dung bài viết.

² Nguyễn Ngọc Lâm- Cơ sở pháp lý của sự ra đời và hoạt động hiệp hội của các tổ chức kinh tế và phương hướng hoàn thiện- (bài viết cho Đề tài- tháng 7-2004)

giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước".

Đề tài khoa học “Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN trong bối cảnh hiện nay” đặt dưới sự quản lý của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) nhằm làm rõ những vấn đề chủ yếu về lý luận và thực tiễn liên quan tới tổ chức và hoạt động của các HHDN Việt Nam, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HHDN phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Sau đây là những mục tiêu cụ thể của Đề tài nghiên cứu:

- 1. Xác định bản chất, vai trò, tiêu chí phân loại, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các HHDN.*
- 2. Xác định thực trạng tổ chức, cơ cấu chức năng, nhiệm vụ, vai trò, tác dụng, quan hệ với các hội viên; những mặt mạnh, mặt yếu và những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động của các HHDN hiện nay.*
- 3. Tổng hợp những bài học kinh nghiệm của các HHDN nước ngoài*
- 4. Kiến nghị các phương án, mô hình tổ chức hoạt động của HHDN, những kiến nghị với Nhà nước về các điều kiện pháp lý, chính sách, thể chế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển của các HHDN Việt Nam.*

B. Phương pháp nghiên cứu và các mẫu điều tra

Để tiến hành những nội dung nghiên cứu của Đề tài, chúng tôi đã sử dụng những phương pháp sau:

- 1. Tiến hành những nghiên cứu tại bàn: tổng hợp những kết quả nghiên cứu đã công bố và tài liệu pháp lý đã ban hành có liên quan với quá trình xây dựng và hoạt động của các hội nói chung và HHDN nói riêng của Việt Nam và nước ngoài.*
- 2. Điều tra xã hội học các doanh nghiệp có tham gia hiệp hội và các HHDN thông qua các loại phiếu hỏi ý kiến khác nhau (2 loại phiếu hỏi) nhằm tìm hiểu thực trạng của các HHDN Việt Nam và những kiến nghị về các biện*

pháp chính sách có thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN Việt Nam.

- 3. Phòng vấn và trao đổi trực tiếp với một số các HHDN để tìm hiểu về hoạt động của họ và các vấn đề nảy sinh trong xây dựng và phát triển HHDN.*
- 4. Tiến hành các hội thảo khoa học về vai trò, quá trình xây dựng và phát triển và những biện pháp chính sách nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN*

Đề tài đã được hoàn thành với sự giúp đỡ quý báu của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về kinh phí và sự cộng tác nhiệt tình của các HHDN và các DN đã đóng góp các ý kiến trên các phiếu điều tra và gửi đến cho chúng tôi kịp thời. Ngoài ra chúng tôi cũng xin rất cảm ơn những cộng tác viên nhiệt thành là các tác giả: TS Nguyễn Ngọc Lâm, Vụ trưởng Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ); Vũ Duy Thái (Phó CT HH Công thương Hà Nội); Lê Văn Đạo (TTK HH Dệt May Việt Nam); Nguyễn Kim Phong (Chủ tịch HH Chè Việt Nam); PGS, TS Nguyễn Hữu Dũng (TTK VASEP) đã có những báo cáo khoa học có giá trị cao đóng góp cho Đề tài.

II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ TỔ CHỨC DÂN SỰ VÀ VỀ HHDN NÓI RIÊNG - LIÊN HỆ VỚI HOÀN CẢNH VIỆT NAM

1. Vị thế, vai trò của khu vực tổ chức dân sự, tổ chức phi chính phủ

Như trên đã nói, theo quan điểm chung của hầu hết các nước trên thế giới và theo các nhà nghiên cứu xã hội học hiện đại, xã hội được xem xét theo ba khu vực chính, đan xen nhau là: Nhà nước – Thị trường – và các tổ chức do dân lập ra và tự quản lý (thường gọi là các tổ chức phi chính phủ hoặc xã hội dân sự). Nhà nước (gồm các cơ quan công quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp) có chức năng thiết lập và thực thi các quy tắc cai quản xã hội; Thị trường (gồm các tổ chức kinh doanh: sản xuất và dịch vụ) có chức năng tiến hành các hoạt động kinh tế, tạo ra của cải vật chất; và khu vực nằm giữa hai khu vực trên (gồm các tổ chức xã hội, các hội quần chúng, các hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức nhân đạo v.v...) có chức năng phát triển các giá trị chung, quyền lợi của cộng đồng và nghĩa vụ công dân. Một xã hội lành mạnh, năng động và bền vững là một xã hội phát triển cân đối cả ba khu vực, bảo đảm hài hòa được các lợi ích và tạo ra được các tương tác phù hợp và hiệu quả giữa các khu vực. Khu vực thứ ba, khu vực các tổ chức dân

sự, ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển và theo xu thế hiện nay trong các xã hội tự do dân chủ, các tổ chức dân sự đang có xu thế thay thế nhiều chức năng của khu vực Nhà nước/ Chính phủ trong nhiều hoạt động quản lý và phát triển xã hội.

Tổ chức dân sự (civil society) là các tổ chức tình nguyện, phi lợi nhuận; các hội/ hiệp hội là những tổ chức thuộc loại này. Theo Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2003, Chính phủ Việt Nam quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội cũng đã quy định hội, hiệp hội là *"Tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước"*.

Các tổ chức đó làm thành một bức tranh đầy màu sắc của khu vực tổ chức dân sự. Trong khu vực này, các thực thể pháp nhân thường được các nước gọi là các tổ chức phi chính phủ (NGO). Đó là các tổ chức không bao hàm Nhà nước, hoạt động trên tất cả các lĩnh vực xã hội như: công nghiệp, nông nghiệp, lao động, du lịch, hợp tác xã, phát triển khu vực, di cư, môi trường; phúc lợi xã hội, giáo dục, văn hoá, y tế, dân số, thanh niên, thể thao; luật pháp và chính sách: tuyên truyền và phổ biến thông tin đại chúng, vấn đề giải quyết các tệ nạn xã hội, tội phạm, v.v.. Trong đó, các tổ chức phi lợi nhuận (NPO) hoạt động vì lợi ích công đồng vai trò tiên phong và có hiệu quả cao đóng góp cho tiến trình phát triển xã hội. Do đó, các tổ chức này thường được hưởng những ưu đãi nhất định từ Chính phủ và Chính quyền địa phương, mà chủ yếu là cơ chế khuyến khích hoạt động và hỗ trợ về tài chính. Các NPO trở thành đối tác của Chính phủ thông qua sự phối hợp giữa NPO với Nhà nước trong sự nghiệp phát triển xã hội. Vai trò của các NGO và NPO đang được chính quyền các nước nhìn nhận và đánh giá ngày càng cao trong việc xã hội hoá các hoạt động của Nhà nước. Nhìn từ góc độ xã hội, sự tương quan giữa 3 khu vực thể hiện trên các đặc điểm sau:

- *Phát huy tính ưu việt của từng khu vực trên cơ sở tôn trọng tính độc lập của chúng;*
- *Có sự giao thoa thông qua sự hỗ trợ và phân công giữa 3 khu vực;*
- *Nhà nước giữ vai trò trụ cột, hài hoà lợi ích và tạo sự phát triển cân bằng giữa 3 khu vực.*

Một xã hội phát triển cân bằng giữa 3 khu vực Nhà nước- Thị trường – Tổ chức dân sự sẽ luôn đứng vững trên một thế chân vạc. Bằng những cách đi riêng, mỗi

khu vực vừa có tính độc lập, vừa có sự phối hợp bình đẳng, hỗ trợ nhau cùng phát triển và đều lấy mục tiêu chung vì sự phát triển của con người và xã hội.

Khu vực Tổ chức dân sự – khu vực thứ ba, khu vực của các NGO, NPO và các phong trào xã hội đã và đang trong thời kỳ hoạt động sôi nổi và rộng khắp trên toàn thế giới. Các NGO và NPO là những hạt nhân của khu vực tổ chức dân sự, họ chính là người thực hiện các chương trình, dự án trong mọi lĩnh vực phát triển xã hội. Với những hoạt động không bị hành chính hoá, họ là người trực tiếp mang những chiếc “cần câu”- phương tiện để tồn tại và phát triển- đến cho mọi nhà, mọi số phận của các cộng đồng dân cư. Với phương pháp làm việc nhạy bén, tự nguyện, sát thực tế, khoa học và dân chủ, với mạng lưới rộng khắp, hoạt động của họ mang lại hiệu quả nhiều hơn so với cách làm việc hành chính của khu vực quản lý nhà nước. Nhận thức được điều này, chính phủ của hầu hết các nước trên thế giới hiện đại đã phối hợp, hỗ trợ cùng với các tổ chức dân sự, các NGO, NPO trong nước và quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của các tổ chức này trong các chương trình phát triển của Nhà nước. Trên thực tế, trong nhiều quốc gia, Nhà nước đã bước đầu chuyển giao ngay cả một số chức năng của quản lý nhà nước cho các tổ chức dân sự (sự hình thành các nhà tù tư nhân, sự giao phó cho các tổ chức dân sự trong giải quyết nhiều vấn đề xã hội, ... là những biểu hiện của xu thế này). Ứng xử cơ bản ở đây của Nhà nước là tuân thủ nguyên tắc: *Khi có một tổ chức cộng đồng làm tốt và phát huy được ưu thế hơn hẳn so với cơ quan chuyên môn tương ứng của Nhà nước thì một Chính phủ mạnh, dám cải cách, sẽ chuyển giao hoạt động đó cho tổ chức dân sự.*

Trong điều kiện có sự tương tác và giao thoa nhiệm vụ nói trên giữa khu vực Nhà nước và khu vực tổ chức dân sự, các tổ chức dân sự đã thực sự lớn mạnh trên cơ sở có sự hỗ trợ về pháp lý và các phương tiện vật chất của Chính phủ. Tuy nhiên cũng còn khá nhiều Chính phủ trên thế giới chưa tạo được hành lang pháp lý thích hợp cho hoạt động tự chủ, độc lập của các tổ chức dân sự, nhất là trong các quốc gia chưa có chế độ dân chủ thực sự và các tổ chức dân sự vẫn còn lệ thuộc nhiều vào chính quyền và tính chất xơ cứng, kém linh hoạt đã xuất hiện. Điều này làm giảm hiệu lực của các tổ chức dân sự.

2. Những cơ sở pháp lý trong việc hình thành và hoạt động của hội ở các nước có nền kinh tế thị trường

Vấn đề này được khảo sát trên cơ sở tham khảo các tài liệu nước ngoài đã công bố, tài liệu có được qua các hội thảo “Trao đổi kinh nghiệm quản lý tổ chức phi

chính phủ” do Ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ tổ chức (27-28/10/1999), Toạ đàm ngày 26/12/2003 “Trao đổi kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của các tổ chức hội nước ngoài” do LHH tổ chức trong khuôn khổ của Đề tài.

Qua nhận dạng những đặc điểm chủ yếu, có thể thấy rằng *các tổ chức phi chính phủ được thành lập từ sự tự nguyện của người dân, không thông qua hệ thống quyền lực; hoạt động của chúng có khi mang tính “cạnh tranh” với các tổ chức Nhà nước, thậm chí có thể phản biện, chỉ trích các chính sách của Chính phủ.* Tuy thế, hầu hết các nước trên thế giới không những công nhận sự tồn tại của chúng mà còn mong muốn phát triển nhiều tổ chức NGO vững mạnh, bảo đảm sự tồn tại và phát triển đó bằng luật pháp; nhiều chính phủ còn dành một phần kinh phí cũng như miễn thuế cho các NGO nữa. Các lý do chủ yếu (xem báo cáo của tác giả Phạm Quang Lê, chuyên gia tư vấn thuộc Ban Nghiên cứu của Thủ tướng /1/³) là:

1. *Tự do lập hội là một quyền mà Hiến pháp các quốc gia và Công ước quốc tế đã ghi nhận và bảo hộ.* Hiệp ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị năm 1966 bắt buộc các quốc gia tham gia (gồm 135 nước) phải đảm bảo các quyền tự do hiệp hội và hội họp hoà bình. Cùng với các hình thức dân chủ đại diện, nhân dân cũng thực hiện quyền lực của mình thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp để tham gia vào các hoạt động quản lý nhà nước, thể hiện ý chí của mình thông qua các hình thức tự do ngôn luận, báo chí, lập hội, hội họp. Nhà nước phải đảm bảo các quyền này của công dân và như vậy phải cho phép thành lập các hội.
2. *Sự phát triển đa dạng các tổ chức là rất cần thiết để phục vụ những lợi ích và nhu cầu khác nhau của các thành viên xã hội.* Luật pháp phải cho phép các cá nhân và tổ chức theo đuổi những lợi ích chính đáng chẳng hạn như các nhu cầu văn hoá, xã hội, ... Việc đó không đơn thuần chỉ là sự cam kết về dân chủ mà còn có những lý do kinh tế – xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của xã hội. *Lợi ích là đa dạng, do đó tổ chức phải đa nguyên và rộng rãi, khai thác mọi tiềm năng xã hội;* (Từ “đa nguyên” ở đây được Đề tài sử dụng theo nghĩa rộng, tức là “xuất phát từ những nhóm quyền lợi khác nhau trong xã hội”, hoàn toàn không phải nói về “đa nguyên chính trị” như nhiều người thường

³ /1/. **Phạm Quang Lê**- Khuyến khích phát triển và tạo môi trường hoạt động cho các tổ chức phi chính phủ- (Bài viết cho Đề tài).

hiểu lầm). Trong một xã hội, không chỉ cần có tổ chức chính trị (Đảng và các tổ chức chính trị), mà còn cần hệ thống tổ chức kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật để tiến hành các loại hoạt động khác nhau ngoài cơ cấu quyền lực.

3. *Các tổ chức dân sự là một đảm bảo cho sự ổn định xã hội, là “van an toàn” cho sự ổn định xã hội thay cho sự cấm đoán các hoạt động công khai.* Trong mỗi xã hội, mọi thành viên đều có những khác biệt về nguồn gốc dân tộc, về văn hoá, tín ngưỡng, giới tính, nghề nghiệp và các nhu cầu cuộc sống. Sự khác biệt đó nếu không được đáp ứng thoả đáng, sẽ gây ra những bất ổn xã hội. Do đó, một mặt cần tạo điều kiện cho sự ra đời của các tổ chức tự nguyện của dân chúng, mặt khác cũng phải có luật pháp để ngăn ngừa các hành động lạm dụng quyền tự do lập hội, bằng cách buộc các tổ chức đó phải có quy củ, có trách nhiệm và minh bạch trong các hoạt động và trong tài chính.
4. *Chính phủ cần phải tạo ra đối tác có hiệu quả đối với hoạt động của mình, có thể coi các NGO là đối trọng - phần bổ sung (counterpart) - cho chính phủ.* Đó là cuộc thi đua lành mạnh trong việc thoả mãn nhu cầu các tầng lớp nhân dân, từ các hàng hoá công cộng, các dịch vụ công cho tới những nhu cầu cao hơn về thông tin, kiến thức với chất lượng cao và giá thành hạ. Mối quan hệ đó giữa chính phủ và khu vực dân sự hoàn toàn tương phản với phong cách quan liêu khi nhà nước giữ độc quyền và bao cấp.

Tổ chức NGO không có mục đích lợi nhuận, song trên thực tế sẽ có sự cạnh tranh với các tổ chức nhà nước trong việc giành các khoản tài trợ, dự án hoặc hợp đồng do các tổ chức quốc tế đưa vào hoặc do dân đóng góp. Hoạt động của NGO thường hiệu quả hơn do họ thực sự hiểu rõ nhu cầu đa dạng của người dân, do tổ chức gọn nhẹ, năng động, được quản lý dân chủ, được dân trực tiếp giám sát, kiểm tra.

Trên thực tế, có lúc chính phủ không thích thú với tác động của NGO khi họ chỉ trích chính sách và “đi trước” chính phủ và từ đó tìm cách hạn chế hoạt động của NGO. Tuy nhiên, nhìn chung, các chính phủ trong một xã hội dân chủ tự do đều đánh giá cao vai trò của NGO do thấy được lợi ích thiết thực, bù đắp cho những khiếm khuyết, bất cập của chính phủ. Trong nhiều nước, tỷ lệ nguồn vốn ODA đang dồn cho các NGO hơn là cho chính phủ; NGO đang là đối tác quan trọng của WB và nhiều tổ chức quốc tế khác.

5. *Hoạt động của NGO chính là nhằm gián tiếp ủng hộ sự thành công, lớn mạnh của nền kinh tế thị trường nhờ vai trò ổn định xã hội và đa dạng hoá nhu cầu.*

Hoạt động của NGO có tác dụng xóa bỏ những cản trở cho sự phát triển kinh tế và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội trọng yếu. Sự phát triển các tổ chức NGO đánh dấu bước phát triển mới của kinh tế thị trường theo hướng quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề xã hội, trong đó có sự tồn tại những giá trị hợp tác truyền thống bền vững với mạng lưới xã hội, lòng tin và một cam kết về một xã hội tốt đẹp hơn.

Với những lý do cơ bản nêu trên cho sự tồn tại, phát triển của các tổ chức dân sự, các nước đã hình thành những khung pháp lý cơ bản về các tổ chức dân sự. Trong /2/ ⁴ với tài liệu tham khảo của Ngân hàng Thế giới (WB): “Dự luật khung về các quỹ sáng lập (Foundation) và Hội”, và tài liệu /3/ ⁵ về những gì mà quốc tế cho là “những thực hành tốt về các luật liên quan tới các tổ chức phi chính phủ” ta có thể hình dung được những nét cơ bản về khung pháp lý và những quan điểm chung của thế giới về các hội. Có thể nêu ra sau đây một số nội dung cơ bản thể hiện tinh thần của “Dự luật khung” như sau:

Dự luật khung về Quỹ sáng lập và Hội gồm 7 chương với những nội dung quy định khá cụ thể, dễ dàng cho việc thực thi, bao gồm như sau:

- Chương I: Mục đích, Tên gọi và Định nghĩa
- Chương II: Thành lập và Quan hệ với Nhà nước
- Chương III: Cơ cấu và Lãnh đạo
- Chương IV: Hoạt động của Hội và Quỹ sáng lập
- Chương V: Hồ sơ, Báo cáo và Điều tra
- Chương VI: Xử phạt và Chấm dứt hoạt động
- Chương VII: Qui định cuối cùng (nói về khiếu nại, tác động với các văn bản khác, thời hiệu của luật và thời gian quá độ)

Điều 1 của Chương I trong /2/ cho biết Mục đích của Dự luật khung như sau:

(1) Khuyến khích, bảo vệ và động viên sự tham gia của các hội và quỹ sáng lập (Foundation) vào sự phát triển xã hội và kinh tế.

⁴ /2/. Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ- Tài liệu Hội thảo “Trao đổi kinh nghiệm quản lý tổ chức phi chính phủ”- Hà Nội, tháng 10/1999

⁵ /3/. TT Quốc tế về Luật Phi lợi nhuận- Sổ tay những sự thực hành tốt về các luật liên quan tới các tổ chức phi chính phủ (Tài liệu tham khảo nội bộ); Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội, tháng 5/2001

- (2) *Đảm bảo cho các hội và quỹ sáng lập đóng một vai trò trung tâm trong việc phát triển hơn nữa dân chủ và xã hội dân sự.*
- (3) *Hoàn thành cam kết của một nước với tư cách là quốc gia tham gia Công ước Quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị, thực hiện, bảo hộ và khuyến khích quyền tự do lập hội.*
- (4) *Đảm bảo cho các quỹ sáng lập và các hội được hưởng sự tự do và độc lập lớn nhất có thể được trong hành động, nhất quán với trách nhiệm xã hội, hành động mà không bị Chính phủ kiểm soát, kể cả quyền tự do biểu đạt như đã được bảo đảm trong Công ước Quốc tế về các quyền Dân chủ và Chính trị.*
- (5) *Cung cấp những quy tắc và cơ chế rõ ràng nhằm đảm bảo tính minh bạch và tính trách nhiệm của các hội và quỹ sáng lập.*

Chương II (/2/): Thành lập và Quan hệ với Nhà nước, đã cụ thể hoá những quan điểm nói trên, chẳng hạn trong Điều 5 về Đăng ký và Vào sổ có nói:

- (1) Nộp đơn cho Bộ; đăng ký. *Đơn xin thành lập một hội hoặc một quỹ sáng lập có thể nộp cho bất kỳ văn phòng nào thuộc Bộ. Mỗi hồ sơ nộp đều được cấp giấy chứng nhận tiếp nhận có để ngày tháng. Nếu một đơn đã có đủ thông tin đã nêu ra trong Điều 4, thì Bộ, trong vòng 10 ngày kể từ ngày đó, sẽ đăng ký cho tổ chức đó và đăng tải thông tin này trên tờ Công báo, mà tổ chức đó không phải trả phí. Một tổ chức sẽ trở thành một pháp nhân kể từ khi được đăng ký.*
- (2) Đăng ký vắng mặt. *Nếu hết hạn 60 ngày sau khi đã nộp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của luật pháp mà Bộ vẫn không có hành động dứt điểm để đăng ký hoặc từ chối đăng ký cho tổ chức đó, thì tổ chức đó được coi như đã thành lập một cách hợp lệ theo luật này và Bộ phải có trách nhiệm trong vòng 10 ngày kể từ khi hết thời hạn xét đơn, đăng ký cho tổ chức đó và cho đăng phát công khai bình thường việc tổ chức này đã được đăng ký trên Công báo.*
- (3) Từ chối đăng ký. ... *Bộ chỉ có thể từ chối đăng ký vì một trong các lý do sau:*
 - (a) *Khi mục đích hoặc điều lệ của tổ chức đó vi phạm luật của quốc gia;*
 - (b) *Nếu đơn xin đăng ký thực chất chưa đầy đủ; hoặc*

(c) Nếu tên gọi mà tổ chức đó đề nghị trùng với tên gọi của một tổ chức đã được đăng ký, hoặc tương tự với tên gọi đó tới mức có thể làm cho công chúng bị lẫn lộn

Nếu bị từ chối đăng ký, đương đơn có thể sửa sai và xin đăng ký lại hoặc tiến hành khiếu nại theo quy định tại Điều 22.

Điều 6: Quan hệ giữa các tổ chức với Nhà nước. Điều này quy định cụ thể những quyền tự do và tự chủ của hội; xin nêu ra một số điểm đáng chú ý sau:

- *Các hội và quỹ sáng lập có quyền tự do hoạt động và độc lập với chính quyền nhà nước*
- *Nhà nước hoặc một cơ quan của Nhà nước, có thể, nhưng không nhất thiết phải, dành sự giúp đỡ dưới dạng tài chính hoặc các dạng khác cho hội hoặc quỹ sáng lập.*
- *Các hội và quỹ sáng lập có thể tự do tham gia vào việc nghiên cứu, giáo dục, xuất bản và vận động đối với bất kỳ vấn đề gì có tác động tới lợi ích công, kể cả việc phê phán các chính sách hoặc việc làm của Nhà nước hoặc của bất kỳ quan chức hoặc cơ quan nào của Nhà nước.*
- *Các hội và quỹ sáng lập có thể không được tham gia vào tổ chức chính trị đảng phái, quyền góp hoặc chỉ tiêu tiền nhân danh các ứng cử viên chính trị, hoặc tham gia vào vận động bầu cử, nhưng các tổ chức này có quyền bày tỏ ý kiến của mình về bất kỳ vấn đề hoặc chính sách gì được tranh luận trong tiến trình vận động chính trị hoặc bầu cử.*
- *Không được hạn chế hoặc từ chối một cách bất hợp pháp quyền thành lập một tổ chức.*

Những quy định trong Dự luật khung (/2/) cũng như những khuyến nghị trong /3/ cho thấy nguyên tắc chủ đạo trong luật NGO là cho phép, khuyến khích và bảo vệ quyền tự do hoạt động của các tổ chức trước pháp luật, nhưng đồng thời cũng cho phép công chúng chống lại những hành động lạm dụng và sai trái bằng cách yêu cầu các NGO phải minh bạch, dám chịu trách nhiệm và tư quản, đặc biệt trong vấn đề sử dụng quỹ công hoặc quỹ do công chúng quyên góp.

Có thể thấy rằng những quy định trong dự luật khung nói trên có tính cụ thể rõ ràng trong thực thi hơn nhiều so với những quy định trong văn bản mới ban hành gần đây của Chính phủ Việt Nam là Nghị định của Chính phủ ngày 30 tháng 7 năm 2003 số 88/2003/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Thông tư số 01/2004/TT-BNV của Bộ Nội Vụ ngày 15 tháng 01 năm 2004 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 88/2003/NĐ-CP. Điểm khác biệt cơ bản mang tính nguyên tắc ở đây là *các hội ở nước ta phải xin và phải được Nhà nước cho phép hoạt động, còn quy định theo khuyến nghị của WB thì lập hội là quyền cơ bản của công dân và Nhà nước phải có trách nhiệm đăng ký và tạo điều kiện cho hội được tự do hoạt động.*

3. Những quan điểm về tổ chức và hoạt động HHDN của các nước.

Hiệp hội các tổ chức kinh tế, hay còn gọi tắt là các HHDN, là một bộ phận trong các tổ chức dân sự, là thuộc “khu vực thứ ba”. Tại Việt Nam, chúng cũng được điều chỉnh về thành lập và hoạt động theo các điều khoản của Nghị định 88/2003/NĐ-CP nói trên.

Điểm đặc biệt là tuy các HHDN là tổ chức phi chính phủ (NGO) và phi lợi nhuận (NPO), nhưng lại có quan hệ rất gần gũi với các DN nói chung (là tất cả các hình thức tổ chức phục vụ cho mục đích kinh tế và kinh doanh như các Tập đoàn, Công ty, Xí nghiệp hoặc các tổ chức thương mại khác; đó là các tổ chức thuộc khu vực Thị trường – “khu vực thứ hai”). Các HHDN có vai trò rất quan trọng trong hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, tăng cường hiệu quả hoạt động của các DN.

Trong một nền kinh tế thị trường, các hiệp hội kinh doanh và các phòng thương mại đang nắm vai trò then chốt, quyết định sự phát triển các DN, nghĩa là quyết định những phương kế sinh nhai của dân chúng và góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước. *“Những tổ chức này đã và đang trở thành một bộ phận hữu cơ thúc đẩy mối liên kết đan xen về kinh tế, chính trị, xã hội trong nền kinh tế toàn cầu. Hoạt động của những tổ chức này đang mở ra cho người dân bình thường những cơ hội mang tính đột phá và cả quyền tự quyết định điều gì có lợi nhất đối với họ, cũng như vai trò họ nắm giữ trong xã hội”.* Đây là nhận định nêu ra trong tập sách nhỏ “Hiệp hội Doanh nghiệp trước thềm thế kỷ 21 – Kế

hoạch chi tiết cho tương lai”⁶ với các tài liệu thu thập theo chỉ đạo của Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế (CIPE) tại Washington, USA. Tập thể tác giả của cuốn sách trên bao gồm những giám đốc điều hành HHDN nổi tiếng, những người đã tổng kết kinh nghiệm quản lý HHDN quốc tế và HHDN Mỹ: Larry Milner, Gary A. LaBranch, Edward Mc Milan và Joe Baker Jr.

Sau đây là một số nội dung chính rút ra từ tài liệu trên, chúng cho ta hình dung những nét cơ bản về xu thế phát triển của HHDN trong thế kỷ 21, vai trò, chức năng nhiệm vụ, những mô hình tổ chức cơ bản và các chuẩn mực để một HHDN có thể hoạt động có hiệu quả.

3.1. Xu hướng chung trên thế giới-

Xu hướng chung là các nước đều chuyển đổi từ nền kinh tế chỉ huy tập trung sang kinh tế phục vụ yêu cầu của thị trường. Từ đó, yêu cầu hàng đầu của các quốc gia là phải thiết lập hoặc sửa đổi cơ sở hạ tầng xã hội. Các thể chế thương mại như HHDN, phòng thương mại (PTM) đang chuyển hướng mạnh mẽ từ thực thể nhà nước thành các tổ chức tư nhân tự nguyện (Liên hiệp PTM và công nghiệp LB Nga, HH PTM, Công nghiệp, Mỏ và Nông nghiệp Nigeria, ...). Những HHDN trong nền kinh tế thị trường thường đóng vai trò quan trọng không những trong hướng dẫn hoạt động đầu tư và kinh doanh của các DN tự do mà còn trong quyết định chính sách công có tác động đến quyền lợi của khu vực kinh tế tư nhân.

3.2. Lợi ích đối với xã hội của HHDN-

Lợi ích này xuất phát từ quan điểm: xã hội được hưởng lợi từ sự phát triển đúng hướng của các DN: tạo việc làm, nâng cao đời sống xã hội, tăng thu nhập của Nhà nước qua thuế.

Các nhóm kinh doanh tự nguyện, các nhà chuyên môn, các nhóm phát triển cộng đồng có thể kết hợp sức mạnh tổng hợp của họ bằng cách hợp tác với nhau giải quyết những vấn đề chung. Khi cộng tác với CP, các HH tư nhân đã xây dựng những chương trình, khuyến nghị những chính sách của nhà nước mở mang cơ sở kinh tế. Các HHDN và các tổ chức chuyên ngành đã sẻ chia gánh nặng trong phát triển kinh tế, tiêu chuẩn an toàn, tăng cường sản xuất, thúc đẩy giáo dục, thông tin

⁶ “Hiệp hội Doanh nghiệp trước thềm thế kỷ 21 – Kế hoạch chi tiết cho tương lai”- Bản dịch được sự tài trợ của Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân (MPDF) trong khuôn khổ Dự án Xây dựng Năng lực HHDN Việt Nam (BASI), CIPE xuất bản vào quý 3, năm 2003.

chung, đạo đức nghề nghiệp, dịch vụ cộng đồng, thông tin về người tiêu dùng, v.v.. HH trong nền kinh tế thị trường thích hợp cho việc ra quyết định ở cấp quốc gia, khu vực và địa phương. *Cách thức cơ bản nhất là HH dựa trên tinh thần của các thành viên muốn nâng cao lợi ích của mình trong khi chiếm lĩnh thị trường toàn cầu, đề xuất cải cách luật công nhằm thúc đẩy cạnh tranh và thị trường mở.*

Việc một số cơ quan CP tìm cách giành quyền kiểm soát khu vực tư nhân thông qua PTM, chẳng hạn PTM Ba Lan hỗ trợ một loạt đạo luật chủ trương “các HH tự quản” cho phép thiết lập chế độ thành viên bắt buộc, PTM có quyền đánh thuế các DN và đặt ra quy chế quản lý các DN đó. Như vậy, phương án này chuyển quyền quản lý nền kinh tế quốc gia vào tay một nhóm người không qua bầu cử nhưng lại có thể ưu đãi DN này hơn DN khác và thực tế có thể xoá bỏ bất cứ DN nào nếu nó muốn thông qua việc áp thuế. Do đó “HH tự quản” nghe rất hấp dẫn, nhưng lại có thể giết chết nền kinh tế dân chủ, do thị trường điều tiết.

3.3. Các mô hình PTM-

- Mô hình lục địa (Âu châu)- xây dựng ở Pháp, Đức với nền tảng pháp lý của PTM là do các cơ quan lập pháp tạo ra. Luật cho phép chính phủ (CP) giao một số chức năng hành chính cho các PTM. Để trả công cho PTM tiến hành một số chức năng công cộng, tất cả các DN tư nhân bắt buộc phải trở thành thành viên và có nhiệm vụ đầu tư tài chính cho PTM. Mô hình này hạn chế số PTM trong một khu vực địa lý cụ thể. *Mô hình này sẽ có lợi khi hoạt động của tổ chức chủ yếu là phát triển kinh tế nhờ vào sự hỗ trợ của CP.*
- Mô hình Anglo-Saxon (Anh, Mỹ)- Mô hình này không bắt buộc PTM phải thực hiện bất cứ chức năng nào của CP. PTM được phép tự do hoạt động theo cách của họ thông qua chế độ thành viên và đầu tư tự nguyện. Lãnh đạo PTM quyết định các khoản phí và không có điều khoản phạt luật định nào do không đóng phí. Các tổ chức này tự do theo đuổi các mục tiêu mà không phải chịu sự chỉ đạo hay quản lý nào của CP. *Mô hình này có lợi khi tổ chức chủ yếu hoạt động nhằm vận động chính sách của nhà nước.*
- Mô hình hỗn hợp là nỗ lực thống nhất những ưu điểm của 2 mô hình trên. Ví dụ: LB Nga cố gắng duy trì chức năng của một số PTM Xô Viết cũ trong quá trình chuyển đổi từ chế độ thành viên bắt buộc sang chế độ thành viên tự nguyện. Tuy nhiên cũng không chắc chắn là mô hình này có tốt hơn 2 mô hình trên hay không, bởi vì có thể nó sẽ chỉ kết hợp được những nét tiêu cực

của 2 mô hình trên mà thôi! Tuy vậy “*Bất cứ một cấu trúc tổ chức nào cũng sẽ hoạt động hài hoà, miễn là thành viên của tổ chức đó tự nguyện*”.

3.4. Cơ cấu tổ chức HHDN

“*Trật tự hợp lý là nền tảng của mọi điều tốt đẹp*” – Edmund Burke

(a) Các hội viên là chủ nhân và cũng là khách hàng của HH

“*Hội viên là một thành viên tự nguyện đầu tư để đổi lấy một giá trị được công nhận từ hiệp hội*”

Các loại hội viên bao gồm:

- (i) hội viên hoạt động, có quyền bỏ phiếu (*active member*)
- (ii) hội viên liên kết – *associate member* (bao gồm những cá nhân, công ty quan tâm tới HH nhưng không đủ điều kiện trở thành hội viên bỏ phiếu)
- (iii) hội viên cộng tác (các cá nhân, công ty trong cùng một ngành nhưng không đủ điều kiện để trở thành hội viên có quyền bỏ phiếu)
- (iv) hội viên sinh viên (*student member*)
- (v) hội viên danh dự và hội viên suốt đời

Hiệp hội có cấu trúc ngang: khi chỉ có một bộ phận trong một ngành là thành viên chủ yếu của HH và tất cả các hội viên có quyền bỏ phiếu đều thuộc cùng một khâu trong hoạt động kinh tế (khâu sản xuất hoặc khâu tiêu thụ ...)

Hiệp hội có cấu trúc dọc: các hội viên thường xuyên hoặc các hội viên có quyền bỏ phiếu đến từ nhiều khâu khác nhau trong một ngành cụ thể, chẳng hạn: khâu sản xuất, khâu bán sỉ, khâu bán lẻ, ...

Liên hiệp: nếu thành viên của HH cũng là HH

(b) Các văn bản pháp lý điều chỉnh HH

Hai loại văn bản pháp lý cơ bản là:

- (i) Hiến chương: thường do CP trung ương hoặc địa phương ban hành, trong đó quy định về công bố tên tổ chức, vạch ra mục tiêu cơ bản của tổ chức và công bố tên các thành viên sáng lập

- (ii) Điều lệ HH (by-law): đề ra các quy định điều hành HH

3.5. Thiết lập nền tảng ủng hộ vững vàng từ các hội viên

Nhà văn Pháp Alexis de Tocqueville khi đi thăm nước Mỹ vào thế kỷ 19 đã viết: “Người Mỹ, dù ở bất cứ độ tuổi nào, trong hoàn cảnh sống nào và tính cách nào cũng liên tục thành lập ra các hiệp hội. Không chỉ có các hiệp hội thương mại và công nghiệp mà ai cũng có thể tham gia mà còn các hiệp hội thuộc hàng ngàn loại khác- dựa vào tín ngưỡng, đạo đức, nghiêm túc, không nghiêm túc, rất chung hay rất hạn chế, cực lớn và siêu nhỏ.” Ông đã nhìn thấy những phương thức đạt được mục tiêu thông qua HH mà các cá nhân riêng lẻ không tài nào đạt được; HH là nấc thang quan trọng để tiến tới dân chủ. Có thể thấy rằng cái tinh thần kết đoàn này hiện nay chưa có ở Việt Nam.

Một số động cơ khiến hội viên đầu tư vào HH (Mọi người coi cái gì là giá trị từ tổ chức HH?). HH đã kích thích các hội viên tham gia thông qua các lợi ích gì?

- Sự công nhận nghề nghiệp và cá nhân
- Được lợi về tiền bạc nhờ quan hệ với khách hàng mới, bạn đồng minh mới
- Tham vọng cá nhân đạt được các mục tiêu riêng
- Cơ hội liên kết với các hội viên kinh doanh khác
- Các chương trình giáo dục
- Nâng cao hình ảnh bản thân và hình ảnh DN mình
- Tham gia vào cộng đồng/ ngành
- Có được các nguồn thông tin quý giá
- Phát triển chuyên môn và phát triển cá nhân
- Quan hệ với chính giới và có được thông tin về chính trị
- Tham gia với CP phục vụ cho lợi ích của DN
- Các dự án phát triển cộng đồng/ ngành
- Các ấn phẩm
- Dịch vụ và các lợi ích như bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm sức khỏe
- Thông tin công nghệ mới nhất
- Chức năng xã hội

- Đoàn kết
- Tiết kiệm chi phí do tăng quy mô
- Cảm giác thuộc về một nhóm
- Cơ hội tạo ảnh hưởng đối với chính sách của CP

3.6. Các chương trình và hoạt động của các HHDN

Đây là một hệ thống các chương trình đa dạng và toàn diện, thể hiện sự hoạt động và vai trò mạnh mẽ của HHDN ở các nước phát triển. Tại Việt Nam, có thể nói rằng chưa có HHDN nào có được diện hoạt động như thế.

(a) Các hoạt động giáo dục

- Tài trợ các khoá học ngắn, thực hành, hội thảo hoặc các học viện cho cộng đồng/ ngành/ giới DN. Cấp chứng chỉ, phần thưởng cho học viên khi hoàn thành khoá học
- Cung cấp bài kiểm tra, sổ tay chỉ dẫn cho đào tạo nhân viên
- Cung cấp phim, đĩa, băng cho các chương trình đào tạo
- Kết hợp với các chương trình giáo dục và đào tạo của các tổ chức khác
- Cấp học bổng, học bổng NCS và tài trợ
- Tổ chức, tài trợ các khoá học ban đêm
- Tổ chức một chương trình cấp chứng chỉ
- Vận hành một trung tâm đào tạo cho các chuyên gia của cộng đồng/ ngành/ giới DN
- Tổ chức triển lãm thương mại hoặc trưng bày sản phẩm nhân danh các nhà cung cấp/ cộng đồng/ giới DN trong ngành

(b) Chương trình quan hệ người sử dụng lao động – người lao động

- Tổ chức các cuộc điều tra khảo sát về người lao động trong DN của các hội viên (lương, lịch lao động, các phụ cấp, ...)
- Phổ biến thông tin về luật lao động
- Tổ chức các hội thảo về quan hệ chủ – người lao động
- Tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao sức khoẻ và an toàn cho cơ sở của các hội viên
- Cung cấp sổ tay hướng nghiệp cho trường học

- *Khảo sát về chính sách nhân sự*
- *Cung cấp phương tiện chuyển đổi hợp đồng lao động của hội viên*
- *Cung cấp dịch vụ thay thế và chuyển đổi nhân sự*
- *Cung cấp thông tin về các kế hoạch đánh giá công việc, các kế hoạch khích lệ và các cuộc thi kỹ năng*
- *Tham gia phân xử và hoà giải*
- *Hoạt động như một cơ sở thương lượng chung*

(c) Chương trình quan hệ CP

- *Thông báo cho hội viên về luật lệ do nhà nước ban hành*
- *Trang bị cho hội viên các hiểu biết và quan điểm về các vấn đề luật pháp*
- *Thông báo cho hội viên về các thủ tục hành chính của CP và của địa phương*
- *Duy trì quan hệ với CP, quốc hội để nghiên cứu và đề xuất các vấn đề lập pháp của quốc gia, bộ ngành*
- *Hỗ trợ chính quyền bằng việc cung cấp các số liệu thống kê, các vấn đề về ngành, giới, cộng đồng DN*
- *Cử người phát ngôn tham gia các chương trình hội nghị và các vấn đề lập pháp*
- *Dự thảo các quy định và mô hình luật*
- *Vận động hoàn thành các mục tiêu của cộng đồng, ngành, giới DN*
- *Đưa tin về các quyết định của toà án*
- *Khuyến khích hội viên tích cực vận động trong Đảng*
- *Tài trợ các khoá học, huấn luyện tham gia hoạt động chính trị*
- *Hỗ trợ các hội viên trong các hiệp định thương mại, hải quan, thuế quan*
- *Thay mặt toàn ngành trong đàm phán về thuế quan*
- *Hỗ trợ CP tài trợ và tham gia vào các hội chợ thương mại quốc tế*

(d) Các chương trình xuất bản

- *Thông báo hoạt động của HH*

- *Bản tin pháp lý, kỹ nghệ và các bản tin khác*
- *Danh mục hội viên*
- *Sổ tay hướng dẫn và sách huấn luyện*
- *Tạp chí, tập san thương mại và chuyên ngành*
- *Báo cáo hàng năm*
- *Tài liệu về án lệ và các quyết định của toà án*
- *Danh mục các nhà cung cấp, khách hàng, v.v.*
- *Quy tắc và các sổ tay hướng dẫn an toàn*
- *Các hương trình, phần mềm và đĩa vi tính*
- *Các ấn phẩm chuyên ngành*

(e) Quảng bá và quan hệ công chúng

- *Cung cấp các thông tin và các sự việc liên quan tới ngành/ giới DN cho các phương tiện thông tin đại chúng*
- *Duy trì hoạt động liên tục của các ban quan hệ công chúng*
- *Cung cấp thông tin cần thiết cho các hội viên*
- *Cung cấp các bài phát biểu để hội viên sử dụng trong quan hệ công chúng*
- *Cung cấp cho hội viên phim, băng, đĩa về quan hệ công chúng để họ sử dụng*
- *Duy trì một cơ quan phát ngôn*
- *Tổ chức tuần lễ chuyên ngành toàn quốc*
- *Duy trì một rạp trưng bày để di triển lãm toàn quốc và thế giới*
- *Tổ chức tour hàng năm quanh các thành phố để gặp và thảo luận các vấn đề chung với dân chúng, chính quyền, cơ quan hành pháp*
- *Cung cấp tiêu đề về các sự kiện quan trọng để các phóng viên và nhà bình luận lựa chọn*
- *Tài trợ các cuộc thi nhiếp ảnh*
- *Cung cấp phim tài liệu truyền hình*
- *Tài trợ các chương trình “ngày hội nghề nghiệp” và các chương trình về an toàn tại các trường học.*

- *Xuất bản danh mục tiêu sử các công ty hội viên*

(f) Các hoạt động nghiên cứu

- *Tổ chức các hoạt động nghiên cứu tại các phòng thí nghiệm thương mại, các viện nghiên cứu, các phòng nghiên cứu của các hội viên hoặc CP*
- *Tổ chức các hoạt động nghiên cứu với những phương tiện nghiên cứu của HH hoặc các PTM. Những kết quả nghiên cứu sẽ được HH hoặc PTM công nhận bản quyền*
- *Lập đề cương các đề tài nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ của hội viên*
- *Lập đề cương các đề tài nghiên cứu phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ mới*
- *Quản lý nghiên cứu và uyển dụng cán bộ nghiên cứu*

(g) Tiêu chuẩn hoá và công nhận

- *Kết hợp với các cơ quan quân sự và CP để xem xét lại các tiêu chuẩn và đặc điểm kỹ thuật*
- *Công bố các tiêu chuẩn hoặc các đặc điểm kỹ thuật của sản phẩm*
- *Xây dựng tiêu chuẩn thực hiện cho công việc của ngành*
- *Xây dựng các tiêu chuẩn về các dạng, kích thước và loại sản phẩm được sản xuất*
- *Nghiên cứu tiêu chuẩn về kích thước, độ bền và tên gọi*
- *Phát triển tiêu chuẩn về quy trình vận hành cơ các văn phòng và nhà máy*
- *Xây dựng các tiêu chuẩn về tài sản làm cơ sở để đánh giá xếp loại, chấp thuận và cấp giấy chứng nhận*
- *Phát hành con dấu công nhận hoặc biểu trưng được công nhận về sản phẩm và dịch vụ*
- *Bắt buộc áp dụng và bảo vệ, công nhận tiêu chuẩn*

(h) Hoạt động thống kê

- *Phổ biến các số liệu thống kê do cơ quan CP biên soạn. Các HH và PTM sử dụng để xây dựng các dự báo ngắn hạn và dài hạn về tương lai của ngành*

- *Biên soạn và phổ biến các số liệu thống kê phản ánh: đơn đặt hàng; doanh số; sản lượng; công tác xây dựng; tai nạn và thương tích; tỷ số vận hành; việc làm; lợi nhuận; hàng tồn kho; gửi hàng*

(i) Các chương trình bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

- *Xuất bản bộ chuẩn mực và khuyến khích công chúng phản ánh với HH hoặc PTM về những sản phẩm hoặc dịch vụ không vừa lòng*
- *Khuyến khích hội viên quảng cáo trung thực*
- *Tổ chức các chương trình giáo dục nhằm vào công chúng về những gì ngành và cộng đồng DN đang làm để bảo vệ người tiêu dùng*
- *Tài trợ cho chương trình công nhận và chứng nhận tiêu chuẩn của hội viên*
- *Duy trì một ban gồm các hội viên và người tiêu dùng để nghiên cứu các vấn đề của người tiêu dùng*
- *Phát hành con dấu chứng nhận chất lượng của sản phẩm và dịch vụ*
- *Tổ chức các cuộc sát hạch và thanh tra hoặc dịch vụ xếp loại để giúp người tiêu dùng chọn được sản phẩm đáp ứng những nhu cầu nhất định*
- *Cung cấp một thanh tra tiêu dùng cho ngành kinh doanh và thuê một cố vấn tiêu dùng*

(j) Các chương trình sinh thái và tiêu dùng

- *Xây dựng luật quy định các tiêu chuẩn nhằm kiểm soát môi trường*
- *Duy trì một ban gồm các hội viên và một số người khác để nghiên cứu phương pháp giảm ô nhiễm môi trường và nâng cao chất lượng môi trường*
- *Xây dựng quy định cung cấp động lực cho ngành để nâng cao việc kiểm soát môi trường*

4. Những quan điểm về tổ chức và hoạt động HHĐN của Việt Nam

Tại Việt Nam, cùng với việc chuyển sang nền kinh tế “thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, số lượng các HHĐN đã tăng lên nhanh chóng. Đảng và Nhà nước ta cũng rất chú ý và tạo điều kiện cho sự ra đời và hoạt động của chúng. Sau đây là những ý tưởng/ quan điểm của các quan chức, những người chịu trách nhiệm xét duyệt sự ra đời của các HHĐN và những nhà hoạt động HH của nước ta qua các bài viết, các phát biểu tại các hội thảo khoa học trong nước cũng như công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng trong những năm gần đây.

4.1. Về vị trí, vai trò của HHDN Việt Nam-

Hiện nay, từ các cơ quan Đảng, Nhà nước cho tới các DN thuộc mọi thành phần kinh tế, đều có cái nhìn tương đối thống nhất về vai trò, vị trí của HHDN trong phát triển kinh tế xã hội của nước ta. Sự phát triển của các HHDN thể hiện quy luật tất yếu khách quan của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam. Bản thân sự phát triển nhanh và đa dạng các HHDN vừa qua là một minh chứng cho nhu cầu tất yếu đó.

Tuy nhiên, khác với sự rõ ràng, nhất quán trong quan niệm về vai trò, chức năng của HHDN tại các nước kinh tế thị trường phát triển, tại Việt Nam, do những khác biệt về hoàn cảnh lịch sử và chế độ chính trị, vấn đề cần được làm rõ thêm và vẫn còn đang có nhiều tranh luận là: *HHDN đứng ở vị trí nào* trong hệ thống các tổ chức xã hội; trên cơ sở đó xác định đúng *mối quan hệ chức năng* giữa HHDN với tổ chức Nhà nước và các đơn vị thành viên.

Từ nhiều năm qua, chúng ta chỉ biết đến *hệ thống chính trị* bao gồm tổ chức Đảng (lãnh đạo, cầm quyền), các tổ chức Nhà nước (quản lý vĩ mô) và các tổ chức nhân dân (thường chỉ tính đến các đoàn thể quần chúng). Điều đáng chú ý là các tổ chức nhân dân ở đó chỉ gồm các đoàn thể quần chúng mang tính chất chính trị – xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội LH Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh, v.v.). Mặt khác, lại phân chia ra ba khu vực theo tính chất sở hữu: *Nhà nước*, *Tập thể* và *Tư nhân*. Ở đó, chưa có chỗ đứng cho các tổ chức do dân lập ra và tự quản.

Trong một xã hội có nền kinh tế thị trường, vai trò của Nhà nước đã có sự thay đổi, không tự mình bao biện mọi hoạt động trong xã hội mà phải tự phát huy mọi tiềm năng phong phú và sáng tạo của dân với nhiều loại hình tổ chức (xem ⁷ và ⁸). Chủ trương xã hội hoá nhiều loại hoạt động chính là để xúc tiến phương hướng đó. Sự xuất hiện hàng loạt các tổ chức dân sự xuất phát từ yêu cầu tất yếu của xã hội mới, trong lĩnh vực kinh tế là các HHDN. Trong xã hội đó, hình thành ba khu vực: *Nhà nước* (các cơ quan công quyền), *Thị trường* (các đơn vị kinh doanh), *Dân sự* (các tổ chức do dân lập ra và tự quản). Ba loại tổ chức đó có vị trí, chức năng, mục

⁷ Phạm Quang Lê- Máy vấn đề cần làm rõ thêm về hiệp hội doanh nghiệp- (bài viết cho Đề tài). Tháng 7-2004.

⁸ Phạm Quang Lê- Nhận thức rõ thêm về Tính chất, vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của các HHDN- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới”- Hà Nội, tháng 6-2004

tiêu cụ thể và phương thức hoạt động khác nhau với quan hệ tương hỗ và cùng hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

HHDN là một loại hình tổ chức trong khu vực thứ ba với tư cách là tổ chức dân sự, tổ chức phi chính phủ; cần phân biệt rạch ròi với các tổ chức khác trong hai khu vực còn lại. Đó là tổ chức *liên minh các tổ chức kinh tế* cùng ngành kinh tế - kỹ thuật (ngành hàng), với mục tiêu cụ thể là bảo vệ quyền lợi hợp pháp, điều hoà lợi ích, yểm trợ nhau để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường, thúc đẩy gia tăng lợi nhuận của mọi đơn vị thành viên.

Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của HHDN là: *tự quản* (độc lập với công quyền), *tự nguyện* (tham gia hoặc không), *tự trang trải* (không phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước) và *phi lợi nhuận* (không có mục đích vụ lợi); góp phần phát triển kinh tế - xã hội qua hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên.

Quan hệ giữa HHDN với các cơ quan quản lý Nhà nước (cụ thể là Bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực) là *quan hệ đối tác*, hoàn toàn không phải là quan hệ “chủ quản” hoặc là quan hệ quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp. Sự quản lý Nhà nước ở đây là quản lý về dân sự do Bộ Nội vụ thực hiện. Tuy nhiên, các Bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực lại có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các HHDN và *hỗ trợ tài chính* tùy theo sự đóng góp thiết thực cho sự phát triển ngành (không phải là cấp kinh phí thường xuyên như đối với bộ máy hành chính).

Quan hệ giữa HHDN với các doanh nghiệp thành viên là *quan hệ liên minh* (liên kết mềm theo chiều ngang) trên tinh thần bình đẳng; không phải là sự liên kết cứng trong kinh doanh có sự góp vốn chung, điều hành chung (như Tổng công ty, Tập đoàn, Công ty mẹ - con...)

Qua điều tra của Viện VIM (xem mục III của báo cáo này), hiện vẫn có tới 31% HHDN cho rằng “HHDN do Nhà nước thành lập và chịu sự quản lý ngành”. Lại có 13,8% HHDN tự cho là “tổ chức liên kết kinh doanh, điều hành chung hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, có góp chung vốn và phân chia lợi nhuận”. Đó là những nhận thức không đúng về vị trí của HHDN. Trên thực tế, ta còn thấy những trường hợp Bộ hoặc Sở đứng ra thành lập HHDN, bố trí cán bộ lãnh đạo HHDN (thường là thủ trưởng, giám đốc Sở), xét duyệt điều lệ và can thiệp cụ thể vào hoạt động của HHDN. Cũng cần nói thêm rằng *bản thân một số HHDN cũng muốn như vậy để được “bao cấp” hoặc để “dễ làm việc”; tự đặt mình vào vị trí tổ chức phụ thuộc thay vì phải là đối tác.*

Những ý kiến trên của tác giả Phạm Quang Lê (chú thích 7 và 8 trang 25) cũng đã được chia sẻ trong Hội nghị “Đổi mới Mô hình Tổ chức và Phương thức Hoạt động của Hiệp hội các Tổ chức Kinh tế trong Thời kỳ Đổi mới” ngày 30-6-2004 do Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam và Bộ Nội Vụ đồng tổ chức. Tuy nhiên việc thể hiện nó trong các văn bản pháp lý của Nhà nước vẫn còn nhiều bất cập và trên thực tế hoạt động các HHDN vẫn còn những trường hợp áp đặt và khiên cưỡng. Chẳng hạn, TS Vũ Đình Ánh (Học viện Tài chính) cho biết: “HH Thép Việt Nam bao gồm cả những nhà sản xuất hưởng lợi và bất lợi từ việc cắt giảm thuế nhập khẩu phôi thép, thậm chí ảnh hưởng tới sự sống còn của DN, nên HH khó có thể tìm được sự đồng thuận trong vấn đề này, tác động tiêu cực tới hoạt động của HH”; ông cho rằng: “Giải pháp tốt nhất là tách thành 2 HH độc lập với nhau với những hội viên có chung những lợi ích cơ bản”⁹.

4.2. Về tính chất của HHDN Việt Nam-

Hiện tại vẫn còn khá nhiều lẫn lộn trong quan niệm về các loại hình tổ chức dân sự tại Việt Nam cũng như quan niệm về tính chất của HHDN; nhiều người còn quy tất cả mọi tổ chức hội đều mang tính chính trị xã hội. Tính chất chủ yếu của HHDN còn có thể bị hiểu lầm nếu nhìn vào thực tế các loại hình tổ chức này ở Việt Nam. Trong hội thảo gần đây (cuối tháng 6/2004) do Bộ Nội vụ và Phòng TM tổ chức, đã có ý kiến cho rằng cần có 6 loại hình HHDN. Đó là HHDN *theo ngành hàng*, HHDN *theo khu vực địa lý* (ví dụ Hiệp hội Công thương Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh), HHDN *theo quy mô doanh nghiệp* (ví dụ HH các DN nhỏ và vừa, HH các DN nhỏ và vừa các ngành nghề ở nông thôn), HHDN *theo giới tính* (CLB doanh nghiệp nữ), HHDN *theo lứa tuổi* (Hội doanh nghiệp trẻ) và HH *theo kiểu Câu lạc bộ (CLB) doanh nhân* (CLB giám đốc, CLB doanh nhân có vốn nước ngoài), v.v..

Theo cách phân loại hiện hành về các Hội, hiện có 24 tổ chức được coi là “tổ chức chính trị - xã hội” (bao gồm 6 đoàn thể quần chúng; còn lại là các “tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp”... Nhiều ý kiến cho rằng sở dĩ có xu hướng muốn được công nhận là tổ chức chính trị - xã hội là ở chỗ được cấp kinh phí thường xuyên từ ngân sách. Thực ra, còn có lý do ở quan niệm không đúng về chức năng (qua điều tra của VIM- xem mục III của báo cáo này, có 13,8% HHDN

⁹ TS Vũ Đình Ánh- Đổi mới nhận thức về hội/ hiệp hội kinh tế Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới”- do VCCI và Bộ Nội vụ tổ chức; Hà Nội, tháng 6-2004

cho rằng HHDN “là tổ chức quần chúng có chức năng tập hợp, giáo dục, vận động thực hiện chính sách” và do đó phải “mang tính chất chính trị - xã hội”).

Quan niệm đó là sự lẫn lộn về tính chất của các loại hình tổ chức dân sự trong xã hội. Khái niệm “chính trị” ở đó đã bị suy diễn đến mức hễ cứ phục vụ nhiệm vụ chính trị (chấp hành đường lối, chính sách) là có tính chất chính trị. Thực ra, duy nhất chỉ có Đảng là tổ chức chính trị (chính Đảng), ngoài ra một số tổ chức quần chúng của Đảng (Công đoàn, Đoàn TNCS,...) là mang tính xã hội hoặc nghề nghiệp (căn cứ mục tiêu hoạt động cụ thể). Khi chuẩn bị tư tưởng cho việc xây dựng Luật về Hội, đã có nhiều ý kiến kiến nghị cần phải phân biệt rạch ròi như vậy (ở nhiều nước, chỉ coi Đảng và Công đoàn là tổ chức chính trị). Tất nhiên như vậy cần sửa đổi từ Pháp lệnh về cán bộ công chức, trong đó không thể coi cán bộ đoàn thể là công chức Nhà nước.

HHDN thực chất là tổ chức nghề nghiệp, bởi đó là sự liên minh giữa những người cùng nghề nghiệp (ngành kinh doanh) để phát triển ngành nghề, phối hợp hành động vì nghề nghiệp. Ngay cả khi HHDN có thiện chí tham gia công tác xã hội (như từ thiện, nhân đạo...) cũng không coi là có tính chất xã hội. Không có gì phải mặc cảm rằng như vậy là “vô chính trị” hoặc tách rời chính sách xã hội. Có xác định rành mạch tính chất của HHDN thì mới tập trung vào mục tiêu chính, chức năng chính để có phương thức hoạt động đúng.

Trên cơ sở những lập luận trên, tác giả Phạm Quang Lê đã kiến nghị nên thống nhất quan niệm về tính chất và chức năng nhiệm vụ của HHDN Việt Nam như sau đây và chúng tôi cho rằng đây là những ý kiến rất đáng cân nhắc:¹⁰

1. HHDN là một loại hình *tổ chức dân sự* (phi chính phủ) mang *tính chất nghề nghiệp* (nghĩa là có mục đích phục vụ cho phát triển nghề nghiệp), do các pháp nhân kinh tế tự nguyện liên kết với nhau để điều hoà lợi ích nội bộ HH, bảo vệ lợi ích chung, yểm trợ lẫn nhau đối phó với các tác nhân bất lợi từ bên ngoài nâng cao hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị thành viên.

Tính chất nghề nghiệp thể hiện ở chỗ bản thân HHDN *không phải là một tổ chức kinh doanh*, không trực tiếp kinh doanh với sự góp vốn và điều hành chung như các tổ chức Tổng Công ty, công ty mẹ, tập đoàn; không can thiệp

¹⁰ Phạm Quang Lê- Nhận thức rõ thêm về Tính chất, vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của các HHDN- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới” do VCCI và Bộ Nội vụ tổ chức- Hà Nội, tháng 6-2004

vào hoạt động kinh doanh riêng của từng đơn vị thành viên. Đó là tổ chức *phi lợi nhuận*, chỉ gián tiếp tác động hỗ trợ các thành viên nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2. HHDN là tổ chức *tự nguyện*, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, có tư cách pháp nhân, *độc lập với khu vực Nhà nước* và không phải chịu sự quản lý của cơ quan chủ quản theo ngành như các DN Nhà nước. HHDN là một *đối tác của chính quyền* làm nhiệm vụ cầu nối giữa DN với Nhà nước, được Nhà nước bảo vệ quyền lợi tạo điều kiện để thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động của DN. Nhà nước có thể khuyến khích và hỗ trợ phát triển các ngành trọng yếu không phải bằng “bao cấp” mà là ưu tiên giao cho các dự án phát triển.

Từ tính chất này, việc thành lập HHDN phải do một số sáng lập viên vận động và đăng ký hoạt động với cơ quan nội vụ chứ không phải do Bộ, Sở quản lý ngành đứng ra thành lập hoặc cho phép cũng như phê duyệt điều lệ (đúng như Điều 14 và 15 của NE 88 của CP về Hội). Nói cách khác, HHDN chịu sự điều chỉnh của Luật Dân sự thay vì Luật Doanh nghiệp. Điều này cần được nhấn mạnh bởi lẽ lâu nay đã có nhiều trường hợp các Bộ, Sở quản lý ngành vẫn hành xử như là cơ quan chủ quản của các HHDN, thậm chí có cả Thứ trưởng, giám đốc Sở đứng ra làm chủ tịch HHDN.

3. Từ vai trò và tính chất nói trên, HHDN có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tổ chức điều tra thị trường (trong nước và thế giới), phân tích và dự báo để khuyến cáo các đơn vị thành viên xác định quy mô và tiến độ kinh doanh hợp lý phù hợp với tiến độ cung cầu; tổ chức tìm thị trường mới, đối tác mới, nguồn lực mới để cùng phát triển cân đối, vững chắc.
- Trao đổi thông tin về công nghệ mới, thể chế mới và phương thức quản lý; trao đổi kinh nghiệm về quản lý kinh doanh để đạt hiệu quả cao, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Phối hợp hành động trong việc đối phó với các tác nhân bất lợi cho hoạt động kinh doanh của ngành, chống lại các hành vi độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh của các đối thủ. Khi cần, đại diện các đơn vị thành viên để khởi kiện tranh tụng nhằm bảo vệ lợi ích của các đơn vị trong HHDN.
- Làm cầu nối giữa các doanh nghiệp thành viên với các cơ quan quản lý Nhà nước để phản ánh các trở ngại về thể chế và hành vi của bộ máy công

quyền; khuyến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các luật, chính sách liên quan đến ngành.

- Điều hoà lợi ích trong nội bộ HHDN, tổ chức hoà giải các lợi ích bất đồng nếu chưa đến mức phải đưa ra xử lý theo pháp luật. Thống nhất quan điểm và biện pháp xử lý các bất đồng với người lao động (qua tổ chức công đoàn hoặc tự phát). Từng đơn vị thành viên không hành động riêng rẽ, trái với thoả thuận chung gây phương hại cho đồng nghiệp.
- Tìm và thu hút các nguồn lực tài chính cho HHDN bao gồm: đóng góp của các doanh nghiệp thành viên (định kỳ hàng năm hoặc đột xuất); tài trợ của các tổ chức và cá nhân (trong nước, nước ngoài); hỗ trợ của Nhà nước (qua đóng góp có hiệu quả vào các nhiệm vụ do Nhà nước giao); các nguồn thu hợp pháp khác (qua các dịch vụ gây quỹ, lãi tiết kiệm...). Sử dụng quỹ kinh phí của HH một cách hợp lý, công khai, minh bạch, có sự kiểm soát; không phân chia thu nhập cho cá nhân.
- Phối hợp tổ chức những hoạt động chung nhằm xúc tiến thương mại (như Hội chợ, triển lãm, quảng cáo, khuyến mãi...), đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực, tư vấn...
- Gia nhập các tổ chức Hiệp hội ngành ở khu vực hoặc quốc tế; tham gia các hoạt động chung.
- Ngoài ra, có thể phối hợp một số hoạt động đóng góp cho xã hội (như xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội cho địa phương, trợ giúp người nghèo khó, tạo việc làm, khuyến học, phát triển văn hoá...).

4.3. Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của HHDN.

Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của HHDN phải phù hợp với vị trí và tính chất của tổ chức này. Tuy nhiên, do nhận thức về vị trí và tính chất của HHDN ở Việt Nam còn chưa nhất quán, do đó còn khá nhiều bất cập về mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của tổ chức này; mỗi HH tùy theo cách nhìn của mình và tùy theo những đặc thù riêng của ngành hàng mà có những phương án khác nhau. Sau đây là những điểm chính về nguyên tắc và phương thức hoạt động đã được sự đồng thuận của nhiều HHDN:¹¹

¹¹ **Phạm Quang Lê**- Nhận thức rõ thêm về Tính chất, vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của các HHDN- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới” do VCCI và Bộ Nội vụ tổ chức- Hà Nội, tháng 6-2004

1. HHDN không hoạt động như một cơ quan quản lý kinh doanh, không can thiệp vào các hoạt động tự chủ của các đơn vị thành viên. Bản thân HH cũng không tổ chức kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận, mà chỉ có thể tổ chức một số dịch vụ phục vụ nội bộ HH.
2. Mọi chủ trương của HHDN đều thông qua thương lượng dân chủ, bình đẳng giữa các thành viên, phục vụ quyền lợi chung của HH, có sự nhất trí cao.
3. Các hoạt động chung được huy động từ các đơn vị thành viên với sự phân công hợp lý có sự điều phối của cơ quan điều hành HH. Bộ máy giúp việc cơ quan điều hành HH nên gọn nhẹ, chủ yếu là thuê theo hợp đồng (bao gồm chuyên gia, nhân viên)
4. Tài chính (thu, chi, kinh phí hoạt động) phải công khai, minh bạch. Phần kinh phí kết dư không được phân chia cho cá nhân, phải để lại quỹ để chi đúng mục đích. Kinh phí đóng góp của các thành viên được quy định trong điều lệ; các thành viên cũng có thể tự nguyện đóng góp thêm. Khi hợp nhất, chia tách hoặc giải thể, chấm dứt hoạt động cần phải kiểm kê đánh giá tài sản và thống nhất cách xử lý.
5. Việc gia nhập hoặc rút ra khỏi HH là hoàn toàn tự nguyện. Khi tham gia, mỗi đơn vị thành viên được đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh; được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ; không hoạt động riêng rẽ trái với thoả thuận chung gây phương hại cho các thành viên khác. Các biện pháp cạnh tranh với đối tác bên ngoài cần được HH tổ chức và phối hợp.
6. Đại diện đơn vị thành viên là giám đốc hoặc người được uỷ quyền. Cơ cấu thành viên HH do điều lệ HH quy định.
7. Cơ quan quyền lực cao nhất của HHDN là Đại hội toàn thể đại diện các đơn vị thành viên. Đại hội lần đầu do các thành viên sáng lập (Ban vận động thành lập HH) triệu tập và chủ trì. Đại hội bàn và quyết định Điều lệ, các cơ chế chương trình hoạt động từng nhiệm kỳ và các chủ trương lớn có ảnh hưởng sâu rộng.
8. Ban điều hành HHDN là cơ quan điều phối các hoạt động thường xuyên, chấp hành nghị quyết của đại hội. Tuỳ theo quy mô HH, có thể có chủ tịch,

phó chủ tịch, tổng thư ký, ... hoặc gọn hơn bao gồm chỉ chủ tịch và một uỷ viên điều hành. Thành viên Ban điều hành nói chung do các giám đốc đơn vị thành viên kiêm nhiệm. Nói chung mô hình tổ chức cơ quan điều hành là đa dạng, gọn nhẹ, với số biên chế tối thiểu.

9. Tuỳ theo quy mô HH, có thể có Ban kiểm soát tài chính do đại hội bầu ra hoặc chỉ cần một uỷ viên kiểm soát. Khi cần thiết có thể thuê cơ quan kiểm toán bên ngoài.

10. Các nguồn thu của HHDN có thể bao gồm:

- Đóng góp của các thành viên (do điều lệ quy định) có thể tuỳ theo thực lực của mỗi thành viên.
- Tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, trong và ngoài HHDN
- Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thông qua nhiều hình thức khác nhau: trợ cấp do nhu cầu và các nhiệm vụ giao phó cho HH, v.v.
- Các nguồn thu hợp pháp khác: lãi suất tiết kiệm, các dịch vụ gây quỹ của HH, các hoạt động kinh doanh khác...

III. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KHẢO SÁT VỀ HHDN VIỆT NAM

A- Bối cảnh chung và cuộc điều tra bằng phiếu hỏi đối với các HHDN và các DN thành viên

Cuộc điều tra của Đề tài được tiến hành trên cơ sở được thừa kế những kết quả nghiên cứu khá quy mô đã được công bố vào tháng 8 năm 2002 (/8/) của Chương trình Phát triển Dự án Sông Mêkông (MPDF) và Quỹ Châu Á (TAF) về vai trò của các HHDN đối với khu vực kinh tế tư nhân đang hình thành và phát triển ở Việt Nam. Trong báo cáo /8/ của mình, các tác giả đã xác định và đánh giá những đặc điểm chính của các HHDN ở Việt nam và những điều kiện hoạt động của chúng; đồng thời phân tích vai trò và thực trạng hiện nay của các câu lạc bộ và HHDN trong hỗ trợ hoạt động của các DN Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, do những hạn chế về kinh phí, do thời gian của báo cáo trên cũng khá gần với thời điểm hiện tại, với những kết quả nghiên cứu đã có, cuộc điều tra lần này của Đề tài chỉ tiến hành với số lượng phiếu hỏi hạn chế gửi tới 100 HHDN và hơn 200 DN thành viên nhằm cập nhật những thông tin trong công trình trên, bổ sung những nhận định mới và đồng thời tham khảo các ý kiến trực tiếp từ

các HHDN và các DN thành viên về những kiến nghị cho các biện pháp chính sách của Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN Việt Nam.

1. **Mục tiêu điều tra-** Thông qua ý kiến của ban lãnh đạo các HHDN và các DN thành viên, Đề tài tìm hiểu về hiện trạng các HHDN về phương diện tổ chức, quy chế hoạt động, việc thực hiện các chức năng của HHDN, quan niệm về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN, ý kiến về những biện pháp chính sách cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN Việt Nam.
2. **Đối tượng, phương thức, nội dung điều tra, kết quả thu thập và phương pháp xử lý số liệu-**

Đề tài đã gửi phiếu hỏi đến 100 HHDN và 253 DN là thành viên của các HHDN phân bố ở 3 miền Bắc, Trung, Nam. Kết quả thu về đối với phiếu hỏi dành cho HHDN là 29 (29%) và đối với phiếu hỏi dành cho DN là 26 (10,3%). Ngoài ra, Đề tài đã tổ chức các cuộc trao đổi trực tiếp tại 10 HHDN nhằm tìm hiểu hiện trạng hoạt động, các điều kiện vật chất và hoàn cảnh ra đời của HHDN, những vướng mắc khó khăn, các vấn đề bức xúc và những kiến nghị với Nhà nước tạo điều kiện cho hoạt động của HHDN.

Các phiếu trả lời của các DN và HHDN được phân bố theo:

- Địa điểm (trụ sở chính) tại các vùng: Bắc, Trung, Nam.
- Các DN được phân theo 5 loại hình sở hữu (DN nhà nước; Cty TNHH; Cty cổ phần; Liên doanh với nước ngoài; Loại khác); 5 nhóm ngành sản xuất (Dệt may & Da giấy; Thủy sản & Nông Lâm sản; Dịch vụ & Thương mại; Điện tử & Tin học; Các ngành khác); theo quy mô vốn (< 1 tỷ đồng; 1-5 tỷ đồng; 5-10 tỷ đồng; trên 10 tỷ đồng); theo số HHDN tham gia; và theo lý do/ động cơ tham gia (do lợi ích DN; do nhà nước yêu cầu; do phong trào chung) (Xem các bảng 1 tới 6 của Phụ lục II)
- Các HHDN được chia theo nhóm ngành hoạt động (Đa ngành; Dệt may & Da giấy; Thủy sản & Nông Lâm sản; Dịch vụ & Thương mại; Điện tử & Tin học; Các ngành nghề khác); theo địa bàn hoạt động (toàn quốc; tỉnh/ thành phố); theo cơ quan thành lập (chính phủ; chính quyền địa phương; Cty nhà nước; liên kết tự nguyện của các DN; do tổ chức quốc tế/ nước ngoài thành lập; do HTX thành lập); theo động cơ/ lý do thành lập (tự nguyện, vì lợi ích

của DN; do chấp hành chủ trương và cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu; theo phong trào chung) (xem các bảng 1 tới 5 của Phụ lục I)

Tuy nhiên do số phiếu thu được không nhiều nên việc phân tích các ý kiến nhận được từ các phía DN và HHDN chia theo các phân nhóm là không có ý nghĩa. Vì vậy trong báo cáo phân tích sau đây, chúng tôi chỉ xem xét phản ánh chung của các ý kiến mà không đi sâu vào các phân nhóm. Cách phân nhóm như trên chỉ để hình dung thành phần của các ý kiến phản ánh mà thôi.

Đề tài đã sử dụng phần mềm SPSS 5.10 để tạo dựng cơ sở dữ liệu và xử lý kết quả điều tra. Các kết quả xử lý số liệu điều tra theo phiếu hỏi đối với các HHDN và các DN được cho trong phụ lục I và phụ lục II.

B- Phân tích kết quả điều tra ý kiến các DN

1. Về thành phần của các DN được điều tra; kết quả thu thập phiếu điều tra và những phỏng vấn cá biệt

Phiếu câu hỏi điều tra đã được gửi đến 253 doanh nghiệp là những thành viên của các Hiệp hội doanh nghiệp thuộc một số nhóm ngành nghề khác nhau, phân bố ở 3 miền Bắc, Trung, Nam (xem bảng 1).

Bảng 1- Phân bố các DN được điều tra theo miền và ngành nghề

Ngành nghề	Số doanh nghiệp					
	Số DN Miền Bắc	% DN	Số DN Miền Nam	% DN	Số DN Miền Trung	% DN
Dệt may và Da giấy	37	51,4	29	40,3	6	8,3
Thủy sản và Nông sản	12	40,4	11	36,7	7	23,3
Dịch vụ, Thương mại	28	73,7	10	26,3	0	0
Điện tử, Tin học	29	78,4	6	16,2	2	5,4
Khác	37	48,7	36	47,4	3	3,9
Tổng số	143	56,5	92	36,4	18	7,1

Sau khi gửi thư chúng tôi đã vẫn theo dõi bằng cách gọi điện hoặc trực tiếp đến tận trụ sở của doanh nghiệp để yêu cầu phúc đáp, nhưng rất tiếc là cuối cùng

cũng chỉ nhận được 26 thư trả lời, tương đương với khoảng 10% thư gửi đi, chúng được phân bố trên bảng 2 như sau:

Bảng 2- Phân bố tỷ lệ phiếu thu được theo miền

	Số DN/Tổng DN	% DN		% DN miền	
Miền Bắc	18/143	143/253	69,2	18/143	12,6
Miền Nam	6/92	92/253	23,1	6/92	6,0
Miền Trung	2/18	18/253	7,7	2/18	11,0

Kết quả thu phiếu trên bảng 2 chứng tỏ các DN chưa thật sự quan tâm tới hoạt động của các HHDN tuy rằng mình đã tham gia với tư cách thành viên. Qua nhiều trao đổi trực tiếp, chúng tôi có cảm giác rằng các DN có vốn đầu tư nhỏ (dưới 1 tỷ đồng) thường ít hiểu biết về vai trò của HHDN và cũng chưa có ý thức rõ ràng về nhu cầu tập hợp lực lượng dưới danh nghĩa của HHDN. Điều này thể hiện tính chất manh mún, tự phát và nhỏ bé của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam.

Bảng 5 của Phụ lục II “phân bố các DN theo số HHDN đã tham gia” cho thấy trên 61% DN chỉ tham gia 1 HHDN, số DN tham gia từ 2 HHDN trở lên chỉ chiếm số nhỏ (trên 30%). Sự tham gia ít hay nhiều HHDN không phụ thuộc vào quy mô vốn của DN mà phụ thuộc vào tính chất ngành nghề và nhận thức của chủ DN.

2. Về lý do tham gia HHDN của các DN-

Để tìm hiểu động cơ thúc đẩy DN tham gia Hiệp hội, trong phiếu điều tra đưa ra 3 lý do chính:

- Tự nguyện tham gia Hiệp hội vì lợi ích của chính DN và của ngành
- Chấp hành chủ trương mà cơ quan quản lý Nhà nước yêu cầu
- Theo phong trào

Kết quả điều tra đưa ra ở bảng 6 (Phụ lục II) cho thấy có tới hơn 90% DN tự nguyện tham gia HHDN vì lợi ích của bản thân DN. Tuy nhiên cũng còn gần 10% DN còn tham gia HHDN chỉ vì được cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu hoặc do phong trào, do sự vận động mà tham gia. Những kết quả khảo sát của MPDF (xem /8/), phân tích sâu hơn động cơ tham gia HHDN của DN, cho thấy: có tới 67% DN muốn có mạng lưới và mở rộng các đối tác kinh doanh; 41% số DN muốn được giúp đỡ về thông tin và đào tạo, tư vấn; 29% số DN muốn quyền và lợi ích của

mình được bảo vệ; 15% số DN muốn đóng góp, đối thoại chính sách, luật pháp; 9% DN muốn tham gia hoạt động xã hội, nhân đạo và 9% DN muốn tăng uy tín và hình ảnh của mình. Như vậy, *nguyện vọng tha thiết nhất của đa số DN khi tham gia HHDN là muốn thông qua HHDN để mở rộng đối tác kinh doanh và nâng cao năng lực của DN, nhờ HHDN có thể hỗ trợ về thông tin, đào tạo, tư vấn.*

3. Về thụ hưởng các quyền lợi của DN trong các HHDN

Các bảng 7.1 tới 7.6 của Phụ lục II cho thấy ý kiến các DN về những quyền lợi mà mình đã được hưởng với tư cách là thành viên của HHDN. Theo đó, thì cũng còn một số % DN nào đó cho rằng mình chưa được thực sự hưởng những quyền lợi của thành viên HHDN, đó là những quyền sau:

	<i>% số DN không được hưởng</i>
*Quyền giám sát, chất vấn Ban lãnh đạo	32%
*Đề cử, ứng cử vào Ban lãnh đạo	20%
*Quyền được đào tạo & bồi dưỡng kiến thức	16%
*Quyền được đối xử bình đẳng	12,5%
*Quyền ra khỏi Hiệp hội	8%

Đây là quyền lợi cơ bản của các doanh nghiệp khi tham gia HHDN. Tuy nhiên có tới 1/3 số DN trả lời không được quyền giám sát, chất vấn Ban Lãnh đạo Hiệp hội, chứng tỏ *ở mức độ nào đó có những Ban lãnh đạo Hiệp hội chưa thực sự thực hiện dân chủ trong sinh hoạt Hiệp hội hoặc là không đưa việc kiểm tra giám sát của Hiệp hội đối với lãnh đạo Hiệp hội vào hoạt động định kỳ thường xuyên.*

Con số 1/5 số doanh nghiệp thành viên cho rằng mình chưa được hưởng quyền đề cử ứng cử vào Ban lãnh đạo Hiệp hội. Điều này có thể liên quan đến các Hiệp hội mới được thành lập phải qua một số hoạt động trù bị, xin ý kiến cơ quan nhà nước có liên quan hoặc bộ quản lý lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội về nhân sự (phải báo cáo về danh sách các thành viên ban trù bị và lý lịch của họ) và ít có cơ hội cho các ứng cử viên mới.

Các quyền lợi về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức có liên quan cũng như về sự đối xử bình đẳng vẫn còn là những vấn đề đáng quan tâm trong một số Hiệp hội: 100% số doanh nghiệp được hỏi đều cho rằng mình đã được hưởng quyền nhận các thông tin từ HHDN. Tuy nhiên *sự thoả mãn nhu cầu còn bị hạn chế, đặc biệt là những thông tin thị trường ngoài nước.* Do đó, các DN đề nghị Nhà nước tổ

chức hoặc trợ cấp chi phí cho dịch vụ này, coi đó là một biện pháp cấp thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN.

4. Về thực hiện các nhiệm vụ đối với các HHDN mà DN đã tham gia

Những nhiệm vụ và trách nhiệm mà DN phải thực hiện thể hiện trong phiếu điều tra bao gồm:

- Chấp hành điều lệ và nghị quyết của HHDN
- Đóng hội phí theo quy định
- Đóng góp tài chính ngoài hội phí
- Tham gia các hoạt động chung của HHDN

Các bảng 8.1 cho tới 8.4 (Phụ lục II) cho biết kết quả điều tra các DN về việc thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm nêu trên.

Kết quả điều tra cho thấy trên 90% số DN tự đánh giá mình chấp hành nghiêm túc điều lệ và các nghị quyết của HHDN, đóng hội phí theo quy định; 60% số DN thành viên còn đóng góp tài chính ngoài hội phí, sự đóng góp này cũng đồng nghĩa với sự tài trợ cho HHDN. Đây là điều kiện thuận lợi cho Hiệp hội. Ở nhiều nước nếu Hiệp hội không đáp ứng được những nhu cầu của DN thành viên tương xứng với sự đóng góp thì DN sẵn sàng ra khỏi HH. Cho nên đối với những nước này, vấn đề quan trọng nhất trong nhiệm vụ lãnh đạo và điều hành Hiệp hội là kết nạp và giữ được hội viên. Muốn vậy ban lãnh đạo HH phải nhận thức sâu sắc “một hội viên đầu tư tiền bạc dưới hình thức trả hội phí định kỳ là để đổi lấy giá trị được thừa nhận từ hiệp hội”. HHDN phải xác định rõ những giá trị được thừa nhận của hiệp hội mình, đồng thời cần xác định những nét độc đáo trong các hoạt động của hiệp hội, xây dựng được những chiến lược Marketing để thu hút hội viên mới và nỗ lực duy trì hội viên cũ dựa vào các lợi ích rõ ràng thông qua các hoạt động. Hiệp hội phải đề ra các biện pháp cụ thể và hiệu quả để đạt được mục đích trên, phải có các cán bộ chuyên trách mẫn cán kiên trì thực hiện nhiệm vụ.

Đối với các HHDN ở nước ta, một mặt thiếu các cán bộ chuyên trách, mặt khác các hoạt động của Hiệp hội còn yếu. Điều này được thể hiện rõ qua điểm số trung bình mà các DN thành viên đánh giá về các hoạt động của Hiệp hội (bảng 10 - Phụ lục II); chúng đều chưa đạt điểm 3 tức là chưa “đạt yêu cầu”, chưa thoả mãn nhu cầu các thành viên. Dẫu sao các HHDN ở nước ta vẫn chưa phải đối mặt với khó khăn duy trì hội viên như các HHDN nước ngoài (hầu như chưa có hội viên xin ra khỏi HH).

Các DN hội viên vẫn nghiêm chỉnh chấp hành nội quy ở lại hội và đóng hội phí theo quy định, mặc dù chỉ có 68% số DN thành viên tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội. Điều này có thể là do các hoạt động của HH chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc chưa thích hợp / cần thiết đối với các DN thành viên.

5. Quan niệm của DN về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN

Để tìm hiểu quan niệm của các DN về HHDN, phiếu hỏi đưa ra 9 quan niệm và yêu cầu DN trả lời đồng ý với những quan điểm nào. Sau đây là nội dung của 9 quan niệm đó:

- 1) Hiệp hội doanh nghiệp (HHDN) là *tổ chức do Nhà nước thành lập*, chịu sự chỉ đạo của cơ quan quản lý ngành
- 2) HHDN là *tổ chức quần chúng* (tổ chức chính trị - xã hội) để tập hợp giáo dục, đoàn kết, vận động thực hiện chính sách của Nhà nước.
- 3) HHDN là *tổ chức liên kết kinh doanh*, điều hành hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên, có vốn góp và phân chia lợi nhuận.
- 4) HHDN là *tổ chức xã hội - nghề nghiệp* (thuộc khu vực dân sự, phi Chính phủ, là đối tác của nhà nước) không vụ lợi
- 5) HHDN là *liên minh các tổ chức kinh doanh*, hỗ trợ nhau để nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tự quản, tự trang trải chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- 6) HHDN là *tổ chức phi lợi nhuận* (nghĩa là không được có lợi nhuận hoặc có thể có lợi nhuận (từ hoạt động dịch vụ chung của HHDN) song không chia cho các thành viên mà chỉ sử dụng để phát triển tổ chức
- 7) HHDN là *câu lạc bộ các giám đốc của các doanh nghiệp* nhằm phô trương thanh thế của cộng đồng doanh nghiệp
- 8) HHDN *cần được Nhà nước tài trợ* (bằng cách cấp kinh phí hoạt động hoặc giao thực hiện các dự án để có thu...)
- 9) HHDN *không nhất thiết phải được Nhà nước tài trợ* chỉ cần trước hết là Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động (chẳng hạn các quyền tự do dân chủ rộng rãi nhất)

Kết quả xử lý các ý kiến được đưa ra trong các bảng từ 9.1 tới 9.9 của Phụ lục II.

Theo khuyến nghị của /8/ trang 10, trong bối cảnh của bộ luật dân sự và với các thuật ngữ thông dụng ở Việt Nam hiện nay, định nghĩa chính xác nhất về HHDN nên là “*HHDN là một loại hình tổ chức xã hội - nghề nghiệp, được Nhà nước cho phép thành lập, có hội viên là các DN, các tổ chức khác và các cá nhân tự nguyện đóng góp tài sản hoặc hội phí nhằm phục vụ lợi ích của hội viên và đạt mục đích của cả hiệp hội*”. Ta có thể lấy định nghĩa đó làm chuẩn mực để đánh

giá nhận thức và các quan niệm khác nhau của các DN theo các ý kiến nhận được từ các phiếu hỏi.

Theo chuẩn mực đó, có thể thấy rằng các quan niệm 1, 2, 3 rõ ràng là không đúng, tuy nhiên số % DN cho là đúng cũng khá đông. Chẳng hạn có tới gần 30% ý kiến DN cho rằng HHDN là tổ chức do nhà nước thành lập, chịu sự chỉ đạo của cơ quan quản lý ngành; 15,4% ý kiến DN cho rằng HHDN là tổ chức quần chúng (tổ chức chính trị – xã hội) để tập hợp, giáo dục, đoàn kết, vận động thực hiện chính sách của nhà nước. Có thể từ cách nhìn đó mà số % ý kiến DN đồng ý với quan niệm 8 (*HHDN cần được nhà nước tài trợ*) cũng chiếm tỷ lệ khá đông (19,2%) và số % ý kiến phản đối quan niệm 9 (*HHDN không nhất thiết phải được nhà nước tài trợ, chỉ cần được tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động*) lên tới 34,6%. Quan niệm 4 (*HHDN là tổ chức xã hội – nghề nghiệp, thuộc khu vực dân sự, phi chính phủ, không vụ lợi*) là một quan niệm hoàn toàn chính xác, vừa phù hợp với tinh thần của Bộ Luật Dân sự vừa đúng với Nghị định 88/2003/NĐ-CP quy định về tổ chức hoạt động và quản lý các hội nói chung thì các DN lại ngập ngừng giữa đúng (57,7%) và sai (42,3%). Quan niệm 6 (*HHDN là tổ chức phi lợi nhuận*) là một quan điểm hoàn toàn đúng đắn, tuy nhiên sự phân biệt đúng sai trong ý kiến của các DN cũng có tình trạng ngập ngừng tương tự như trên (ý kiến cho rằng sai chiếm 46,2% và ý kiến đồng ý chiếm 53,8%). Quan niệm 5 là một chân lý khá hiển nhiên (*HHDN là liên minh các tổ chức kinh doanh, hỗ trợ nhau để nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh*) mà cũng có tới 19,2% ý kiến DN cho là không đúng; nếu vậy thì câu hỏi “các DN tham gia HHDN để làm gì?” sẽ khó có trả lời thoả đáng, chả lẽ các HHDN lập ra là để trang trí hoặc vui chơi? Có lẽ vì chưa có nhận thức đúng đắn về mục đích và sự cần thiết của các HHDN mà quan niệm 7 (*HHDN là câu lạc bộ các DN nhằm phô trương thanh thế của công đồng DN*) cũng có tỷ lệ ý kiến tán đồng tới 11,5%, lớn gấp 3 lần tỷ lệ ý kiến tán đồng quan niệm 3 (*HHDN là tổ chức liên kết kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh của các DN thành viên*) là 3,8%.

Những phân tích trên cho thấy các DN thành viên của HHDN còn khá mơ hồ về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN, đồng thời cũng cho thấy các DN chưa thấy nhu cầu bức xúc phải tập hợp lực lượng và tham gia tích cực các hoạt động của HHDN vì chính lợi ích của DN mình. Điều này cũng có thể có nguyên nhân từ hiện trạng manh mún của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam và do hoạt động còn yếu kém của các HHDN, chưa mang lại lợi ích đáng kể cho các DN thành viên.

6. DN đánh giá tác động của HHDN

Trong tình hình Việt Nam hiện tại, chúng tôi tập trung vào tìm hiểu sự đánh giá của các DN thành viên đối với những mặt hoạt động quan trọng nhất của các HHDN như sau đây:

1. Hỗ trợ trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của DN
2. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành, của lĩnh vực hoạt động
3. Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp
4. Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh tìm hiểu thị trường
5. Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (kiến nghị về thể chế quản lý và thực hiện các chính sách thể chế)
6. Hỗ trợ DN trong tìm thị trường và xúc tiến thương mại
7. Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ kỹ thuật
8. Giúp tiếp cận nguồn công nghệ, máy móc thiết bị, tư vấn chuyển giao công nghệ

Các DN thành viên đánh giá theo cách cho điểm các hoạt động trên theo thang điểm sau:

Điểm 1 là	chưa rõ
Điểm 2 là	chưa đạt yêu cầu
Điểm 3 là	đạt yêu cầu
Điểm 4 là	tốt

Kết quả điều tra đưa xử lý dưới dạng các bảng 10, 10.1 cho tới 10.8 trong Phụ lục II cho thấy chỉ có 3 hoạt động của HHDN được khoảng 2/3 số DN thành viên đánh giá đạt yêu cầu hoặc tốt. Đó là:

- *Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành, của lĩnh vực hoạt động (72%)*
- *Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (HHDN là đại diện để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý và thực thi chúng (68%)*
- *Giúp DN trong trao đổi thông tin, tìm hiểu thị trường, kinh nghiệm quản trị kinh doanh (64%)*

Tuy nhiên các hoạt động sau chỉ được khoảng 1/3 số DN (từ 28 đến 32%) coi là đạt yêu cầu hoặc tốt:

- *Giúp tiếp cận nguồn công nghệ, thiết bị, tư vấn, chuyển giao công nghệ*
- *Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và*
- *Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp*

Hai hoạt động còn lại chỉ được khoảng 40% (40 - 44%) số ý kiến đánh giá là đạt yêu cầu hoặc tốt:

- *Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại*
- *Hỗ trợ trong nâng cao hiệu quả kinh doanh*

Nếu xem xét trên điểm số đánh giá trung bình (xem bảng 10, Phụ lục II) thì có thể thấy rằng các điểm số đánh giá đều nhỏ hơn 3 (điểm số ứng với mức độ đạt yêu cầu). Trong đó 3 tác động được DN đánh giá là tương đối hiệu quả hơn cả là:

- *Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (điểm trung bình là 2,72);*
- *Giúp DN trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường (điểm trung bình là 2,64);*
- *Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành (điểm trung bình là 2,64).*

Kết quả này là khá phù hợp với những nhận định tổng kết của MPDF (/8/; tr. viii) có được từ cuộc điều tra cách đây 2 năm (9-11 năm 2001) với diện tiếp xúc là 1920 DN rút từ cơ sở dữ liệu gồm 6377 DN (thu về được 414 phiếu).

Nhận định lúc đó là: “các HHDN đã tương đối thành công trong các hoạt động:

- *Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật*
- *Kiến nghị về chính sách, quy định liên quan tới DN*
- *Tập huấn, đào tạo ngắn hạn*

Các HHDN vẫn còn yếu ở các hoạt động:

- *Tư vấn, hỗ trợ cho hội viên*
- *Cung cấp thông tin thị trường, giá cả*
- *Hỗ trợ tiếp cận thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu”*

Những điểm yếu nêu trong nhận định trên đã được các HHDN cải thiện ít nhiều trong một số năm qua. Tuy nhiên, những phân tích nói trên cũng cho thấy tác động và sự hỗ trợ của HHDN đối với các DN thành viên vẫn còn khá hạn chế và nhu cầu nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN là khá bức sức.

7. DN đánh giá tính chất cấp thiết của các biện pháp chính sách Nhà nước cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam

Đề tài nghiên cứu do VIM thực hiện đã đưa ra một số biện pháp chính sách cụ thể để các DN thành viên đánh giá tính cấp thiết, nhà nước cần ban hành, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN Việt Nam.

Việc đánh giá được tính theo thang điểm từ 1 đến 4:

<i>Điểm 1</i>	<i>Không rõ hoặc không cấp thiết</i>
<i>Điểm 2</i>	<i>Ít cấp thiết</i>
<i>Điểm 3</i>	<i>Cấp thiết</i>
<i>Điểm 4</i>	<i>Rất cấp thiết</i>

Những biện pháp, chính sách được đưa ra để lấy ý kiến đánh giá như sau:

- 1- Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền đó*
- 2- Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo HHDN*
- 3- Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp*
- 4- Miễn giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội trợ nhằm quảng cáo xúc tiến thương mại*
- 5- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước*
- 6- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN*
- 7- Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số hội do các tổ chức xã hội thành lập (ví dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v..)*

Kết quả xử lý số liệu điều tra đưa ra ở các bảng 11 (giá trị trung bình của các điểm đánh giá các biện pháp chính sách) và từ bảng 11.1 tới 11.7 (kết quả đánh giá đối với mỗi biện pháp chính sách).

Tất cả các biện pháp từ 1 đến 7 đều được trên 1/2 số ý kiến DN đánh giá ở mức cấp thiết và rất cần thiết. Trong đó, 4 biện pháp sau đây được trên 80% ý kiến các DN cho rằng cấp thiết hoặc rất cấp thiết:

- Tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do thành lập và hoạt động của HHDN (84,7% ý kiến DN)*
- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tạo các thị trường ngoài nước (84,7% ý kiến)*
- Miễn, giảm thuế khi các Hiệp hội doanh nghiệp tổ chức hội trợ để quảng cáo và xúc tiến thương mại (80,8% ý kiến)*
- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN (80,8% ý kiến)*

Việc nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo HHDN (biện pháp 2), miễn giảm thuế đối với nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp (biện pháp 3) cũng như ban hành chính sách, bảo trợ cho một số HH do các tổ chức xã hội thành lập (biện pháp 7) chỉ được giả nửa số doanh nghiệp thành viên coi là cấp thiết và chưa đầy 1/3 số DN thành viên coi là rất cấp thiết.

Như vậy, có thể thấy rằng *vấn đề cấp thiết nhất mà các DN yêu cầu chính là các vấn đề thuộc về cơ chế chính sách, tạo dựng quyền tự do cho HHDN và các cơ sở pháp lý để thực thi quyền tự do đó.*

C- Phân tích kết quả điều tra ý kiến các HHDN

1. Về thành phần các HHDN được điều tra; kết quả thu thập phiếu điều tra và những phỏng vấn cá biệt

Theo kết quả thu thập phiếu điều tra ý kiến các HHDN, các HHDN được xếp theo các dạng phân bố theo địa điểm, theo một số nhóm ngành hoạt động, địa bàn hoạt động, theo cơ quan thành lập và theo lý do thành lập. Kết quả xử lý các số liệu này được cho trên các bảng từ bảng 1 đến bảng 5 của Phụ lục I.

- *Phân bố theo địa điểm:* 69% số phiếu thu được là của HHDN miền Bắc và 31% là của miền Nam
- Bảng 2 của Phụ lục I biểu thị *phân bố các HHDN theo nhóm ngành hoạt động*, theo đó có thể thấy rằng các ý kiến thu được có trọng số thuộc về các HHDN đa ngành, Nông Lâm Thủy sản, Dịch vụ Thương mại, và các nhóm chuyên ngành khác.

Bảng 3- Phân bố các HHDN theo một số nhóm ngành hoạt động

Các nhóm ngành	Số hhdn	% hhdn
Đa ngành	7	24,1
Dệt may & Da giấy	2	6,9
Thủy sản & Nông Lâm sản	6	20,7
Dịch vụ & Thương mại	6	20,7
Điện tử & Tin học	1	3,4
Chuyên ngành khác	7	24,1
Tổng số phiếu thu được	29	100,0

- *Về địa bàn hoạt động:* thì 65,5% ý kiến thu được là của các HHDN hoạt động trên toàn quốc và 34,5% ý kiến thu được là của HHDN hoạt động trên địa bàn tỉnh/ thành phố (xem bảng 3, Phụ lục II).
- *Về lý do thành lập các HHDN và cơ quan thành lập:* Bảng 4 của Phụ lục I cho ta hình dung thành phần các tổ chức thúc đẩy thành lập các HHDN. Theo đó có tới 69% số phiếu thu được là của các HHDN do chính phủ trung ương và địa phương thúc đẩy thành lập (41,4% là từ Chính phủ trung ương và 27,6% là từ Chính quyền địa phương); 3,4% là do các công ty nhà nước; 27,6% là các HHDN được thúc đẩy thành lập do chính lợi ích của mình. Tuy nhiên, các số liệu này có thể bị nhiễu và không chính xác vì *hiểu nhầm cơ quan thành lập là cơ quan ra quyết định công nhận* mà ở Việt Nam chỉ có Bộ Nội Vụ (chính phủ trung ương) và Sở Nội Vụ (chính quyền địa phương) mới có quyền công nhận sự hình thành của HHDN và cho phép HHDN hoạt động. Nếu xem xét trên động cơ/ lý do thành lập thì số HHDN được thành lập do tự nguyện, vì lợi ích của DN chiếm tới 96,6% tổng số phiếu thu được (bảng 5 của Phụ lục). Qua trao đổi trực tiếp với lãnh đạo các HHDN của Việt Nam, có thể thấy tình trạng phổ biến là các HHDN được hình thành do sự thúc đẩy hoặc của Nhà nước, mà điển hình là các HHDN lớn như Phòng Thương Mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các HH Dệt May, Da Giày, Chế biến Xuất khẩu Thủy sản, v.v.. Nhiều HHDN khác được thành lập với sự xúc tiến của các công chức quản lý ngành đã về hưu, các giám đốc DN nhà nước; còn *vai trò tập hợp lực lượng vì chính lợi ích của mình của các DN vừa và nhỏ nói chung khá yếu ớt*. Điều này giải thích phần nào thái độ thờ ơ, thiếu nhiệt tình của khá nhiều DN đối với HHDN. Những nhận xét này là bổ sung cho kết quả khảo sát của MPDF thể hiện trong tài liệu /8/ trang 15-21.

2. Về các chức danh chuyên trách lãnh đạo HHDN

Các bảng từ 6.1 cho tới 6.3 của Phụ lục I là tổng kết về hiện trạng các chức danh chuyên trách lãnh đạo của HHDN, đó là các cơng vị chủ tịch, phó chủ tịch thường trực và tổng thư ký. Các vị này được chia theo các thành phần sau:

- Quan chức nhà nước
- Giám đốc DN nhà nước
- Giám đốc DN ngoài nhà nước

- Cá nhân ngoài DN.

Với cương vị là chủ tịch HHDN thì giám đốc DN nhà nước chiếm tỷ lệ cao nhất (37,9%) trong số các phiếu trả lời của HHDN, quan chức nhà nước cũng chiếm một tỷ lệ khá lớn (20,7%). Với cương vị là phó chủ tịch thường trực thì chiếm đa số (51,9%) là giám đốc DN nhà nước; 25,9% là giám đốc các DN ngoài nhà nước. Với cương vị là tổng thư ký thì chiếm tỷ lệ lớn nhất là cá nhân ngoài DN (41,7%); tổng thư ký thường là người trực tiếp điều hành công việc của HHDN theo chỉ đạo của chủ tịch và phó chủ tịch HH.

Qua những phỏng vấn, trao đổi trực tiếp, có một số ý kiến, chẳng hạn ý kiến của ông Nguyễn Văn Hùng, phó tổng thư ký HH Rượu, Bia, Nước giải khát, cho rằng nếu chủ tịch HHDN là người quan chức hoặc lãnh đạo đã về hưu thì sẽ có được một cán bộ lãnh đạo vừa có uy tín vừa có nhiều kinh nghiệm trong ngành; còn nếu chủ tịch HHDN là một lãnh đạo đương chức thì lời nói sẽ có trọng lượng hơn và đưa DN của mình vào hoạt động HH sẽ thuận lợi hơn.

Những số liệu trên thể hiện rõ hoàn cảnh ra đời của các HHDN Việt Nam trong điều kiện, như thường nói, của chủ trương “*kế hoạch hoá hình thành kinh tế thị trường*” của Việt Nam. Các HHDN đang *trong quá trình học tập* để tự vận động trong kinh tế thị trường.

3. Về thực hiện những nguyên tắc tổ chức của HHDN và cơ cấu, tổ chức điều hành HHDN. Những trường hợp ra đi, chia tách, hợp nhất HHDN

a. Về những nguyên tắc tổ chức của HHDN-

Phiếu điều tra đã tìm hiểu ý kiến đánh giá các HHDN trong việc thực thi những nguyên tắc tổ chức bao gồm các nguyên tắc: (i) tự nguyện; (ii) tự quản; (iii) tự trang trải; (iv) bình đẳng giữa các thành viên; (v) tuân thủ pháp luật; (vi) tuân thủ điều lệ HHDN. Các mức độ đánh giá như sau: (i) chưa làm được; (ii) làm chưa tốt; (iii) tốt. Các bảng từ 7.1 tới 7.6 của Phụ lục II là kết quả tổng hợp các ý kiến điều tra được từ các HHDN. Có thể rút ra những nhận xét cơ bản sau đây qua kết quả xử lý số liệu trên các bảng tổng hợp đó.

Những nguyên tắc tổ chức được các HHDN thực hiện tốt, với tỷ lệ % ý kiến từ cao đến thấp như sau:

- Nguyên tắc tuân thủ pháp luật: 96,6%

- Nguyên tắc bình đẳng giữa các thành viên: 86,2%
- Nguyên tắc tự quản: 82,1%
- Nguyên tắc tự nguyện: 78,6%
- Những nguyên tắc sau được thực hiện “tốt” với tỷ lệ thấp hơn là: nguyên tắc tuân thủ điều lệ HHDN (75,9%) và nguyên tắc tự trang trải (62,1%)

Kết quả đó cho thấy các HHDN có nhiều khó khăn trong tự trang trải kinh phí cho hoạt động của mình. Tình trạng thiếu kinh phí cho hoạt động là khá phổ biến trong các HHDN (xem phần phân tích các ý kiến điều tra về tài chính của HHDN). Mặt khác việc thực thi các quy định của điều lệ HHDN cũng còn nhiều khiếm khuyết.

b. Về cơ cấu tổ chức, điều hành HHDN

Theo kết quả điều tra, các HHDN đều thống nhất có đại hội toàn thể các tổ chức thành viên và bầu ra ban lãnh đạo HHDN. Tuy nhiên cũng có một số HHDN không tổ chức ra ban kiểm soát và bộ phận quản lý chỉ có một số biên chế tối thiểu. Nhiều HH cho rằng sự hạn chế về biên chế và tổ chức này làm cho HHDN ít có điều kiện mở rộng hoạt động.

Qua những phỏng vấn, trao đổi trực tiếp giữa nhóm nghiên cứu với các HHDN cho thấy những HHDN lớn, chẳng hạn như HH Dệt May, HHDN Cơ khí Việt Nam, v.v. đều có một ban chấp hành HHDN hoặc hội đồng HHDN, ban cố vấn của HHDN. Chẳng hạn HH Dệt May thành lập năm 1999, hiện nay đã có hơn 500 hội viên có một ban chấp hành gồm 61 thành viên, trong đó có 1 chủ tịch, 4 phó chủ tịch (đại diện cho các vùng và đồng thời là chỉ hội trưởng các chi hội) và 1 tổng thư ký. Bên cạnh đó lại có một ban cố vấn gồm các cán bộ lão thành đã về hưu hoặc các cán bộ đương chức của chính phủ.

Một số HHDN, chẳng hạn như HH Công thương Hà Nội, cũng còn những khó khăn về tổ chức và nhân sự và cũng đã nhiều năm chưa tổ chức được đại hội để cử nhân sự mới cho bộ máy lãnh đạo.

4. Về tài chính của HHDN: cơ chế tài chính; các nguồn thu; cơ cấu chi

Cơ chế tài chính của phần lớn các HHDN (89,3%) được đánh giá là rõ ràng; chỉ có 10,7% HHDN cho là cơ chế tài chính của HH là chưa rõ ràng.

Nguồn thu chủ yếu cho các HHDN hoạt động hiện nay là từ hội phí (100% HHDN), ngoài ra nhiều HHDN cũng còn tận dụng được các nguồn thu khác, chẳng hạn các nguồn sau:

- Tài trợ của nhà nước (chiếm 10,7% HH được điều tra có nguồn này)
- Tài trợ của nước ngoài (chiếm 14,3% số HHDN được điều tra)
- Tài trợ của các tổ chức khác (chiếm 17,9% số HHDN được điều tra)
- Từ hoạt động kinh doanh/ dịch vụ của HHDN (chiếm 39,3% số HHDN được điều tra)
- Các nguồn thu khác (25% số HHDN được điều tra): chẳng hạn như từ sự ủng hộ của các DN thành viên, v.v..

Cơ cấu chi chủ yếu của các HHDN là để phát triển các hoạt động của HH, trả lương cho bộ máy đối với các biên chế toàn thời (nhiều cán bộ lãnh đạo HHDN là kiêm nhiệm và không nhận lương từ HHDN) (gần 77% các HHDN được điều tra). Ngoài ra các HHDN cũng còn chi cho những hoạt động sau:

- Chi cho công tác từ thiện và các hoạt động công ích (chiếm 23,1% số HHDN được điều tra)
- Chia cho các thành viên (có 11,5% số HHDN được điều tra), đây có thể là khoản bồi dưỡng thêm cho những cá nhân tham gia trong những đợt hoạt động của HHDN, chẳng hạn như tổ chức triển lãm, hội chợ, v.v..
- Chi khác (có 7,7% số HHDN được điều tra)

Trong những năm qua cũng đã có những trường hợp DN xin ra khỏi HHDN (chiếm 20,7% số HHDN được điều tra), đã có HHDN xin hợp nhất (chiếm 6,9% số HHDN được điều tra) và chia tách HHDN (chiếm 6,9% số HHDN được điều tra). Đó là những biến đổi bình thường trong các HHDN và chưa có gì để nói rằng có những hiện tượng “khủng hoảng” trong cơ cấu HHDN.

5. Những thuận lợi, khó khăn chính trong hoạt động của HHDN

Phiếu điều tra đã hỏi ý kiến các HHDN về những thuận lợi và khó khăn chính trong hoạt động của mình. Mức độ thuận lợi tuy về từ ngữ có khác nhau, nhưng đại thể có thể phân thành 3 mức: mức 1- có khó khăn, còn bất cập; mức 2- tạm được; mức 3- tốt. Phiếu hỏi đã đề ra 11 vấn đề để xin ý kiến của các HHDN bao

gồm: thể chế về HHDN, quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước, quyền tự do trong tổ chức và hoạt động, năng lực nội tại của chính HHDN, ý thức của các DN thành viên, v.v.. Kết quả điều tra cho ta những kết quả sau (xem các bảng tổng hợp từ 11.1 tới 11.11 của Phụ lục I):

- *Về thể chế của HHDN*, ở đây muốn hỏi ý kiến các HHDN về những quy định của nhà nước liên quan tới thành lập và hoạt động của HHDN. Câu trả lời là 17,9% ý kiến cho rằng thể chế HHDN là chưa phù hợp, 57,1% cho rằng thể chế là chưa rõ, cần có những hướng dẫn cụ thể hơn nữa (bảng 11.1, Phụ lục I). Điều này cũng đã được nêu lên trong nghiên cứu của MPDF /1/ trang ix: “*thiếu một khung pháp lý cho xây dựng và phát triển hiệp hội*”; khung pháp lý hiện hành còn thiếu hệ thống và còn phức tạp với các thủ tục đăng ký rườm rà, nhiều bước, phải gặp gỡ với nhiều cơ quan.
- *Về quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước*- 14,8% ý kiến cho rằng còn nhiều phiền hà, vướng mắc; 63% ý kiến cho rằng tạm được và chỉ có 22,2% ý kiến coi mối quan hệ là tốt (bảng 11.2, Phụ lục I).
- *Về quyền tự do của HHDN trong tổ chức và hoạt động*- 31% ý kiến cho rằng quyền tự do là yếu; 37,9% coi là tạm được và 31% cho là tốt (bảng 11.11, Phụ lục I).

Những kết quả tổng hợp trên cho thấy *việc có một khung pháp chế thống nhất cùng những thủ tục hành chính thuận lợi và bảo đảm những quyền tự do cơ bản cho hoạt động của HHDN là những yêu cầu bức thiết về phương diện thể chế để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN trong nước.*

- *Về sự gắn bó của các DN thành viên trong HHDN*- 17,2% số ý kiến cho rằng quan hệ này là lỏng lẻo; 62,1% số ý kiến cho rằng sự gắn bó là tương đối tốt và chỉ có 20,7% ý kiến cho rằng sự gắn bó là tốt (bảng 11.3, Phụ lục I).
- *Về ý thức liên kết của DN trong nước để tăng cường năng lực cạnh tranh*- 31% số ý kiến cho rằng ý thức liên kết là yếu; 55,2% số ý kiến cho rằng ý thức liên kết là tạm được và chỉ có 13,8% số ý kiến cho rằng ý thức liên kết của các DN là tốt (bảng 11.9, Phụ lục I).
- *Về hiểu biết của các DN trong nước về chức năng và hoạt động của HHDN*- 24,1% số ý kiến thu được cho rằng hiểu biết là yếu; 58,6% cho rằng nhận thức

của các DN là tạm được và chỉ có 17,2% cho rằng hiểu biết của các DN là tốt (bảng 11.10, Phụ lục I).

Những kết quả tổng hợp trên nêu lên thực trạng là các DN chưa có nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của HHDN, ý thức liên kết trong cạnh tranh của DN Việt Nam cũng còn hạn chế là một trong những nhược điểm của các DN Việt Nam hạn chế hiệu quả hoạt động của HHDN.

- *Về kinh phí hoạt động của HHDN*- (xem bảng 11.4, Phụ lục I) 51,7% ý kiến nhận được cho rằng HHDN thiếu kinh phí hoạt động; 41,4% ý kiến cho rằng kinh phí là tạm đủ; và chỉ có 6,9% ý kiến cho rằng HH mình đủ kinh phí hoạt động. Qua thực tế gặp gỡ, một số các biệt HHDN, chẳng hạn HH các DN Bảo hiểm, thấy rằng mình không hề thiếu tiền, chỉ thấy còn lúng túng trong hoạt động. Tuy vậy tham quan nhiều cơ sở nghèo nàn của HHDN, Nhóm đề tài thấy rằng kinh phí hoạt động thiếu thốn là một vấn đề gây khó khăn thực sự cho hoạt động của HHDN.
- *Về năng lực của ban lãnh đạo, điều hành HHDN*- 57,1% ý kiến nhận được cho rằng năng lực ban lãnh đạo còn hạn chế; 42,9% ý kiến cho rằng năng lực ban lãnh đạo là đạt yêu cầu (xem bảng 11.5, Phụ lục I)
- *Về mô hình tổ chức HHDN*- đa số ý kiến nhận được cho rằng mô hình hiện tại của HHDN là phù hợp (53,6% số ý kiến); 42,9% số ý kiến tạm công nhận mô hình tổ chức hiện tại của HHDN mình và chỉ có 3,6% số ý kiến cho rằng mô hình hiện tại là không phù hợp (bảng 11.6, Phụ lục I)
- *Về năng lực HHDN trong nắm bắt thông tin thị trường, giá cả*- 28,6% số ý kiến cho rằng năng lực này là yếu; 57,1% số ý kiến cho rằng năng lực này là tạm được và chỉ có 14,3% số ý kiến hài lòng với năng lực này của HHDN (bảng 11.7, Phụ lục I).
- *Về năng lực tiếp cận thông tin công nghệ để phục vụ cho các DN*- 31% số ý kiến cho rằng năng lực này là yếu; 48,3% số ý kiến cho rằng năng lực này là tạm được và 20,7% số ý kiến cho rằng năng lực này là tốt (bảng 11.8, Phụ lục I).

Những kết quả điều tra trên về năng lực nội tại của HHDN (kinh phí, năng lực ban lãnh đạo, năng lực tìm kiếm công nghệ và tiếp cận thị trường) cho thấy nhu cầu tăng cường năng lực của các HHDN là khá cấp thiết. Nhận định trên một lần

nữa cho thấy những kết quả điều tra khảo sát của MPDF thể hiện trong /8/ vẫn còn đúng. Đó là các HHDN Việt Nam nói chung là thiếu nguồn lực; ngoài hội phí, các nguồn khác không ổn định và thường xuyên, và nhiều HHDN cũng không có được các nguồn bổ sung này. Do vậy, các HHDN không thể xây dựng và phát triển hoạt động của mình dựa trên một ngân quỹ xác định. Mặt khác, các HHDN Việt Nam còn thiếu năng lực, thiếu cán bộ chuyên trách, trình độ chuyên nghiệp của các HHDN Việt Nam vẫn còn khá hạn chế. Ngoài ra, kết quả điều tra cũng cho thấy *mô hình tổ chức các HHDN hiện nay chưa phải là vấn đề cấp thiết cần quan tâm nhiều, mà nên để vấn đề này cho quyền chủ động của bản thân các HHDN.*

6. Quan niệm về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN

Phiếu điều tra gửi đến các HHDN đưa ra 12 quan điểm về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN và yêu cầu các HHDN cho biết ý kiến tán đồng hay phản đối của mình về các quan niệm này. Mười hai quan điểm này bao gồm 9 quan điểm (từ 1 đến 9) đã đưa ra trong phiếu hỏi các DN là thành viên của các HHDN như đã nói trên (mục 5 phần II) và thêm vào đó 3 quan điểm sau:

- 10) Thành viên của HHDN có thể bao gồm: các DN, hợp tác xã, trang trại, tổ chức ngoài ngành có liên quan, các cá nhân có đóng góp
- 11) HHDN chỉ nên theo chuyên ngành
- 12) HHDN có thể là đa ngành

Để đánh giá những quan điểm này, như đã nói trong phần phân tích các ý kiến nhận được từ phiếu điều tra ý kiến các DN, ta có thể lấy quan điểm nêu ra trong /8/ của MPDF để so sánh. Theo khuyến nghị của /8/ trang 10, trong bối cảnh của bộ luật dân sự và với các thuật ngữ thông dụng ở Việt Nam hiện nay, định nghĩa chính xác nhất về HHDN nên là *“HHDN là một loại hình tổ chức xã hội - nghề nghiệp, được Nhà nước cho phép thành lập, có hội viên là các DN, các tổ chức khác và các cá nhân tự nguyện đóng góp tài sản hoặc hội phí nhằm phục vụ lợi ích của hội viên và đạt mục đích của cả hiệp hội”*.

Kết quả tổng hợp các ý kiến điều tra HHDN được cho trên các bảng 12 (từ 12.1 tới 12.12 của Phụ lục I). Theo đó, những quan niệm có số % ý kiến cho là đúng xếp thứ tự từ cao đến thấp được cho trong bảng 4.

Bảng 4 cho thấy có sự khá thống nhất về cách nhìn HHDN giữa các DN thành viên và ban lãnh đạo HHDN, cả hai đều thấy nhu cầu hàng đầu là sự liên minh các tổ chức kinh doanh để cùng hỗ trợ nhau phát triển (quan điểm 5). Quan điểm 4 “HHDN là *tổ chức xã hội – nghề nghiệp* (thuộc khu vực dân sự, phi chính phủ, là đối tác của Nhà nước), không vụ lợi” là quan điểm đúng đắn nhưng ít được chú ý hơn trong ý thức của các HHDN và các DN thành viên. Các quan điểm 8 và 9 liên quan tới yêu cầu nhà nước tài trợ, được các HHDN tán thành với tỷ lệ cao, điều này có thể xuất phát từ nhu cầu về kinh phí cho hoạt động của HHDN trong hoàn cảnh các HHDN Việt Nam chưa tạo được các nguồn kinh phí dồi dào ổn định. Trên thực tế cũng có một số HHDN không hề thiếu kinh phí hoạt động mà khó khăn chính lại ở chỗ phương hướng hoạt động chưa rõ ràng.

Kết quả tổng hợp trên cũng cho thấy nhận thức của ban lãnh đạo nhiều HHDN cũng còn có chỗ chưa đúng, còn mang nặng tư tưởng của thời kỳ kinh tế chỉ huy tập trung. Điều này thể hiện trên quan điểm “HHDN là *tổ chức do Nhà nước thành lập*, chịu sự chỉ đạo của cơ quan quản lý ngành (như cơ quan chủ quản)” là không đúng trong hoàn cảnh hiện tại, những vẫn có đến trên 1/3 (31%) số ý kiến HHDN đồng tình. Điều này cho thấy việc nâng cao nhận thức về chức năng, nhiệm vụ cũng như năng lực chuyên môn của cán bộ điều hành HHDN để HHDN có thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình vẫn là vấn đề nổi cộm hiện nay.

Bảng 4- Tỷ lệ ý kiến đồng ý của HHDN và của DN với những quan niệm về HHDN

Những quan niệm khác nhau (xếp theo số % ý kiến của HHDN từ cao xuống thấp)	% số ý kiến của HHDN đồng ý	% số ý kiến của DN đồng ý
5) HHDN là <i>liên minh các tổ chức kinh doanh</i> , hỗ trợ nhau để nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh; theo các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tự quản, tự trang trải, chịu trách nhiệm trước pháp luật	86,2	80,8
4) HHDN là <i>tổ chức xã hội – nghề nghiệp</i> (thuộc khu vực dân sự, phi chính phủ, là đối tác của Nhà nước), không vụ lợi	72,4	57,7
6) HHDN là <i>tổ chức phi lợi nhuận</i> (nghĩa là không được có lợi nhuận hoặc có thể có lợi nhuận song không được đem chia cho các thành viên mà chỉ dùng để phát triển tổ chức)	65,5	53,8
9) HHDN <i>không nhất thiết phải được Nhà nước tài trợ</i> , chỉ cần trước hết là Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động (chẳng hạn các quyền tự do dân chủ, v.v..)	58,6	65,5
11) HHDN chỉ nên theo chuyên ngành	55,2	-
12) HHDN có thể là đa ngành	44,8	-
8) HHDN <i>cần được Nhà nước tài trợ</i> (bằng cách cấp kinh phí hoạt động hoặc giao cho các dự án để có thu, v.v..)	44,8	19,2
10) Thành viên của HHDN có thể bao gồm: <i>các DN, hợp tác xã, trang trại, tổ chức ngoài ngành có liên quan, các cá nhân có đóng góp</i>	41,4	-
1) HHDN là <i>tổ chức do Nhà nước thành lập</i> , chịu sự chỉ đạo của cơ quan quản lý ngành (như cơ quan chủ quản)	31,0	26,9
2) HHDN là <i>tổ chức quần chúng</i> (tổ chức chính trị – xã hội) để tập hợp, giáo dục, vận động thực hiện chính sách NN	13,8	15,4
3) HHDN là <i>tổ chức liên kết kinh doanh</i> , điều hành hoạt động kinh doanh của các DN thành viên, có góp vốn và phân chia lợi nhuận	13,8	3,8
7) HHDN là <i>câu lạc bộ giám đốc các DN</i> nhằm phô trương thanh thế của cộng đồng DN	6,9	11,5

7. Đánh giá kết quả thực hiện các chức năng của HHDN

Kết quả thực hiện các chức năng của HHDN đã được đưa ra cho chính các HHDN tự đánh giá theo thang điểm giống như trong phiếu hỏi các DN thành viên:

Điểm 1 là	chưa rõ
Điểm 2 là	chưa đạt yêu cầu
Điểm 3 là	đạt yêu cầu
Điểm 4 là	tốt

Các chức năng được yêu cầu đánh giá cũng giống như trong phiếu hỏi các DN. Kết quả tổng hợp số liệu được cho trên các bảng 14 và từ bảng 14.1 tới 14.8 của Phụ lục I.

Xét trên điểm số trung bình, thì hầu hết các chức năng đều chưa được HHDN thực hiện đạt yêu cầu hoặc tốt (điểm số trung bình đều dưới điểm 3); chỉ có hai chức năng 4 và 5 là có điểm số trung bình ở mức điểm 3, đó là các chức năng:

- Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường - điểm số trung bình là 3,03
- Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (*HHDN đại diện DN để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý, ...*) - điểm số trung bình là 3,13.

Bảng 5 tổng hợp các chức năng có tỷ lệ ý kiến HHDN cho rằng đã thực hiện ở mức đạt yêu cầu hoặc tốt, xếp thứ tự từ cao đến thấp.

Bảng 5 cho thấy sự tương đối thống nhất trong đánh giá về tác động của HHDN đối với các DN thành viên. Tác động chưa được DN đánh giá cao, tuy rằng HHDN lại cho rằng mình đã làm tốt là *chức năng 6- Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại*. Sự khác biệt này có thể là do đây là yêu cầu bức xúc của DN, trong khi HHDN lại thấy năng lực của mình rất hạn chế trong vấn đề này, đây là việc mà DN phải tự thân vận động là chính.

Bảng 5- Các chức năng của HHDN và % số ý kiến cho điểm ở mức đạt yêu cầu (điểm 3) hoặc tốt (điểm 4) của HHDN và các DN thành viên

Những chức năng của HHDN (xếp theo số % ý kiến của HHDN cho điểm 3 và 4 xếp từ cao xuống thấp)	% số ý kiến của HHDN cho điểm 3 và 4	% số ý kiến của DN cho điểm 3 và 4
5- Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (HHDN đại diện DN để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý...)	82,7	68,0
4- Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường	72,4	64,0
6- Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại	65,5	48,0
2- Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành/ lĩnh vực hoạt động	62,0	72,0
3- Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp	48,3	32,0
7- Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ kỹ thuật	41,4	32,0
1- Hỗ trợ DN trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh	31,0	40,0
8- Giúp DN tiếp cận nguồn công nghệ, máy móc thiết bị, tư vấn chuyển giao công nghệ	31,0	28,0

8. Đánh giá tính chất cấp thiết của các biện pháp chính sách mà Nhà nước cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam

Phiếu hỏi các HHDN đã đưa ra các biện pháp tính sách cần ban hành để hỏi ý kiến các HHDN. Danh sách các biện pháp chính sách nêu ra ở đây bao gồm 7 biện pháp chính sách đã nêu ra trong phiếu hỏi các DN, ngoài ra còn nêu thêm 2 biện pháp chính sách nữa để cụ thể hoá cho biện pháp chính sách 1 về tạo dựng những cơ sở pháp lý cho hoạt động của HHDN như sau:

1a- Nhà nước có khung pháp lý riêng cho HHDN

1b- Thống nhất mô hình tổ chức HHDN (cơ cấu bộ máy, chức danh lãnh đạo, v.v.)

Các ý kiến đóng góp được phản ánh bằng cách cho điểm theo mức độ cấp thiết của mỗi biện pháp chính sách được nêu ra, thang điểm như sau: **điểm 1:** không rõ hoặc không cấp thiết; **điểm 2:** ít cấp thiết; **điểm 3:** cấp thiết vừa phải;

điểm 4: rất cấp thiết. Kết quả xử lý tổng hợp được cho trên các bảng 13, từ bảng 13.1 cho tới 13.9 của Phụ lục I.

Bảng 13 của Phụ lục I cho ta giá trị trung bình của các điểm số đánh giá ứng với mỗi biện pháp chính sách. Theo đó, các biện pháp đề được đánh giá ở mức độ cấp thiết, trừ biện pháp 1b (được đánh số 3 trong bảng 13- “*Thống nhất mô hình tổ chức HHDN*”) và biện pháp 7 (được đánh số 9 trong bảng 13- “*Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập*”) là có điểm số trung bình dưới điểm 3.

Bảng 6 sau đây phân tích sâu hơn về mức độ cấp thiết của các biện pháp chính sách được các phiếu hỏi nêu ra và tỷ lệ các ý kiến cho điểm 3 và 4.

Bảng 6- Các biện pháp chính sách và % ý kiến đánh giá ở mức độ cấp thiết (điểm 3) và rất cấp thiết (điểm 4) của các HHDN và DN thành viên

Những biện pháp chính sách cần ban hành (xếp theo số % ý kiến của HHDN cho điểm 3 và 4 xếp từ cao xuống thấp)	% số ý kiến của HHDN cho điểm 3 và 4	% số ý kiến của DN cho điểm 3 và 4
7- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước	93,1	84,7
8- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN	93,1	80,8
2/(1a)- Nhà nước có khung pháp lý riêng cho HHDN	86,2	-
6- Miễn, giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội chợ nhằm quảng cáo, xúc tiến thương mại	86,2	80,8
4- Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo các HHDN	75,9	65,4
1- Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do đó	75,8	84,7
5- Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp	75,8	65,4
3/(1b)- Thống nhất mô hình tổ chức HHDN (cơ cấu bộ máy, các chức danh lãnh đạo, v.v.)	72,4	-
9- Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập (thí dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v.)	67,8	53,8

Có thể thấy rằng điều quan trọng nhất mà các HHDN Việt Nam quan tâm chưa phải là về khung thiết chế hay những vấn đề về pháp luật đối với HHDN mà là yêu cầu được hỗ trợ kinh phí trong xúc tiến thương mại, tìm hiểu về thị trường ở nước ngoài. Nếu khảo sát các biện pháp chính sách theo tỷ lệ % ý kiến cho điểm 4 (mức điểm rất cấp thiết) ta sẽ có bảng 7 sau đây. Tuy nhiên thứ tự ưu tiên của các biện pháp chính sách cần ban hành cũng không có gì thay đổi.

Một nhận xét khác là các DN có ý kiến hơi khác so với các HHDN ở chỗ, biện pháp chính sách về thể chế, tổ chức được đánh giá ở hàng đầu về mức độ cấp thiết. Tuy nhiên trong vấn đề này, chúng tôi cho rằng ý kiến của các HHDN nên được coi trọng hơn vì chính họ là đối tượng trực tiếp của bộ máy quản lý; họ sát với thực tế hơn xét trên phương diện các thiết chế quy định về tổ chức, quyền và nhiệm vụ của các HHDN.

Bảng 7- Các biện pháp chính sách và % ý kiến đánh giá ở mức độ rất cấp thiết (điểm 4) của các HHDN và DN thành viên

Những biện pháp chính sách cần ban hành (xếp theo số % ý kiến của HHDN cho điểm 4 xếp từ cao xuống thấp)	% số ý kiến của HHDN cho điểm 4	% số ý kiến của DN cho điểm 4
7- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước	75,9	38,5
8- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN	75,9	38,5
2/(1a)- Nhà nước có khung pháp lý riêng cho HHDN	75,9	-
6- Miễn, giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội chợ nhằm quảng cáo, xúc tiến thương mại	65,5	38,5
4- Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo các HHDN	62,1	26,9
1- Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do đó	58,6	46,2
5- Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp	51,7	19,2
3/(1b)- Thống nhất mô hình tổ chức HHDN (cơ cấu bộ máy, các chức danh lãnh đạo, v.v.)	41,4	-
9- Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập (thí dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v.)	32,1	19,2

D- Kết luận

1. Về thực trạng của các HHDN qua ý kiến đánh giá của DN và HHDN-

Qua những phân tích nói trên dựa trên kết quả điều tra, phỏng vấn ý kiến các DN và các HHDN, có thể nêu ra những nét chính sau đây về thực trạng của các HHDN ở Việt Nam:

- Các HHDN nước ta đã ra đời xuất phát trước hết từ nhu cầu liên kết của chính các DN thành viên trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong hoàn cảnh Việt Nam với một nền kinh tế tư nhân còn manh mún và nhỏ bé, ***động lực để hình thành các HHDN phần lớn lại do sự thúc đẩy của cơ quan nhà nước hoặc của các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình hình thành nền kinh tế thị trường “theo định hướng xã hội chủ nghĩa”***. Hoàn cảnh khách quan này có thể giải thích cho những hạn chế về nhận thức của DN và của chính ban lãnh đạo nhiều HHDN về tính chất, vai trò và chức năng của HHDN và từ đó dẫn đến những hạn chế trong hoạt động của các HHDN Việt Nam.
- Các HHDN và các DN thành viên cho rằng ***các HHDN đã tương đối thành công trong các hoạt động sau đây***: (i) cung cấp thông tin liên quan tới chính sách và pháp luật; (ii) làm cầu nối với các cơ quan nhà nước trong kiến nghị về chính sách liên quan tới DN; (iii) giúp DN trao đổi thông tin và kinh nghiệm về quản lý, tìm hiểu thị trường, tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo ngắn hạn.
- ***Những mặt sau đây các HHDN vẫn còn yếu kém***: (i) cung cấp thông tin về thị trường trong và ngoài nước, về giá cả; (ii) tư vấn chuyển giao công nghệ, tìm kiếm công nghệ; (iii) hỗ trợ tiếp cận thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu.
- Nhìn chung các dịch vụ hầu như chỉ dừng lại ở mức phổ biến thông tin qua bảng tin hay báo chí. Các HHDN và các DN thành viên đều mong muốn HHDN có thể cung cấp các dịch vụ một cách tốt hơn với chất lượng chuyên sâu hơn, đặc biệt là trong các lĩnh vực về tư vấn pháp luật, xúc tiến thương mại và hỗ trợ về kỹ thuật. Yêu cầu cấp thiết nhất hiện nay của các HHDN và các DN thành viên chính là làm sao mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ này.

2. Những khó khăn vướng mắc chủ yếu hiện nay của các HHDN trong nâng cao hiệu quả hoạt động của mình-

- **Khó khăn trước hết vẫn là thiếu các nguồn lực.** Các nguồn kinh phí thu được cho đến nay chủ yếu vẫn là hội phí, tuy nhiên nguồn này quá bé nhỏ do hội phí thấp. Các HHDN sợ rằng mức hội phí cao có thể làm các DN ngại ngần không muốn tham gia HHDN. Nguyên nhân cơ bản vẫn là nhận thức của DN về vai trò, chức năng của HHDN chưa rõ và tác dụng thực tế của HHDN chưa nhiều, chưa giúp nhiều cho DN trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và uy tín của DN trong ngành và DN vẫn chưa tìm thấy giá trị của mình trong vai trò là thành viên của HHDN. Khó khăn về thiếu nguồn lực đã được MPDF phát hiện trong nghiên cứu trước đây (/8/) hiện vẫn chưa có cải thiện đáng kể.
- **Thiếu năng lực và thiếu cán bộ chuyên trách.** Điều này thể hiện trên trình độ chuyên nghiệp của các HHDN Việt Nam. Đa số các HHDN khi được phỏng vấn đều cảm thấy mình vẫn cần dựa dẫm vào các quan chức nhà nước hoặc các DN nhà nước, do đó nhiều HHDN thực chất vẫn chỉ là đại diện cho quyền lợi của DN nhà nước, chưa có nhiều các HHDN hoàn toàn dám đứng trên đôi chân của mình để có thể hoạt động một cách tự chủ, độc lập. Nhìn chung, nhân sự các HHDN vừa thiếu lại vừa yếu, thường ít được trang bị chuyên môn để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho hội viên.
- **Thiếu một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển HHDN.** Khung pháp lý hiện hành còn chưa được rõ ràng, nhất quán và phức tạp với các thủ tục “xin- cho” phiền hà, đòi hỏi phải làm việc với nhiều cơ quan và nhiều bước. Yêu cầu cấp thiết hiện nay của HHDN là được nhận những ưu đãi như miễn giảm thuế đối với các thu nhập từ những hoạt động chính của HHDN và khấu trừ thuế cho hội phí mà các hội viên phải nộp, v.v.. Những ưu đãi đó sẽ tạo điều kiện làm tăng nguồn thu của các HHDN, tạo điều kiện cho HHDN có một nguồn ổn định, nâng cao năng lực tài chính cho hoạt động của mình.

3. Những kiến nghị về tổ chức và chính sách của Nhà nước đối với HHDN qua kết quả điều tra

- Biện pháp cấp thiết nhất hiện nay mà các HHDN và các DN yêu cầu là làm sao nâng cao được năng lực cho hoạt động của HHDN mà trước hết là năng lực tài chính. Cụ thể là các biện pháp như hỗ trợ kinh phí từ phía nhà nước cho các hoạt động xúc tiến thương mại của các HHDN nhất là tìm kiếm thị trường nước ngoài.

- Cần có những quy định rõ ràng, cụ thể hơn về khung pháp chế và các thủ tục cho việc thành lập và hoạt động của các HHDN; đảm bảo quyền tự do, không còn cơ chế “xin-cho” trong việc thành lập và hoạt động của các HHDN. Đây là yêu cầu cấp thiết đứng sau yêu cầu về tăng cường nguồn lực cho HHDN và những ưu đãi về tài chính từ phía nhà nước cho các hoạt động của HHDN.
- Một vấn đề quan trọng cho việc phát triển và nâng cao vai trò của các HHDN là tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh cho các DN. Trên cơ sở điều kiện cạnh tranh lành mạnh này, các DN mới nhận thức được yêu cầu cấp thiết phải tập hợp, liên minh trong khuôn khổ tổ chức HHDN để nâng cao hiệu quả kinh doanh của DN. Cho đến nay, ở Việt Nam môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các DN vẫn còn là một khiếm khuyết. Bất bình đẳng giữa các loại hình DN khác nhau, giữa DN nhà nước và DN tư nhân, DN nước ngoài, vẫn còn là những bức xúc cho các DN tư nhân.

IV. KẾT LUẬN VÀ NHỮNG KHUYẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HHDN VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH KINH TẾ VIỆT NAM HIỆN NAY

Những kết luận nói trên (rút ra từ kết quả điều tra mà Đề tài đã tiến hành) về thực trạng hoạt động của HHDN Việt Nam; những khó khăn vướng mắc chủ yếu; và những khuyến nghị về phương diện chính sách của các DN và HHDN có thể là khá điển hình và có sự đồng thuận lớn của các HHDN (xem các báo cáo của các HHDN viết cho Đề tài từ /12/ tới /14/). Tổng hợp lại, có thể nêu ra những kết luận sau đây (xem ¹²):

1. Về thực trạng tổ chức và hoạt động của các HHDN Việt Nam

- *Loại hình HHDN ở Việt Nam đã phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về mô hình và quy mô tổ chức.* Cho đến nay, hầu hết các lĩnh vực kinh tế quan trọng đều có các HHDN. Một số HH đã tập hợp được nhiều doanh nghiệp thuộc ngành hàng mà nó đại diện (có những HH đã tập hợp được nhiều doanh nghiệp có năng lực sản xuất lớn chiếm khoảng 70-80% tỉ trọng sản phẩm của ngành, có HH chiếm tỉ trọng lớn về kim ngạch xuất khẩu (khoảng 90%) trong tổng

¹² Nguyễn Ngọc Lâm- Cơ sở pháp lý của sự ra đời và hoạt động hiệp hội của các tổ chức kinh tế và phương hướng hoàn thiện- Báo cáo khoa học viết cho Đề tài; 7-2004.

kim ngạch của ngành. Hệ thống tổ chức, cơ cấu tổ chức và nhân sự của HH cũng hết sức đa dạng.

- *Các HHDN nhìn chung đều tập trung hoạt động theo 2 chức năng:*

a) Đại diện cho hội viên trước pháp luật trong nước và quốc tế. Nhiều HH đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho hội viên và được hội viên uỷ thác đại diện cho hội viên một số công việc quan trọng. HH là tổ chức đại diện cho các hội viên thuộc ngành hàng trước pháp luật trong các quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng của HH. Hầu hết các HH làm tốt chức năng đại diện, làm cầu nối giữa các thành viên với Nhà nước, đại diện cho thành viên góp ý với cơ quan Nhà nước trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong việc hoạch định chính sách đối với sự phát triển ngành và lĩnh vực kinh tế có liên quan đến hoạt động của HH.

b) Làm dịch vụ cho các hội viên nâng cao trình độ, cung cấp thông tin, giá cả thị trường, công tác xúc tiến thương mại và một số dịch vụ xã hội như từ thiện nhân đạo. Các hiệp hội bước đầu đã thực hiện tốt các chức năng trên.

- *HHDN đã tương đối thành công trong các hoạt động sau đây:* (i) cung cấp thông tin liên quan tới chính sách và pháp luật; (ii) làm cầu nối với các cơ quan nhà nước trong kiến nghị về chính sách liên quan tới DN; (iii) giúp DN trao đổi thông tin và kinh nghiệm về quản lý, tìm hiểu thị trường, tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo ngắn hạn.
- *Những mặt sau đây các HHDN vẫn còn yếu kém:* (i) cung cấp thông tin về thị trường trong và ngoài nước, về giá cả; (ii) tư vấn chuyển giao công nghệ, tìm kiếm công nghệ; (iii) hỗ trợ tiếp cận thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu.

Tuy nhiên, nếu đem những gì mà HHDN Việt Nam đã làm được so sánh với các chương trình hoạt động dự kiến nêu ra trong tập sách nhỏ đã nói trên “HHDN trước thềm thế kỷ 21” do Trung tâm Quốc tế về DN Tư nhân xuất bản, thì còn quá nhỏ bé. Hơn nữa những hoạt động nói trên của HHDN Việt Nam nhiều khi chỉ có tính chất thời vụ, còn thiếu tính thường xuyên, bền vững và sao cho ngày một hiệu quả hơn.

2. Nguyên nhân của những hạn chế trên:

- *Hoạt động HH trong nền kinh tế thị trường còn khá mới mẻ đối với Việt Nam.* Quá trình đổi mới về tư duy của DN và cơ quan quản lý nhà nước về khu vực thứ ba – các tổ chức dân sự, trong điều kiện kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế và bất cập so với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Điều đó dẫn đến nhận thức của hội viên và cả công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước về vai trò của tổ chức hội nói chung và HHDN nói riêng còn chưa được đầy đủ. Mặt khác cơ chế thị trường, sự bình đẳng trong kinh doanh ở nước ta còn chưa được phát triển đầy đủ làm cho ý thức cần thống nhất, đoàn kết và tập hợp lực lượng để nâng cao sức cạnh tranh của các DN chưa phát triển. Sự hạn chế về tư duy, nhận thức không rõ về vai trò, chức năng và nhiệm vụ của HHDN đã hạn chế khá nhiều hiệu quả hoạt động của HHDN Việt Nam, hạn chế tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức và hoạt động của HHDN.
- *Các hội viên của HH chưa thấy hết được tầm quan trọng, vị trí của HH trong nền kinh tế thị trường* (buôn có bạn, bán có phường) do đó còn có nhiều hội viên không chấp hành nghiêm túc nghị quyết của HH, không đóng hội phí cho HH. Do vậy, mặc dù HH tập trung đông đảo các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế nhưng chưa tạo được sức mạnh tổng hợp. Sự liên kết giữa HH với hội viên chưa chặt chẽ, hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh giữa các hội viên vẫn xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của HH.
- *Về phương diện quản lý nhà nước-* Tuy Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển HH, song văn bản pháp quy quy định về tổ chức, hoạt động hội, HH được ban hành từ lâu, nhiều vấn đề không còn phù hợp, nhiều vấn đề chưa được rõ ràng làm cho HH gặp nhiều khó khăn, chẳng hạn như: *HH tổ chức, hoạt động theo văn bản nào? Vai trò của HH đến đâu, trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước đối với HH như thế nào? HH được làm những việc gì? Những gì không được làm?*. Một số văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước chưa hướng dẫn cụ thể khiến cho HH khó hoạt động, đặc biệt là trong quan hệ đối ngoại, chưa hướng dẫn cụ thể việc gia nhập tổ chức quốc tế, việc cử cán bộ HH đi công tác nước ngoài, tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế. Nói chung, còn *thiếu một khung pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng và phát triển HHDN*. Khung pháp lý hiện hành còn chưa được rõ ràng, nhất quán và khi thực thi thì còn khá phức tạp với các thủ tục “xin- cho” phiền hà, đòi hỏi phải làm việc với nhiều cơ quan và nhiều bước.

- *Bộ máy, cơ sở vật chất, kinh phí của HH còn quá khó khăn, không tạo được đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp.* Các HH thường sử dụng cán bộ kiêm nhiệm (một số lãnh đạo của cơ quan quản lý Nhà nước hoặc là cán bộ nhà nước kiêm nhiệm); ở một số HH, lãnh đạo HH là công chức Nhà nước đã nghỉ hưu. Tài chính của HH không ổn định. Nhiều HH chưa tìm được nguồn tài chính cho tổ chức, hoạt động của mình. Hiện nay nguồn kinh phí của HH tập trung vào 3 nguồn chính: hội phí, phí cung cấp dịch vụ và tài trợ của nhà nước; một số HH tìm nguồn tài trợ của nước ngoài, song không ổn định. Mô hình nào là hiệu quả nhất đối với mỗi HHDN cũng còn là một vấn đề tranh luận, điều này cũng làm ảnh hưởng tới tổ chức, hoạt động của HH.

3. Những khuyến nghị và Phương hướng hoạt động của HHDN Việt Nam trong thời gian tới

Với những luận điểm nêu trên, HHDN Việt Nam cần phát huy hơn nữa vai trò của mình trong phát triển kinh tế đất nước, trong hội nhập với kinh tế thế giới và nâng cao hiệu quả hoạt động của mình; Nhà nước cần có những biện pháp chính sách tạo môi trường chính trị, kinh tế, xã hội thuận lợi thúc đẩy hoạt động các HHDN, các chính sách hỗ trợ phát triển HHDN bên cạnh sự nỗ lực của chính bản thân từng HHDN trong hoạt động của mình.

Về phía HHDN:

1. *Đánh giá lại hoạt động của HHDN;* xây dựng chiến lược, kế hoạch và nội dung hoạt động của HHDN. Trên cơ sở đó xây dựng mô hình tổ chức HHDN phù hợp, kiện toàn tổ chức bộ máy lãnh đạo HHDN, bổ sung cán bộ có năng lực, uy tín, công tâm; tăng cường năng lực, tính chuyên nghiệp, chuyên môn, tính thiết thực và hiệu quả trong hoạt động của HHDN.
2. *Làm tốt hơn việc tập hợp các kiến nghị của doanh nghiệp về luật pháp, cơ chế chính sách,* cách thức quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp và của đội ngũ công chức; phân tích, tổng hợp và đề đạt các kiến nghị đó đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan, các cơ quan thông tin đại chúng và các HH khác; theo dõi, đánh giá sự “tiếp thu” của cơ quan Nhà nước, nguyên nhân của “tiếp thu” và “không tiếp thu” để có giải pháp tiếp theo.
3. *HHDN cần làm tốt hơn vai trò và chức năng của mình đối với hội viên, cung cấp các dịch vụ tốt hơn, chuyên sâu hơn,* đặc biệt là về tư vấn pháp luật (trong và ngoài nước), xúc tiến thương mại, hỗ trợ DN tìm kiếm thị trường và hỗ trợ

hội viên về kỹ thuật. Làm đầu mối phối hợp hoạt động giữa các hội viên, thúc đẩy liên doanh liên kết giữa các hội viên (hỗ trợ hội viên trong việc chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, xúc tiến thương mại...). HHDN có nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục thành viên xây dựng văn hoá kinh doanh tiến bộ, trung thực, có ý thức chấp hành luật pháp và trách nhiệm cộng đồng cao. Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin; nâng cao chất lượng và đa dạng hoá hình thức trao đổi kinh nghiệm và cơ hội kinh doanh; hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển kinh doanh. Thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong tranh chấp thương mại và xử lý hoà giải các mâu thuẫn kinh tế giữa các hội viên.

Về phía các cơ quan quản lý Nhà nước:

1. ***Nhà nước tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh cho các DN.*** Trên cơ sở điều kiện cạnh tranh lành mạnh này, các DN mới nhận thức được yêu cầu cấp thiết phải tập hợp, liên minh trong khuôn khổ tổ chức HHDN để nâng cao hiệu quả kinh doanh của DN. Cho đến nay, ở Việt Nam môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các DN vẫn còn là một khiếm khuyết. Bất bình đẳng giữa các loại hình DN khác nhau, giữa DN nhà nước và DN tư nhân, DN nước ngoài, vẫn còn là những bức súc cho các DN tư nhân. Cần thiết phải đẩy nhanh cổ phần hoá các DN Nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho việc hình thành các DN tư nhân là những biện pháp cấp thiết hiện nay để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và góp phần thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của HHDN Việt Nam.
2. Mặt khác, để HHDN có một môi trường tự do, dân chủ thực sự trong hoạt động của mình, ***Nhà nước cần chỉnh lý lại các văn bản chính sách về quyền lập hội với những quy định rành mạch, cụ thể hơn, những điều khoản thực thi rõ ràng, minh bạch hơn.*** Có thể lấy “Dự luật khung” của WB làm khuôn mẫu, vì nó thể hiện tinh thần luật pháp chung về quyền lập hội của quốc tế và Việt Nam không nên đứng ngoài khung cảnh chung đó.
3. Nếu trước mắt, do những hoàn cảnh đặc biệt của Việt Nam mà chưa thể có được một văn bản luật về quyền lập hội theo tinh thần nói trên, thì ***ít ra cũng nên có một Nghị định riêng ban hành cho việc thành lập và hoạt động của các HHDN với những quy định thật rõ ràng, cụ thể,*** đảm bảo các quyền tự do dân chủ trong việc thành lập và hoạt động của các HHDN Việt Nam. Trong văn bản Nghị định này, cần phân định rõ khái niệm HHDN, tránh nhầm lẫn chúng

với các loại tổ chức như “câu lạc bộ doanh nhân”. Chẳng hạn như các tổ chức đoàn thể (Thanh niên, Phụ nữ, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc, v.v..) hiện nay lập ra các tổ chức “Hội DN trẻ”, “Hội DN nữ”, “HH Công Thương”, v.v. mà thực chất chỉ là những câu lạc bộ hoặc hội các doanh nhân, các công thương gia (tên gọi trong cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trước đây) thuần túy mang tính chất chính trị xã hội, chứ không phải là các HHDN theo đúng tinh thần và vai trò của nó.

4. ***Xây dựng cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho HH tham gia vào việc cung cấp dịch vụ công.*** Điều này cần phải được thể hiện thành những điều khoản pháp lý do Nhà nước ban hành về quyền của HHDN, chứ không nên xem là một đặc quyền ban cho riêng do một cơ quan chính phủ nào đó, như các quan chức Việt Nam vẫn hay nói: “Tôi còn phải xem ‘anh’ có đủ năng lực không thì mới trao quyền được!”. Chẳng hạn như quy định: các văn bản chính sách đối với DN phải được các HHDN cho ý kiến; trao cho HHDN quyền tập hợp ý kiến các DN trong ngành để phản ánh với Chính phủ và *Chính phủ không xem xét các ý kiến về chính sách đối với DN mà chưa có ý kiến của HHDN*; trao cho HHDN quyền chứng nhận nghề nghiệp, uy tín của DN, v.v.. (Các đối tác nước ngoài thường tham khảo ý kiến của HHDN trước khi thoả thuận hợp tác với một DN cụ thể nào đó). *Tạo điều kiện cho HH tham gia một cách tích cực hơn vào chương trình phát triển kinh tế xã hội theo hướng: giao nhiệm vụ, đặt hàng cho HH thực hiện một số công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của HH. Tạo điều kiện cho Hiệp hội tham gia công tác tư vấn, phản biện, xây dựng chiến lược phát triển ngành và các quy phạm pháp luật có liên quan.*
5. ***Nhà nước cần có chương trình nâng cao năng lực hoạt động HHDN***, trong đó công tác đào tạo, tập huấn đối với cán bộ làm công tác HH cần được chú ý, tăng cường công tác phổ biến pháp luật đối với HH, có chính sách để tạo điều kiện để HH đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại.
6. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm, quy định rõ quyền và trách nhiệm của HH nói chung và trong thực hiện công tác đối ngoại, cử người đi công tác nước ngoài, tham gia ký kết các thoả thuận quốc tế, tổ chức hội nghị, hội thảo...

Tóm lại, do vai trò quan trọng của các HHDN trong việc tập hợp, thúc đẩy, hỗ trợ các DN trong phát triển kinh tế, xã hội, tạo ra của cải vật chất và sự giàu có của đất nước, Nhà nước cần phải làm cho các các HHDN Việt Nam có một cơ sở pháp

lý, quyền hạn và nhiệm vụ đầy đủ hơn để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của mình, cùng chung vai gánh vác với Nhà nước làm cho các DN Việt Nam mạnh mẽ hơn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới và trong nước trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước ta trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập của kinh tế thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Liệt kê theo thứ tự được trích dẫn trong báo cáo)

- /1/. **Phạm Quang Lê**- Khuyến khích phát triển và tạo môi trường hoạt động cho các tổ chức phi chính phủ- (Bài viết cho Đề tài).
- /2/. **Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ**- Tài liệu Hội thảo “Trao đổi kinh nghiệm quản lý tổ chức phi chính phủ”- Hà Nội, tháng 10/1999
- /3/. **TT Quốc tế về Luật Phi lợi nhuận**- Sổ tay những sự thực hành tốt về các luật liên quan tới các tổ chức phi chính phủ (Tài liệu tham khảo nội bộ); Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội, tháng 5/2001
- /4/. **Nguyễn Ngọc Lâm**- Cơ sở pháp lý của sự ra đời và hoạt động hiệp hội của các tổ chức kinh tế và phương hướng hoàn thiện- (bài viết cho Đề tài- tháng 7-2004)
- /5/. **“Hiệp hội Doanh nghiệp trước thềm thế kỷ 21 – Kế hoạch chi tiết cho tương lai”**- Bản dịch được sự tài trợ của Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân (MPDF) trong khuôn khổ Dự án Xây dựng Năng lực HHDN Việt Nam (BASI), CIPE xuất bản vào quý 3, năm 2003.
- /6/. **Phạm Quang Lê**- Nhận thức rõ thêm về Tính chất, vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của các HHDN- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới”- Hà Nội, tháng 6-2004
- /7/. **TS Vũ Đình Ánh**- Đổi mới nhận thức về hội/ hiệp hội kinh tế Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới”- do VCCI và Bộ Nội vụ tổ chức; Hà Nội, tháng 6-2004

/8/. **Nguyễn Phương Quỳnh Trang, Jonathan R. Stromseth**- Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng, Vai trò và Hoạt động; MPDF và The Asia Foundation xuất bản, tháng 8/2002.

/9/. **Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ**- Tài liệu phục vụ cuộc toạ đàm về đổi tượng, phạm vi điều chỉnh luật hội- Hà Nội, ngày 26-27 tháng 7- 2001

/10/. **Thang Văn Phúc** (chủ biên)- Vai trò của các hội trong đổi mới và phát triển đất nước- Nxb Chính trị Quốc gia; Hà Nội, 2002

/11/. **VCCI và Bộ Nội Vụ**- Hội nghị Đổi mới Mô hình Tổ chức và Phương thức Hoạt động của các Hiệp hội các Tổ chức Kinh tế trong Thời kỳ Đổi mới (ngày 30-6-2004); Hà Nội, tháng 6-2004

/12/. Những bài viết của các HHDN cho Đề tài vào tháng 7-2004:

- **Vũ Duy Thái**, PCT kiêm TTK- Hiệp hội Công thương Hà Nội- Quá trình hình thành, phát triển và những khuyến nghị về hoạt động của các HHDN
- **Lê Văn Đạo**, TTK- Hiệp hội Dệt May Việt Nam- Hoạt động và phát triển
- **Hiệp hội Chè Việt Nam**- Quá trình hoạt động- phát triển. Những bài học kinh nghiệm và những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động
- **Nguyễn Hữu Dũng**, (TTK) và **Nguyễn Thị Minh Tâm**, (chánh văn phòng)- VASEP, một số suy nghĩ từ quá trình hình thành và phát triển.

/13/. **Lê Văn Sở**, (chủ tịch HHNHVN, tổng giám đốc NHNN-PTNTVN)- Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam 10 năm nhìn lại- Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, ngày 1-8-2004

/14/. **Ngô Tuấn Kiệt**, (nguyên TTK HHNHVN nhiệm kỳ 1)- Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam khai sinh và đạt được những kết quả bước đầu- Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, ngày 1-8-2004

PHỤ LỤC

1. Phiếu điều tra ý kiến các Hiệp hội Doanh nghiệp (HHDN)
2. Phiếu điều tra ý kiến các Doanh nghiệp (DN)
3. Kết quả xử lý số liệu điều tra ý kiến các HHDN
4. Kết quả xử lý số liệu điều tra ý kiến các DN

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN LÝ (VIM)

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP
VỀ VAI TRÒ, CHỨC NĂNG VÀ CÁC BIỆN PHÁP CHÍNH SÁCH NHẪM HỖ TRỢ
HOẠT ĐỘNG CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP

I. Xin ông/ bà cho biết một số thông tin cơ bản sau đây về Hiệp hội Doanh nghiệp (HHDN) của ông/ bà (Xin điền vào chỗ trống hoặc đánh dấu 'x' vào các ô phù hợp với ý kiến của ông/ bà)

1. Tên HHDN:
Tên giao dịch tiếng Anh, thương hiệu (nếu có):
Điện thoại:; Fax:; Email:
2. Địa điểm (trụ sở chính) của HHDN:
3. Năm thành lập:
4. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):
5. Cơ cấu thành viên hiện tại của HHDN là: a) đa ngành ☐; b) chuyên ngành ☐;
Xin cho biết cụ thể về các ngành của DN trong HHDN:
.....
.....
6. Số hội viên chính thức:; Số hội viên liên kết:;
Số hội viên danh dự:
7. HHDN có gia nhập HHDN nước ngoài (quốc tế hoặc khu vực) hay không?:
Có ☐; Không ☐.
8. Địa bàn hoạt động của HHDN là: Toàn quốc ☐; hoặc
Trong phạm vi Tỉnh/ Thành phố nào: ☐
9. HHDN đã được thành lập bởi: Chính phủ ☐; Chính quyền địa phương ☐;
Công ty nhà nước ☐; Do liên kết tự nguyện của các DN ☐;
Do tổ chức quốc tế nước ngoài hỗ trợ thành lập ☐;
Do HTX (thủ công/nông nghiệp, ...) thành lập ☐; Trường hợp khác ☐.
10. Xin cho biết lý do thành lập HHDN:
- Tự nguyện, vì lợi ích của chính DN và của ngành hàng sản xuất ☐;

Phiếu trưng cầu ý kiến HHDN

- Do chấp hành chủ trương, do cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu ☐;
- Theo phong trào chung, dù chưa thấy rõ lắm về lợi ích ☐.

II. Xin ông/bà cho ý kiến đánh giá kết quả thực hiện các chức năng của HHDN thể hiện trên mặt sau. Xin ông/ bà đánh giá trên các mức độ sau: điểm 1: chưa làm được; điểm 2: đã làm nhưng chưa đạt yêu cầu; điểm 3: đạt yêu cầu; điểm 4: rất tốt. Xin đánh dấu “x” vào ô thích hợp.

<i>Những chức năng, nhiệm vụ của HHDN</i>	<i>Điểm đánh giá tác dụng của HHDN</i>			
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1. Hỗ trợ DN trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh				
2. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành/ lĩnh vực hoạt động				
3. Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp				
4. Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường				
5. Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (<i>HHDN đại diện DN để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý, v.v.</i>)				
6. Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại				
7. Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ kỹ thuật				
8. Giúp DN tiếp cận nguồn công nghệ, máy móc thiết bị, tư vấn chuyển giao công nghệ				
9. Những chức năng, nhiệm vụ khác: (<i>xin nêu rõ thêm</i>)				
.....				
.....				
.....				

III. Xin ông/ bà cho biết những mặt sau về tổ chức và quy chế hoạt động của HHDN.

1. Đánh giá mức độ thực hiện những nguyên tắc tổ chức của HHDN:

- Tự nguyện Chưa làm được ☐; Làm chưa tốt ☐; Tốt ☐.
- Tự quản Chưa làm được ☐; Làm chưa tốt ☐; Tốt ☐.
- Tự trang trải Chưa làm được ☐; Làm chưa tốt ☐; Tốt ☐.
- Bình đẳng giữa các thành viên Chưa làm được ☐; Làm chưa tốt ☐; Tốt ☐.
- Tuân thủ pháp luật Chưa làm được ☐; Làm chưa tốt ☐; Tốt ☐.
- Tuân thủ điều lệ HHDN Chưa làm được ☐; Làm chưa tốt ☐; Tốt ☐.

2. Về cơ cấu tổ chức, điều hành HHDN:

- Đại hội toàn thể các tổ chức thành viên Có ☐ Không ☐ Nhiệm kỳ:..... năm
- Ban lãnh đạo Có ☐ Không ☐ Nhiệm kỳ:..... năm
- Ban kiểm soát Có ☐ Không ☐ Nhiệm kỳ:..... năm
- Các ban khác (xin cho biết cụ thể):
..... Nhiệm kỳ:..... năm
..... Nhiệm kỳ:..... năm
- Các chi nhánh của HHDN (xin cho biết cụ thể):
.....
.....
.....

3. Về các chức danh chuyên trách:

- Chủ tịch hiệp hội là (Xin đánh dấu vào một trong các trường hợp sau đây):
 - Quan chức nhà nước kiêm nhiệm ☐
 - Giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị của DN nhà nước ☐
 - Giám đốc của DN ngoài nhà nước ☐; Cá nhân ngoài DN ☐
 - Khác (xin ghi rõ): ☐
- Phó chủ tịch thường trực hiệp hội là (Xin đánh dấu vào một trong các trường hợp sau đây):
 - Quan chức nhà nước kiêm nhiệm ☐
 - Giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị của DN nhà nước ☐
 - Giám đốc của DN ngoài nhà nước ☐; Cá nhân ngoài DN ☐
 - Khác (xin ghi rõ): ☐
- Tổng thư ký hiệp hội là (Xin đánh dấu vào một trong các trường hợp sau đây):
 - Quan chức nhà nước kiêm nhiệm ☐
 - Giám đốc hoặc chủ tịch hội đồng quản trị của DN nhà nước ☐
 - Giám đốc của DN ngoài nhà nước ☐; Cá nhân ngoài DN ☐
 - Khác (xin ghi rõ): ☐

4. Về cơ chế tài chính của HHDN

(Xin đánh dấu vào ô phù hợp với ý kiến của ông/bà):

- Cơ chế tài chính của HHDN ông/ bà đã được quy định là:
Rõ ràng ☐; Chưa rõ ràng ☐.
- Các nguồn thu của HHDN là từ: Hội phí ☐; Tài trợ của Nhà nước ☐;
Tài trợ của tổ chức nước ngoài ☐; Tài trợ của các tổ chức khác ☐;
Hoạt động kinh doanh/ dịch vụ của HHDN ☐; Các nguồn khác ☐.
- Số dư từ các nguồn thu sau khi đã chi cho các hoạt động của HHDN đã được
chi vào những việc gì? Chi cho công tác từ thiện/ hoạt động công ích ☐;
Chi cho cán bộ quản lý ☐; Để phát triển HHDN ☐; Chi khác ☐.

5. Trong HHDN đã xảy ra những trường hợp nào sau đây:

- Đã có thành viên xin ra khỏi HHDN? ☐; Nếu có thì là bao nhiêu?
- Đã có HHDN xin hợp nhất? ☐; Nếu có, xin nêu cụ thể:
.....
- Đã có trường hợp chia tách HHDN? ☐; Nếu có, xin nêu cụ thể:
.....

IV. Xin ông/ bà cho biết về những thuận lợi và khó khăn chính trong hoạt động của HHDN. Xin đánh dấu 'x' vào các ô phù hợp với ý kiến của ông/bà.

Những thuận lợi và khó khăn chính

Đánh giá mức độ

	Chưa phù hợp	Chưa rõ	Đã rõ
1. Thể chế nhà nước về HHDN	☐	☐	☐
2. Quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước	Nhiều phiền hà, vướng mắc ☐	Tạm được ☐	Tốt ☐
3. Sự gắn bó của các DN thành viên trong HHDN	Lỏng lẻo ☐	Tương đối tốt ☐	Tốt ☐
4. Kinh phí hoạt động của HHDN	Thiếu ☐	Tạm đủ ☐	Đủ ☐
5. Năng lực ban lãnh đạo, điều hành HHDN	Bất cập ☐	Còn hạn chế ☐	Đạt yêu cầu ☐
6. Mô hình tổ chức của HHDN (xét về ngành/ lĩnh vực, quy mô, địa bàn hoạt động, cơ cấu thành viên)	Không phù hợp ☐	Tạm được ☐	Phù hợp ☐
7. Năng lực của HHDN trong nắm bắt thông tin về thị trường, giá cả	Yếu ☐	Tạm được ☐	Tốt ☐

8. Năng lực tiếp cận nguồn thông tin về công nghệ của HHDN để phục vụ cho các DN	Yếu ☐	Tạm được ☐	Tốt ☐
9. ý thức liên kết của các DN trong nước để tăng cường năng lực cạnh tranh	Yếu ☐	Tạm được ☐	Tốt ☐
10. Hiểu biết của các DN trong nước về vai trò, chức năng và hoạt động của HHDN	Yếu ☐	Tạm được ☐	Tốt ☐
11. Quyền tự do của HHDN trong tổ chức và mở rộng các hoạt động	Bất cập ☐	Tạm được ☐	Tốt ☐
13. Những yếu tố khác (xin nêu rõ thêm):	Bất cập ☐	Tạm được ☐	Tốt ☐
.....			
.....			
.....			

V. Xin ông/ bà cho biết quan niệm của mình về vai trò, tính chất và chức năng của hiệp hội doanh nghiệp (HHDN). Xin ông/ bà đánh dấu “x” vào những ô ứng với quan niệm nào mà ông/ bà cho là đúng, phù hợp với ý mình.

1. HHDN là tổ chức do Nhà nước thành lập, chịu sự chỉ đạo của cơ quan quản lý ngành (như cơ quan chủ quản) ☐
2. HHDN là tổ chức quần chúng (tổ chức chính trị – xã hội) để tập hợp, giáo dục, đoàn kết, vận động thực hiện chính sách của Nhà nước ☐
3. HHDN là tổ chức liên kết kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh của các DN thành viên, có góp vốn và phân chia lợi nhuận ☐
4. HHDN là tổ chức xã hội – nghề nghiệp (thuộc khu vực dân sự, phi chính phủ, là đối tác của Nhà nước), không vụ lợi ☐
5. HHDN là liên minh các tổ chức kinh doanh, hỗ trợ nhau để nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh; theo các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tự quản, tự trang trải, chịu trách nhiệm trước pháp luật ☐
6. HHDN là tổ chức phi lợi nhuận (nghĩa là không được có lợi nhuận hoặc có thể có lợi nhuận (từ hoạt động dịch vụ chung của HHDN) song không được đem chia cho các thành viên mà chỉ dùng để phát triển tổ chức) ☐
7. HHDN là câu lạc bộ giám đốc các DN nhằm phô trương thanh thế của cộng đồng DN ☐
8. HHDN cần được Nhà nước tài trợ (bằng cách cấp kinh phí hoạt động hoặc giao cho các dự án để có thu, v.v.) ☐
9. HHDN không nhất thiết phải được Nhà nước tài trợ, chỉ cần trước hết là Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động (chẳng hạn các quyền tự do dân chủ rộng rãi nhất, v.v.) ☐

Phiếu trưng cầu ý kiến HHDN

10. Thành viên của HHDN có thể bao gồm: các DN, hợp tác xã, trang trại, tổ chức ngoài ngành có liên quan, các cá nhân có đóng góp ☐
11. HHDN chỉ nên theo chuyên ngành ☐
12. HHDN có thể là đa ngành ☐
13. Quan điểm khác: (xin ghi rõ vào đây) ☐
-

VI. Xin ông/ bà đánh giá tính chất cấp thiết của các biện pháp chính sách sau đây mà Nhà nước cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam. Xin ông/ bà đánh giá mức độ cấp thiết tăng dần theo thang điểm sau: điểm 1: không rõ hoặc không cấp thiết; điểm 2: ít cấp thiết; điểm 3: cấp thiết vừa phải; điểm 4: rất cấp thiết. Xin đánh dấu "x" vào ô thích hợp

Những biện pháp, chính sách Nhà nước cần ban hành đối với HHDN	Điểm đánh giá mức độ cấp thiết			
	1	2	3	4
1. Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do đó				
2. Nhà nước có khung pháp lý riêng cho HHDN (cụ thể hoá Nghị định 88/2003/NĐ-CP ngày 30-7-2003 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội)				
3. Thống nhất mô hình tổ chức HHDN (cơ cấu bộ máy, các chức danh lãnh đạo, v.v.)				
4. Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo các HHDN				
5. Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp				
6. Miễn, giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội chợ nhằm quảng cáo, xúc tiến thương mại				
7. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước				
8. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN				
9. Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập (thí dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v.)				
10. Biện pháp khác: (xin nêu rõ)	1	2	3	4
.....				
.....				
.....				
.....				

VII. Xin ông/ bà cho biết thêm những kiến nghị khác của mình về các biện pháp, chính sách nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN của Việt Nam.

Ngày tháng năm 2003

TM/ Lãnh đạo Hiệp hội Doanh nghiệp
Họ và tên, chữ ký người ghi phiếu:

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN CỦA DOANH NGHIỆP
VỀ VAI TRÒ CỦA HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP VÀ CÁC BIỆN PHÁP TĂNG
CƯỜNG SỰ HỖ TRỢ CỦA HIỆP HỘI TRONG KINH DOANH

I. Xin ông/ bà cho biết một số thông tin cơ bản về doanh nghiệp (DN) của ông/ bà và hiệp hội doanh nghiệp (HHDN) mà ông/ bà tham gia:

1. Tên doanh nghiệp:
Tên giao dịch tiếng Anh, thương hiệu (nếu có):
Điện thoại:; Fax:; Email:
2. Địa điểm (trụ sở chính) của DN:
3. Năm thành lập:
4. Tên cơ quan chủ quản (nếu có):
5. Ngành, nghề kinh doanh:
6. Vốn điều lệ:
7. Loại hình DN (đánh dấu “x” vào ô thích hợp với loại hình của DN):
DN nhà nước ☐; DN tư nhân ☐; Công ty TNHH ☐; Công ty cổ phần ☐;
Hợp tác xã ☐; Liên doanh với nước ngoài ☐; Loại hình khác ☐.
8. DN của ông/ bà hiện đang là thành viên của HHDN nào (xin cho biết tên của HHDN mà DN tham gia nhiều nhất trong các hoạt động và tư cách hội viên):
.....;
.....;
với tư cách là: Hội viên chính thức ☐; Hội viên liên kết ☐.
9. Xin ông/ bà cho biết lý do tham gia HHDN đó:
 - Tự nguyện, vì lợi ích của chính DN và của ngành hàng sản xuất ☐;
 - Do chấp hành chủ trương, do cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu ☐;
 - Theo phong trào chung, dù chưa thấy rõ lắm về lợi ích ☐.

II. Xin ông/bà cho biết đánh giá của mình về tác dụng của HHDN kể từ khi tham gia cho đến nay trên các mặt sau. Xin ông/ bà đánh giá trên các mức độ sau: điểm 1: chưa rõ; điểm 2: chưa đạt yêu cầu; điểm 3: đạt yêu cầu; điểm 4: rất tốt. Xin đánh dấu “x” vào ô thích hợp.

Tác dụng của hiệp hội doanh nghiệp	Điểm đánh giá tác dụng của HHDN			
	1	2	3	4
1. Hỗ trợ trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của DN				
2. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành, của lĩnh vực hoạt động				
3. Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp				
4. Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường				
5. Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (HHDN là đại diện để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý và việc thực thi chúng)				
6. Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại				
7. Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ kỹ thuật				
8. Giúp tiếp cận nguồn công nghệ, máy móc thiết bị, tư vấn chuyển giao công nghệ				
9. Những tác dụng khác: (xin nêu rõ thêm)				
.....				
.....				
.....				

III. Xin ông/ bà cho biết DN mình đã có được những quyền gì và đã thực hiện những trách nhiệm gì đối với HHDN (Xin ông/ bà đánh dấu “x” vào những ô ứng với điều phù hợp với ý mình).

1. Những quyền sau:

- Đề cử hoặc ứng cử vào ban lãnh đạo HHDN: Có ☐; Không ☐.
- Quyền giám sát, chất vấn ban lãnh đạo HHDN: Có ☐; Không ☐.
- Quyền được đối xử bình đẳng: Có ☐; Không ☐.
- Quyền được cung cấp những thông tin liên quan: Có ☐; Không ☐.
- Quyền được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức liên quan: Có ☐; Không ☐.
- Quyền được ra khỏi HHDN: Có ☐; Không ☐.
- Các quyền khác (xin ghi rõ thêm):

.....
2. Những nhiệm vụ và trách nhiệm sau:

- Chấp hành điều lệ và các nghị quyết của HHDN:
Chấp hành nghiêm túc ☐; *chấp hành không đầy đủ* ☐; *không chấp hành* ☐.
- Đóng hội phí theo quy định: *Có* ☐; *Không* ☐.
- Đóng góp tài chính ngoài hội phí: *Có* ☐; *Không* ☐.
- Tham gia các hoạt động chung của HHDN:
Tham gia đầy đủ ☐; *Tham gia không đều* ☐; *Không tham gia* ☐.
- Những nhiệm vụ khác:
.....
.....

IV. Xin ông/ bà cho biết quan niệm của mình về vai trò, tính chất và chức năng của hiệp hội doanh nghiệp (HHDN). Xin ông/ bà đánh dấu "x" vào những ô ứng với quan niệm nào mà ông/ bà cho là đúng, phù hợp với ý mình.

1. HHDN là tổ chức do Nhà nước thành lập, chịu sự chỉ đạo của cơ quan quản lý ngành (như cơ quan chủ quản) ☐
 2. HHDN là tổ chức quần chúng (tổ chức chính trị – xã hội) để tập hợp, giáo dục, đoàn kết, vận động thực hiện chính sách của Nhà nước ☐
 3. HHDN là tổ chức liên kết kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh của các DN thành viên, có góp vốn và phân chia lợi nhuận ☐
 4. HHDN là tổ chức xã hội – nghề nghiệp (thuộc khu vực dân sự, phi chính phủ, là đối tác của Nhà nước), không vụ lợi ☐
 5. HHDN là liên minh các tổ chức kinh doanh, hỗ trợ nhau để nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh; theo các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tự quản, tự trang trải, chịu trách nhiệm trước pháp luật ☐
 6. HHDN là tổ chức phi lợi nhuận (nghĩa là không được có lợi nhuận hoặc có thể có lợi nhuận (từ hoạt động dịch vụ chung của HHDN) song không được đem chia cho các thành viên mà chỉ dùng để phát triển tổ chức) ☐
 7. HHDN là câu lạc bộ giám đốc các DN nhằm phô trương thanh thế của cộng đồng DN ☐
 8. HHDN cần được Nhà nước tài trợ (bằng cách cấp kinh phí hoạt động hoặc giao cho các dự án để có thu, v.v.) ☐
 9. HHDN không nhất thiết phải được Nhà nước tài trợ, chỉ cần trước hết là Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động (chẳng hạn các quyền tự do dân chủ rộng rãi nhất, v.v.) ☐
 10. Quan điểm khác: (xin ghi rõ vào đây) ☐
-

V. Xin ông/ bà đánh giá tính chất cấp thiết của các biện pháp chính sách sau đây mà Nhà nước cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam. Xin ông/ bà đánh giá mức độ cấp thiết tăng dần theo thang điểm sau: điểm 1: không rõ hoặc không cấp thiết; điểm 2: ít cấp thiết; điểm 3: cấp thiết vừa phải; điểm 4: rất cấp thiết. Xin đánh dấu "x" vào ô thích hợp

Những biện pháp, chính sách Nhà nước cần ban hành đối với HHDN	Điểm đánh giá mức độ cấp thiết			
	1	2	3	4
1. Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do đó				
2. Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo các HHDN				
3. Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp				
4. Miễn, giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội chợ nhằm quảng cáo, xúc tiến thương mại				
5. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước				
6. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN				
7. Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập (thí dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v.)				
8. Biện pháp khác: (xin nêu rõ)				
.....				
.....				
.....				
.....				

Xin cảm ơn sự hợp tác và những ý kiến quý báu của ông/ bà.

Ngày tháng năm 2003

TM/ Lãnh đạo doanh nghiệp

Họ và tên, chữ ký người ghi phiếu:

PHỤ LỤC 3

KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐIỀU TRA Ý KIẾN CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP

Bảng 1- Phân bố các HHDN theo địa điểm (trụ sở chính của HHDN)

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Bắc	20	69.0	69.0
	Nam	9	31.0	31.0
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 2- Phân bố các HHDN theo một số nhóm ngành hoạt động

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Đa ngành	7	24.1	24.1
	Dệt may & Da giấy	2	6.9	6.9
	thủy sản & nông sản	6	20.7	20.7
	dịch vụ & thương mại	6	20.7	20.7
	điện tử & tin học	1	3.4	3.4
	Chuyên ngành khác	7	24.1	24.1
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 3- Phân bố các HHDN theo địa bàn hoạt động

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Toàn quốc	19	65.5	65.5
	Tỉnh/ thành phố	10	34.5	34.5
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 4- Phân bố các HHDN theo cơ quan thành lập

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chính phủ	12	41.4	41.4
	Chính quyền địa phương	8	27.6	27.6
	Công ty nhà nước	1	3.4	3.4
	Liên kết tự nguyện của các dn	8	27.6	27.6
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 5- Phân bố các HHDN theo lý do thành lập

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Tự nguyện, vì lợi ích của doanh nghiệp	28	96.6	96.6
	Do nhà nước yêu cầu	1	3.4	3.4
	Total	29	100.0	100.0

Về các chức danh chuyên trách lãnh đạo HHDN

Bảng 6.1- Chủ tịch HHDN là

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	quan chức nhà nước	6	20.7	20.7
	Giám đốc đn nhà nước	11	37.9	37.9
	Giám đốc đn ngoài nn	7	24.1	24.1
	Cá nhân ngoài đn	3	10.3	10.3
	Khác	2	6.9	6.9
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 6.2- Phó chủ tịch thường trực là

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	quan chức nhà nước	2	6.9	7.4
	Giám đốc đn nhà nước	14	48.3	51.9
	Giám đốc đn ngoài nn	7	24.1	25.9
	Cá nhân ngoài đn	3	10.3	11.1
	Khác	1	3.4	3.7
	Total	27	93.1	100.0
Missing	System	2	6.9	
Total		29	100.0	

Bảng 6.2- Tổng thư ký là

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	quan chức nhà nước	4	13.8	16.7
	Giám đốc đn nhà nước	3	10.3	12.5
	Giám đốc đn ngoài nn	4	13.8	16.7
	Cá nhân ngoài đn	10	34.5	41.7
	Khác	3	10.3	12.5
	Total	24	82.8	100.0
Missing	System	5	17.2	
Total		29	100.0	

Đánh giá mức độ thực hiện những nguyên tắc tổ chức của HHDN

Bảng 7.1- Nguyên tắc tự nguyện

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Làm chưa tốt	6	20.7	21.4
	Tốt	22	75.9	78.6
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 7.2- Nguyên tắc tự quản

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	1	3.4	3.6
	Làm chưa tốt	4	13.8	14.3
	Tốt	23	79.3	82.1
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 7.3- Nguyên tắc tự trang trải

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	2	6.9	6.9
	Làm chưa tốt	9	31.0	31.0
	Tốt	18	62.1	62.1
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 7.4- Nguyên tắc bình đẳng giữa các thành viên

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	1	3.4	3.4
	Làm chưa tốt	3	10.3	10.3
	Tốt	25	86.2	86.2
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 7.5- Nguyên tắc tuân thủ pháp luật

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Làm chưa tốt	1	3.4	3.4
	Tốt	28	96.6	96.6
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 7.6- Nguyên tắc tuân thủ điều lệ HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	1	3.4	3.4
	Làm chưa tốt	6	20.7	20.7
	Tốt	22	75.9	75.9
	Total	29	100.0	100.0

Về cơ cấu tổ chức, điều hành HHDN

Bảng 8.1- Đại hội toàn thể các tổ chức thành viên của HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Có	29	100.0	100.0

Bảng 8.2- Ban lãnh đạo HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Có	29	100.0	100.0

Bảng 8.3- Ban kiểm soát

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	4	13.8	13.8
	có	25	86.2	86.2
	Total	29	100.0	100.0

Về cơ chế tài chính của HHDN

Bảng 9.1- Đánh giá cơ chế tài chính quy định trong HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	rõ ràng	25	86.2	89.3
	Chưa rõ ràng	3	10.3	10.7
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 9.2- Về hội phí

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Có	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 9.3- Về tài trợ của nhà nước

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	25	86.2	89.3
	Có	3	10.3	10.7
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 9.4- Về sự tài trợ của tổ chức nước ngoài

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	24	82.8	85.7
	Có	4	13.8	14.3
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 9.5- Tài trợ của các tổ chức khác

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	23	79.3	82.1
	Có	5	17.2	17.9
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 9.6- Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh/ dịch vụ của HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	17	58.6	60.7
	Có	11	37.9	39.3
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 9.7- Về các nguồn thu khác

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	21	72.4	75.0
	Có	7	24.1	25.0
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 9.10- Chi cho công tác từ thiện hoặc các hoạt động công ích

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	20	69.0	76.9
	Có	6	20.7	23.1
	Total	26	89.7	100.0
Missing	System	3	10.3	
Total		29	100.0	

Bảng 9.11- Chia cho các thành viên

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	23	79.3	88.5
	Có	3	10.3	11.5
	Total	26	89.7	100.0
Missing	System	3	10.3	
Total		29	100.0	

Bảng 9.12- Chi để phát triển các hoạt động của HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	6	20.7	23.1
	Có	20	69.0	76.9
	Total	26	89.7	100.0
Missing	System	3	10.3	
Total		29	100.0	

Bảng 9.13- Chi khác

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	24	82.8	92.3
	Có	2	6.9	7.7
	Total	26	89.7	100.0
Missing	System	3	10.3	
Total		29	100.0	

Những trường hợp ra đi, hợp nhất, chia tách trong các HHDN

Bảng 10.1- Đã có thành viên xin ra khỏi HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	23	79.3	79.3
	Có	6	20.7	20.7
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 10.2- Đã có HHDN xin hợp nhất

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	27	93.1	93.1
	Có	2	6.9	6.9
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 10.3- Đã có trường hợp chia tách HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không	27	93.1	93.1
	Có	2	6.9	6.9
	Total	29	100.0	100.0

Những thuận lợi và khó khăn chính trong hoạt động của HHDN

Bảng 11.1- Thể chế HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa phù hợp	5	17.2	17.9
	Chưa rõ	16	55.2	57.1
	Đã rõ	7	24.1	25.0
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 11.2- Quan hệ với cơ quan quản lý nhà nước

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Nhiều phiền hà, vướng mắc	4	13.8	14.8
	Tam được	17	58.6	63.0
	Tốt	6	20.7	22.2
	Total	27	93.1	100.0
Missing	System	2	6.9	
Total		29	100.0	

Bảng 11.3- Sự gắn bó của các doanh nghiệp thành viên trong HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	long leo	5	17.2	17.2
	tuong doi tot	18	62.1	62.1
	tot	6	20.7	20.7
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 11.4- Kinh phí hoạt động của HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Thiếu	15	51.7	51.7
	Tam đủ	12	41.4	41.4
	Đủ	2	6.9	6.9
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 11.5- Năng lực ban lãnh đạo, điều hành HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	còn hạn chế	16	55.2	57.1
	đạt yêu cầu	12	41.4	42.9
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 11.6- Mô hình tổ chức HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không phù hợp	1	3.4	3.6
	Tạm được	12	41.4	42.9
	Phù hợp	15	51.7	53.6
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 11.7- Năng lực HHDN trong nắm bắt thông tin thị trường, giá cả

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Yếu	8	27.6	28.6
	Tạm được	16	55.2	57.1
	Tốt	4	13.8	14.3
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Bảng 11.8- Năng lực tiếp cận thông tin công nghệ để phục vụ cho các doanh nghiệp

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Yếu	9	31.0	31.0
	Tạm được	14	48.3	48.3
	Tốt	6	20.7	20.7
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 11.9- Ý thức liên kết của các dn trong nước để tăng cường năng lực cạnh tranh

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Yếu	9	31.0	31.0
	Tạm được	16	55.2	55.2
	Tốt	4	13.8	13.8
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 11.10- Hiểu biết của các dn trong nước về chức năng và hoạt động của HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Yếu	7	24.1	24.1
	Tạm được	17	58.6	58.6
	Tốt	5	17.2	17.2
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 11.11- Quyền tự do của HHDN trong tổ chức và hoạt động

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Yếu	9	31.0	31.0
	Tạm được	11	37.9	37.9
	Tốt	9	31.0	31.0
	Total	29	100.0	100.0

Quan niệm về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN

Bảng 12.1- HHDN là tổ chức do Nhà nước thành lập, chịu sự chỉ đạo của cơ quan quản lý ngành (như cơ quan chủ quản)

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	20	69.0	69.0
	đúng	9	31.0	31.0
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.2- HHDN là tổ chức quần chúng (tổ chức chính trị – xã hội) để tập hợp, giáo dục, đoàn kết, vận động thực hiện chính sách của Nhà nước

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	25	86.2	86.2
	đúng	4	13.8	13.8
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.3- HHDN là tổ chức liên kết kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh của các DN thành viên, có góp vốn và phân chia lợi nhuận

		Frequency	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	25	86.2	86.2
	đúng	4	13.8	13.8
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.4- HHDN là tổ chức xã hội – nghề nghiệp (thuộc khu vực dân sự, phi chính phủ, là đối tác của Nhà nước), không vụ lợi

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	8	27.6	27.6
	đúng	21	72.4	72.4
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.5- HHDN là liên minh các tổ chức kinh doanh, hỗ trợ nhau để nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh; theo các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tự quản, tự trang trải, chịu trách nhiệm trước pháp luật

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	4	13.8	13.8
	đúng	25	86.2	86.2
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.6- HHDN là tổ chức phi lợi nhuận (nghĩa là không được có lợi nhuận hoặc có thể có lợi nhuận (từ hoạt động dịch vụ chung của HHDN) song không được đem chia cho các thành viên mà chỉ dùng để phát triển tổ chức)

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	10	34.5	34.5
	đúng	19	65.5	65.5
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.7- HHDN là câu lạc bộ giám đốc các DN nhằm phô trương thanh thế của cộng đồng DN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	27	93.1	93.1
	đúng	2	6.9	6.9
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.8- HHDN cần được Nhà nước tài trợ (bằng cách cấp kinh phí hoạt động hoặc giao cho các dự án để có thu, v.v.)

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	16	55.2	55.2
	đúng	13	44.8	44.8
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.9- HHDN không nhất thiết phải được Nhà nước tài trợ, chỉ cần trước hết là Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động (chẳng hạn các quyền tự do dân chủ rộng rãi nhất, v.v.)

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	12	41.4	41.4
	đúng	17	58.6	58.6
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.10- Thành viên của HHDN có thể bao gồm: các DN, hợp tác xã, trang trại, tổ chức ngoài ngành có liên quan, các cá nhân có đóng góp

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	17	58.6	58.6
	đúng	12	41.4	41.4
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.11- HHDN chỉ nên theo chuyên ngành

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	13	44.8	44.8
	đúng	16	55.2	55.2
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 12.12- HHDN có thể là đa ngành

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	sai	16	55.2	55.2
	đúng	13	44.8	44.8
	Total	29	100.0	100.0

**Đánh giá tính chất cấp thiết của các biện pháp chính sách
để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam**

(điểm 1: không rõ hoặc không cấp thiết; điểm 2: ít cấp thiết;
điểm 3: cấp thiết vừa phải; điểm 4: rất cấp thiết)

Bảng 13- Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các điểm đánh giá

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
1. Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do đó	29	0	3.10	1.26
2. Nhà nước có khung pháp lý riêng cho HHDN	29	0	3.48	1.05
3. Thống nhất mô hình tổ chức HHDN (cơ cấu bộ máy, các chức danh lãnh đạo, v.v.)	29	0	2.93	1.16
4. Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo các HHDN	29	0	3.27	1.06
5. Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp	29	0	3.10	1.14
6. Miễn, giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội chợ nhằm quảng cáo, xúc tiến thương mại	29	0	3.41	.98
7. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước	29	0	3.62	.82
8. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN	29	0	3.62	.82
9. Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập (thí dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v.)	28	1	2.71	1.21

Bảng 13.1- Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do đó

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	7	24.1	24.1
	Cấp thiết vừa phải	5	17.2	17.2
	Rất cấp thiết	17	58.6	58.6
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 13.2- Nhà nước có khung pháp lý riêng cho HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	4	13.8	13.8
	Cấp thiết vừa phải	3	10.3	10.3
	Rất cấp thiết	22	75.9	75.9
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 13.3- Thống nhất mô hình tổ chức HHDN (cơ cấu bộ máy, các chức danh lãnh đạo, v.v.)

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	6	20.7	20.7
	ít cấp thiết	2	6.9	6.9
	Cấp thiết vừa phải	9	31.0	31.0
	Rất cấp thiết	12	41.4	41.4
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 13.4- Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo các HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	3	10.3	10.3
	ít cấp thiết	4	13.8	13.8
	Cấp thiết vừa phải	4	13.8	13.8
	Rất cấp thiết	18	62.1	62.1
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 13.5- Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	5	17.2	17.2
	ít cấp thiết	2	6.9	6.9
	Cấp thiết vừa phải	7	24.1	24.1
	Rất cấp thiết	15	51.7	51.7
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 13.6- Miễn, giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội chợ nhằm quảng cáo, xúc tiến thương mại

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	3	10.3	10.3
	ít cấp thiết	1	3.4	3.4
	Cấp thiết vừa phải	6	20.7	20.7
	Rất cấp thiết	19	65.5	65.5
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 13.7- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	2	6.9	6.9
	Cấp thiết vừa phải	5	17.2	17.2
	Rất cấp thiết	22	75.9	75.9
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 13.8- Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	2	6.9	6.9
	Cấp thiết vừa phải	5	17.2	17.2
	Rất cấp thiết	22	75.9	75.9
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 13.9- Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập (thí dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v.)

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Không cấp thiết	8	27.6	28.6
	ít cấp thiết	1	3.4	3.6
	Cấp thiết vừa phải	10	34.5	35.7
	Rất cấp thiết	9	31.0	32.1
	Total	28	96.6	100.0
Missing	System	1	3.4	
Total		29	100.0	

Đánh giá kết quả thực hiện các chức năng của HHDN

(điểm 1: chưa làm được; điểm 2: đã làm nhưng chưa đạt yêu cầu;
điểm 3: đạt yêu cầu; điểm 4: rất tốt)

Bảng 14- giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các điểm đánh giá

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
1. Hỗ trợ DN trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh	29	0	2.37	.82
2. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành/ lĩnh vực hoạt động	29	0	2.79	.72
3. Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp	29	0	2.48	.91
4. Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường	29	0	3.03	.77
5. Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (HHDN đại diện DN để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý, ...)	29	0	3.13	.69
6. Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại	29	0	2.79	.94
7. Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ kỹ thuật	29	0	2.41	.91
8. Giúp DN tiếp cận nguồn công nghệ, máy móc thiết bị, tư vấn chuyển giao công nghệ	29	0	2.06	.84

Bảng 14.1- Hỗ trợ DN trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh

		Số hhđn	% hhđn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	2	6.9	6.9
	Làm chưa đạt yc	18	62.1	62.1
	đạt yêu cầu	5	17.2	17.2
	Rất tốt	4	13.8	13.8
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 14.2- Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành/ lĩnh vực hoạt động

		Số hhđn	% hhđn	Valid Percent
Valid	Làm chưa đạt yc	11	37.9	37.9
	đạt yêu cầu	13	44.8	44.8
	Rất tốt	5	17.2	17.2
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 14.3- Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	4	13.8	13.8
	Làm chưa đạt yc	11	37.9	37.9
	đạt yêu cầu	10	34.5	34.5
	Rất tốt	4	13.8	13.8
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 14.4- Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Làm chưa đạt yc	8	27.6	27.6
	đạt yêu cầu	12	41.4	41.4
	Rất tốt	9	31.0	31.0
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 14.5- Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (HHDN đại diện DN để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý, v.v.)

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Làm chưa đạt yc	5	17.2	17.2
	đạt yêu cầu	15	51.7	51.7
	Rất tốt	9	31.0	31.0
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 14.6- Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	3	10.3	10.3
	Làm chưa đạt yc	7	24.1	24.1
	đạt yêu cầu	12	41.4	41.4
	Rất tốt	7	24.1	24.1
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 14.7- Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ kỹ thuật

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	4	13.8	13.8
	Làm chưa đạt yc	13	44.8	44.8
	đạt yêu cầu	8	27.6	27.6
	Rất tốt	4	13.8	13.8
	Total	29	100.0	100.0

Bảng 14.8- Giúp DN tiếp cận nguồn công nghệ, máy móc thiết bị, tư vấn chuyển giao công nghệ

		Số hhdn	% hhdn	Valid Percent
Valid	Chưa làm được	8	27.6	27.6
	Làm chưa đạt yc	12	41.4	41.4
	đạt yêu cầu	8	27.6	27.6
	Rất tốt	1	3.4	3.4
	Total	29	100.0	100.0

PHỤ LỤC 4

KẾT QUẢ XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐIỀU TRA Ý KIẾN CÁC DOANH NGHIỆP LÀ THÀNH VIÊN CỦA CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP

Bảng 1. Phân bố các doanh nghiệp điều tra theo địa điểm

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Bắc	18	69.2	69.2
	Trung	2	7.7	7.7
	Nam	6	23.1	23.1
	Tổng số	26	100.0	100.0

Bảng 2. Phân bố theo loại hình doanh nghiệp

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Dn nhà nước	12	46.2	46.2
	Công ty TNHH	6	23.1	23.1
	Cty cổ phần	5	19.2	19.2
	Liên doanh với nước ngoài	2	7.7	7.7
	Loại khác	1	3.8	3.8
	Tổng số	26	100.0	100.0

Bảng 3. Phân bố doanh nghiệp theo một số nhóm ngành

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Dệt may & Da giày	7	26.9	26.9
	Thủy sản & Nông sản	2	7.7	7.7
	Dịch vụ & Thương mại	5	19.2	19.2
	Điện tử & Tin học	7	26.9	26.9
	Khác	5	19.2	19.2
	Tổng số	26	100.0	100.0

Bảng 4. Phân bố doanh nghiệp theo qui mô vốn

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Vốn < 1 tỷ đồng	2	7.7	10.5
	Vốn từ 1 đến 5 tỷ đồng	5	19.2	26.3
	Vốn từ 5 đến 10 tỷ đồng	4	15.4	21.1
	Vốn trên 10 tỷ đồng	8	30.8	42.1
	Tổng số	19	73.1	100.0
Missing	System	7	26.9	
Total		26	100.0	

Bảng 5. Phân bố số doanh nghiệp theo số HHDN tham gia

	Số HHDN mà dn tham gia	Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	0	1	3.8	3.8
	1	16	61.5	61.5
	2	6	23.1	23.1
	3	2	7.7	7.7
	4	1	3.8	3.8
	Tổng số	26	100.0	100.0

Bảng 6. Lý do tham gia HHDN

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	do lợi ích dn	23	88.5	92.0
	do nn yêu cầu	1	3.8	4.0
	do phong trào	1	3.8	4.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Doanh nghiệp đã có được những quyền gì**Bảng 7.1.****1. Quyền đề cử / ứng cử vào ban lãnh đạo HHDN**

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Không	5	19.2	20.0
	Có	20	76.9	80.0
	Tổng số	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 7.2.**2. Quyền giám sát, chất vấn ban lãnh đạo HHDN**

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Không	8	30.8	32.0
	Có	17	65.4	68.0
	Tổng số	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 7.3.**3. Quyền được đối xử bình đẳng**

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Không	3	11.5	12.5
	có	21	80.8	87.5
	Tổng số	24	92.3	100.0
Missing	System	2	7.7	
Total		26	100.0	

Bảng 7.4.**4. Quyền được cung cấp những thông tin liên quan**

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Có	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 7.5.**5. Quyền được đào tạo, bồi dưỡng những kiến thức có liên quan**

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Không	4	15.4	16.0
	có	21	80.8	84.0
	Tổng số	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 7.6.**6. Quyền được ra khỏi HHDN**

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Không	2	7.7	8.0
	có	23	88.5	92.0
	Tổng số	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

**Doanh nghiệp đã thực hiện những nhiệm vụ
và trách nhiệm gì đối với HHDN**

Bảng 8.1.

1. Chấp hành điều lệ và các nghị quyết của HHDN

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Không đầy đủ	1	3.8	4.0
	Nghiêm túc	24	92.3	96.0
	Tổng số	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 8.2.

2. Đóng hội phí theo quy định

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Không	2	7.7	8.0
	có	23	88.5	92.0
	Tổng số	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 8.3.

3. Đóng góp tài chính ngoài hội phí

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Không	10	38.5	40.0
	có	15	57.7	60.0
	Tổng số	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 8.4.

4. Tham gia các hoạt động chung của HHDN

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Th.gia không đều	8	30.8	32.0
	Tham gia đầy đủ	17	65.4	68.0
	Tổng số	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Quan niệm của doanh nghiệp về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN

Bảng 9.1.

1. HHDN là tổ chức do nhà nước thành lập, chịu sự chỉ đạo của cơ quan quản lý ngành

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	sai	19	73.1	73.1
	đúng	7	26.9	26.9
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 9.2.

2. HHDN là tổ chức quần chúng (tổ chức chính trị – xã hội) để tập hợp, giáo dục, đoàn kết, vận động thực hiện chính sách của Nhà nước

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	sai	22	84.6	84.6
	đúng	4	15.4	15.4
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 9.3.

3. HHDN là tổ chức liên kết kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh của các DN thành viên, có góp vốn và phân chia lợi nhuận

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	sai	25	96.2	96.2
	đúng	1	3.8	3.8
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 9.4.

4. HHDN là tổ chức xã hội – nghề nghiệp (thuộc khu vực dân sự, phi chính phủ, là đối tác của Nhà nước), không vụ lợi

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Sai	11	42.3	42.3
	Dung	15	57.7	57.7
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 9.5.

5. *HHDN là liên minh các tổ chức kinh doanh, hỗ trợ nhau để nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh; theo các nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tự quản, tự trang trải, chịu trách nhiệm trước pháp luật*

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Sai	5	19.2	19.2
	đúng	21	80.8	80.8
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 9.6.

6. *HHDN là tổ chức phi lợi nhuận (nghĩa là không được có lợi nhuận hoặc có thể có lợi nhuận (từ hoạt động dịch vụ chung của HHDN) song không được đem chia cho các thành viên mà chỉ dùng để phát triển tổ chức)*

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	Sai	12	46.2	46.2
	đúng	14	53.8	53.8
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 9.7.

7. *HHDN là câu lạc bộ giám đốc các DN nhằm phô trương thanh thế của cộng đồng DN*

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	sai	23	88.5	88.5
	đúng	3	11.5	11.5
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 9.8.

8. *HHDN cần được Nhà nước tài trợ (bằng cách cấp kinh phí hoạt động hoặc giao cho các dự án để có thu, v.v.)*

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	sai	21	80.8	80.8
	đúng	5	19.2	19.2
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 9.9.

9. *HHDN không nhất thiết phải được Nhà nước tài trợ, chỉ cần trước hết là Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động (chẳng hạn các quyền tự do dân chủ rộng rãi nhất, v.v.)*

		Số doanh nghiệp	% doanh nghiệp	Valid Percent
Valid	sai	9	34.6	34.6
	đúng	17	65.4	65.4
	Total	26	100.0	100.0

Doanh nghiệp đánh giá tác động của HHDN kể từ khi tham gia

(điểm 1: chưa rõ; điểm 2: chưa đạt yêu cầu; điểm 3: đạt yêu cầu; điểm 4: rất tốt)

Bảng 10.

Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các điểm đánh giá

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
1. Hỗ trợ trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của DN	25	1	2.24	.83
2. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành, của lĩnh vực hoạt động	25	1	2.64	.86
3. Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp	25	1	2.08	.95
4. Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường	25	1	2.64	.75
5. Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (HHDN là đại diện để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý và việc thực thi chúng)	25	1	2.72	.79
6. Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại	25	1	2.40	.76
7. Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ kỹ thuật	25	1	2.12	.72
8. Giúp tiếp cận nguồn công nghệ, máy móc thiết bị, tư vấn chuyển giao công nghệ	25	1	2.00	.86

Bảng 10.1**1. Hỗ trợ trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của DN**

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	1. Chưa rõ	5	19.2	20.0
	2. Chưa đạt yêu cầu	10	38.5	40.0
	3. Đạt yêu cầu	9	34.6	36.0
	4. Rất tốt	1	3.8	4.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 10.2**2. Bảo vệ lợi ích hợp pháp của ngành, của lĩnh vực hoạt động**

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	1. chưa rõ	4	15.4	16.0
	2. chưa đạt yc	3	11.5	12.0
	3. đạt yêu cầu	16	61.5	64.0
	4. rất tốt	2	7.7	8.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 10.3**3. Xử lý hài hoà các lợi ích trong nội bộ ngành, hoà giải tranh chấp**

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	1. chưa rõ	8	30.8	32.0
	2. chưa đạt yc	9	34.6	36.0
	3. đạt yêu cầu	6	23.1	24.0
	4. rất tốt	2	7.7	8.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 10.4**4. Giúp DN trong trao đổi thông tin, kinh nghiệm quản trị kinh doanh, tìm hiểu thị trường**

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	1. chưa rõ	2	7.7	8.0
	2. chưa đạt yc	7	26.9	28.0
	3. đạt yêu cầu	14	53.8	56.0
	4. rất tốt	2	7.7	8.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 10.5

5. *Làm cầu nối giữa DN và Nhà nước (HHDN là đại diện để phản ánh và kiến nghị về thể chế quản lý và việc thực thi chúng)*

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	1. chưa ro	2	7.7	8.0
	2. chưa đạt yc	6	23.1	24.0
	3. đạt yêu cầu	14	53.8	56.0
	4. rất tốt	3	11.5	12.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 10.6

6. *Hỗ trợ DN trong tìm thị trường, xúc tiến thương mại*

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	1. chưa ro	3	11.5	12.0
	2. chưa đạt yc	10	38.5	40.0
	3. đạt yêu cầu	11	42.3	44.0
	4. rất tốt	1	3.8	4.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 10.7

7. *Hỗ trợ DN trong đào tạo đội ngũ kỹ thuật*

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	1. chưa ro	5	19.2	20.0
	2. chưa đạt yc	12	46.2	48.0
	3. đạt yêu cầu	8	30.8	32.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Bảng 10.8

8. *Giúp tiếp cận nguồn công nghệ, máy móc thiết bị, tư vấn chuyển giao công nghệ*

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	1. chưa ro	8	30.8	32.0
	2. chưa đạt yc	10	38.5	40.0
	3. đạt yêu cầu	6	23.1	24.0
	4. rất tốt	1	3.8	4.0
	Total	25	96.2	100.0
Missing	System	1	3.8	
Total		26	100.0	

Doanh nghiệp đánh giá tính chất cấp thiết của các biện pháp chính sách Nhà nước cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN

(điểm 1: không rõ hoặc không cấp thiết; điểm 2: ít cấp thiết; điểm 3: cấp thiết vừa phải; điểm 4: rất cấp thiết)

Bảng 11

Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các điểm đánh giá

	N		Mean	Std. Deviation
	Valid	Missing		
1. Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do đó	26	0	3.30	.73
2. Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo các HHDN	26	0	2.84	.92
3. Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp	26	0	2.69	.97
4. Miễn, giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội chợ nhằm quảng cáo, xúc tiến thương mại	26	0	3.11	.90
5. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước	26	0	3.11	.95
6. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN	26	0	3.07	.97
7. Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập (thí dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v.)	26	0	2.65	.89

Kết quả đánh giá của các doanh nghiệp được điều tra đối với mỗi biện pháp chính sách thể hiện như sau:

Bảng 11.1

1. Nhà nước công nhận quyền tự do lập các HHDN và tạo dựng các cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do đó

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	ít cap thiết	4	15.4	15.4
	cap thiết vua	10	38.5	38.5
	rat cap thiết	12	46.2	46.2
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 11.2

2. Nhà nước có chính sách trợ giúp đào tạo và tăng cường năng lực hoạt động của ban lãnh đạo các HHDN

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong cap thiết	2	7.7	7.7
	ít cap thiết	7	26.9	26.9
	cap thiết vua	10	38.5	38.5
	rat cap thiết	7	26.9	26.9
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 11.3

3. Miễn, giảm thuế đối với những nguồn thu của các HHDN không phải từ kết quả kinh doanh trực tiếp

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong cap thiết	4	15.4	15.4
	ít cap thiết	5	19.2	19.2
	cap thiết vua	12	46.2	46.2
	rat cap thiết	5	19.2	19.2
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 11.4

4. Miễn, giảm thuế khi các HHDN tổ chức các hội chợ nhằm quảng cáo, xúc tiến thương mại

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	khong cap thiết	2	7.7	7.7
	ít cap thiết	3	11.5	11.5
	cap thiết vua	11	42.3	42.3
	rat cap thiết	10	38.5	38.5
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 11.5

5. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho HHDN quảng bá sản phẩm và xúc tiến thương mại tại các thị trường ngoài nước

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	không cap thiet	3	11.5	11.5
	ít cap thiet	1	3.8	3.8
	cap thiet vua	12	46.2	46.2
	rat cap thiet	10	38.5	38.5
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 11.6

6. Nhà nước tổ chức hoặc trợ giúp chi phí cho các dịch vụ thông tin thị trường ngoài nước cho các HHDN

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	không cap thiet	3	11.5	11.5
	ít cap thiet	2	7.7	7.7
	cap thiet vua	11	42.3	42.3
	rat cap thiet	10	38.5	38.5
	Total	26	100.0	100.0

Bảng 11.7

7. Nhà nước ban hành chính sách bảo trợ cho một số HHDN do các tổ chức xã hội thành lập (thí dụ: CLB nữ doanh nhân, DN cựu chiến binh, v.v.)

		Frequency	Percent	Valid Percent
Valid	không cap thiet	2	7.7	7.7
	ít cap thiet	10	38.5	38.5
	cap thiet vua	9	34.6	34.6
	rat cap thiet	5	19.2	19.2
	Total	26	100.0	100.0

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN LÝ (VIM)

BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NHẪM
NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC
HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Danh sách cán bộ tham gia chính:

- 1. TS Hàn Mạnh Tiến (chủ nhiệm đề tài)*
- 2. Trần Chí Đức (thư ký khoa học)*
- 3. TS Đặng Anh Hào*
- 4. Phạm Quang Lê*

Hà Nội, tháng 5 - 2005

5389 TT

777105

MỤC LỤC

I. Giới thiệu.....	4
A. Bối cảnh, tính cấp thiết và mục tiêu của đề tài nghiên cứu	4
B. Phương pháp nghiên cứu và các mẫu điều tra.....	6
II. Kinh nghiệm quốc tế về tổ chức dân sự và về HHDN nói riêng - Liên hệ với hoàn cảnh Việt Nam	6
1. Vị thế, vai trò của khu vực tổ chức dân sự, tổ chức phi chính phủ	6
2. Những cơ sở pháp lý trong việc hình thành và hoạt động của hội ở các nước có nền kinh tế thị trường.....	7
3. Những quan điểm về tổ chức và hoạt động HHDN của các nước.	9
3.1. Xu hướng chung trên thế giới-	10
3.2. Lợi ích đối với xã hội của HHDN-	11
3.3. Cơ cấu tổ chức HHDN	11
3.4. Thiết lập nền tảng ủng hộ vững vàng từ các hội viên	12
3.5. Các chương trình và hoạt động của các HHDN.....	13
4. Những quan điểm về tổ chức và hoạt động HHDN của Việt Nam.....	13
4.1. Về vị trí, vai trò của HHDN Việt Nam-.....	14
4.2. Về tính chất của HHDN Việt Nam-.....	15
4.3. Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của HHDN.	17
III. Tóm tắt kết quả điều tra về HHDN Việt Nam	19
A- Bối cảnh chung và cuộc điều tra bằng phiếu hỏi đối với các HHDN và các DN thành viên.....	19
B- Những kết luận chính rút ra từ việc phân tích kết quả điều tra	21

1. Về thực trạng của các HHDN qua ý kiến đánh giá của DN và HHDN-.....	21
2. Những khó khăn vướng mắc chủ yếu hiện nay của các HHDN trong nâng cao hiệu quả hoạt động của mình-	21
3. Những kiến nghị về tổ chức và chính sách của Nhà nước đối với HHDN qua kết quả điều tra.....	22
IV. Kết luận và những khuyến nghị.....	23
1. Về thực trạng tổ chức và hoạt động của các HHDN Việt Nam	23
2. Nguyên nhân của những hạn chế trên:.....	24
3. Những khuyến nghị và Phương hướng hoạt động thời gian tới.....	25
Tài liệu tham khảo	27

Báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu đề tài

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

I. GIỚI THIỆU

A. Bối cảnh, tính cấp thiết và mục tiêu của đề tài nghiên cứu

Theo các nhà xã hội học, xã hội được chia thành ba khu vực chính, đan xen nhau là: Nhà nước – Thị trường – và xã hội dân sự, bao gồm các tổ chức do dân lập ra và tự quản lý (thường gọi là các tổ chức phi chính phủ). Các hiệp hội các tổ chức kinh tế- HHĐN, là một hình thức tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc khu vực thứ ba này. Một xã hội lành mạnh, năng động và bền vững là một xã hội phát triển cân đối cả ba khu vực, bảo đảm hài hòa được các lợi ích và tạo ra được các tương tác phù hợp và hiệu quả giữa các khu vực.

Tổng kết kinh nghiệm từ các nước phát triển và đang phát triển trong suốt chiều dài lịch sử, các nhà kinh tế thế giới đã khẳng định và dự báo trong thế kỷ 21, các HHĐN – những người hướng dẫn hoạt động đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp, hướng dẫn, hỗ trợ việc tìm ra các phương kế sinh nhai của người dân – sẽ có vai trò đặc biệt quan trọng cho sự phát triển và trở thành một bộ phận hữu cơ thúc đẩy mối liên kết đan xen về kinh tế, chính trị, xã hội trong nền kinh tế của từng nước, từng khu vực và toàn cầu.

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, do yêu cầu của cuộc sống thực tế và đòi hỏi của các doanh nghiệp trong hoàn cảnh đổi mới từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường, khái niệm "*Hiệp hội doanh nghiệp*" (HHĐN)¹ đã trở nên quen thuộc đối với cộng đồng các nhà doanh nghiệp và toàn xã hội. Hiện nay theo số liệu của Vụ Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ), đã có khoảng hơn 70 hiệp hội có phạm vi hoạt động trên toàn quốc và khoảng 100 hiệp hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương². Các HHĐN đã có nhiều hoạt động sôi nổi, rộng khắp, từ việc hỗ trợ đào tạo, tư vấn, tìm kiếm thị trường, bình chọn các giải thưởng, đứng ra giải quyết các vụ khiếu kiện quốc tế đến các tác động trực tiếp và gián tiếp vào quá trình hoạch định chính sách nhằm cải thiện môi

¹ Hiện nay, có ý kiến cho rằng nên gọi các tổ chức đó là "hiệp hội các tổ chức kinh tế", tuy vậy, chúng tôi xin phép vẫn dùng từ "hiệp hội doanh nghiệp" do từ này đã trở thành quen thuộc và nói lên đầy đủ nội dung mà không cần phải giải thích nhiều, miễn là quan niệm được mở rộng như trong nội dung bài viết.

² Nguyễn Ngọc Lâm- Cơ sở pháp lý của sự ra đời và hoạt động hiệp hội của các tổ chức kinh tế và phương hướng hoàn thiện- (bài viết cho Đề tài- tháng 7-2004)

trường kinh doanh v.v... Có thể nói rằng các HHDN đã bước đầu khẳng định vai trò của mình, trở thành một tác nhân không thể thiếu cho sự phát triển kinh tế của đất nước.

Tuy nhiên cho đến nay ở Việt Nam, chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản về phát triển các HHDN trong bối cảnh của nền kinh tế chuyển đổi của Việt Nam. Sự thành lập và hoạt động của các HHDN thường diễn ra một cách tự phát, còn lúng túng và tùy tiện, thiếu những hướng dẫn chung và những định chế thống nhất. Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ chỉ mới quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, hội, hiệp hội nói chung, mà chưa đề cập gì tới tính đặc thù của hiệp hội các tổ chức kinh tế (HHDN). Do đó, yêu cầu cấp thiết là phải có những nghiên cứu cả về lý luận lẫn tổng kết thực tiễn về các HHDN, làm căn cứ cho việc hình thành khuôn khổ pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN ở Việt Nam.

Theo Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, hội, hiệp hội là *"Tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước"*.

Đề tài khoa học "Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN trong bối cảnh hiện nay" đặt dưới sự quản lý của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) nhằm làm rõ những vấn đề chủ yếu về lý luận và thực tiễn liên quan tới tổ chức và hoạt động của các HHDN Việt Nam, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HHDN phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Sau đây là những mục tiêu cụ thể của Đề tài nghiên cứu:

1. *Xác định bản chất, vai trò, tiêu chí phân loại, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các HHDN.*
2. *Xác định thực trạng tổ chức, cơ cấu chức năng, nhiệm vụ, vai trò, tác dụng, quan hệ với các hội viên; những mặt mạnh, mặt yếu và những thuận lợi, khó khăn trong hoạt động của các HHDN hiện nay.*
3. *Tổng hợp những bài học kinh nghiệm của các HHDN nước ngoài*
4. *Kiến nghị các phương án, mô hình tổ chức hoạt động của HHDN, những kiến nghị với Nhà nước về các điều kiện pháp lý, chính sách, thể chế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và phát triển của các HHDN Việt Nam.*

B. Phương pháp nghiên cứu và các mẫu điều tra

Để tiến hành những nội dung nghiên cứu của Đề tài, chúng tôi đã sử dụng những phương pháp sau:

- 1. Tiến hành những nghiên cứu tại bàn: tổng hợp những kết quả nghiên cứu đã công bố và tài liệu pháp lý đã ban hành có liên quan với quá trình xây dựng và hoạt động của các hội nói chung và HHDN nói riêng của Việt Nam và nước ngoài.*
- 2. Điều tra xã hội học các doanh nghiệp có tham gia hiệp hội và các HHDN thông qua các loại phiếu hỏi ý kiến khác nhau (2 loại phiếu hỏi) nhằm tìm hiểu thực trạng của các HHDN Việt Nam và những kiến nghị về các biện pháp chính sách có thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN Việt Nam.*
- 3. Phỏng vấn và trao đổi trực tiếp với một số các HHDN để tìm hiểu về hoạt động của họ và các vấn đề nảy sinh trong xây dựng và phát triển HHDN.*
- 4. Tiến hành các hội thảo khoa học về vai trò, quá trình xây dựng và phát triển và những biện pháp chính sách nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN*

Đề tài đã được hoàn thành với sự giúp đỡ quý báu của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về kinh phí và sự cộng tác nhiệt tình của các HHDN và các DN đã đóng góp các ý kiến trên các phiếu điều tra và gửi đến cho chúng tôi kịp thời. Ngoài ra chúng tôi cũng xin rất cảm ơn những cộng tác viên nhiệt thành là các tác giả: TS Nguyễn Ngọc Lâm, Vụ trưởng Tổ chức phi chính phủ (Bộ Nội vụ); Vũ Duy Thái (Phó CT HH Công thương Hà Nội); Lê Văn Đạo (TTK HH Dệt May Việt Nam); Nguyễn Kim Phong (Chủ tịch HH Chè Việt Nam); PGS, TS Nguyễn Hữu Dũng (TTK VASEP) đã có những báo cáo khoa học có giá trị cao đóng góp cho Đề tài.

II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ TỔ CHỨC DÂN SỰ VÀ VỀ HHDN NÓI RIÊNG - LIÊN HỆ VỚI HOÀN CẢNH VIỆT NAM

1. Vị thế, vai trò của khu vực tổ chức dân sự, tổ chức phi chính phủ

Tổ chức dân sự (civil society) là các tổ chức tình nguyện, phi lợi nhuận; các hội/ hiệp hội là những tổ chức thuộc loại này. Theo Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2003, Chính phủ Việt Nam quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội cũng đã quy định hội, hiệp hội là "Tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ

quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước".

Vai trò của các NGO và NPO đang được chính quyền các nước nhìn nhận và đánh giá ngày càng cao trong việc xã hội hoá các hoạt động của Nhà nước. Nhìn từ góc độ xã hội, sự tương quan giữa 3 khu vực thể hiện trên các đặc điểm sau:

- *Phát huy tính ưu việt của từng khu vực trên cơ sở tôn trọng tính độc lập của chúng;*
- *Có sự giao thoa thông qua sự hỗ trợ và phân công giữa 3 khu vực;*
- *Nhà nước giữ vai trò trụ cột, hài hoà lợi ích và tạo sự phát triển cân bằng giữa 3 khu vực.*

Một xã hội phát triển cân bằng giữa 3 khu vực Nhà nước- Thị trường – Tổ chức dân sự sẽ luôn đứng vững trên một thế chân vạc. Bằng những cách đi riêng, mỗi khu vực vừa có tính độc lập, vừa có sự phối hợp bình đẳng, hỗ trợ nhau cùng phát triển và đều lấy mục tiêu chung vì sự phát triển của con người và xã hội.

Khu vực Tổ chức dân sự – khu vực thứ ba, khu vực của các NGO, NPO và các phong trào xã hội đã và đang trong thời kỳ hoạt động sôi nổi và rộng khắp trên toàn thế giới. Các NGO và NPO là những hạt nhân của khu vực tổ chức dân sự, họ chính là người thực hiện các chương trình, dự án trong mọi lĩnh vực phát triển xã hội. Chính phủ của hầu hết các nước trên thế giới hiện đại đã phối hợp, hỗ trợ cùng với các tổ chức dân sự, các NGO, NPO trong nước và quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của các tổ chức này trong các chương trình phát triển của Nhà nước. Trên thực tế, trong nhiều quốc gia, Nhà nước đã bước đầu chuyển giao ngay cả một số chức năng của quản lý nhà nước cho các tổ chức dân sự (sự hình thành các nhà tù tư nhân, sự giao phó cho các tổ chức dân sự trong giải quyết nhiều vấn đề xã hội, ... là những biểu hiện của xu thế này). Ứng xử cơ bản ở đây của Nhà nước là tuân thủ nguyên tắc: *Khi có một tổ chức cộng đồng làm tốt và phát huy được ưu thế hơn hẳn so với cơ quan chuyên môn tương ứng của Nhà nước thì một Chính phủ mạnh, dám cải cách, sẽ chuyển giao hoạt động đó cho tổ chức dân sự.*

2. Những cơ sở pháp lý trong việc hình thành và hoạt động của hội ở các nước có nền kinh tế thị trường

Vấn đề này được khảo sát trên cơ sở tham khảo các tài liệu nước ngoài đã công bố, tài liệu có được qua các hội thảo “Trao đổi kinh nghiệm quản lý tổ chức phi chính phủ” do Ban Tổ chức- Cán bộ Chính phủ tổ chức (27-28/10/1999), Toạ đàm ngày 26/12/2003 “Trao đổi kinh nghiệm tổ chức và hoạt động của các tổ chức hội nước ngoài” do LHH tổ chức.

Qua nhận dạng những đặc điểm chủ yếu, có thể thấy rằng các tổ chức phi chính phủ được thành lập từ sự tự nguyện của người dân, không thông qua hệ thống quyền lực; hoạt động của chúng có khi mang tính “cạnh tranh” với các tổ chức Nhà nước, thậm chí có thể phản biện, chỉ trích các chính sách của Chính phủ. Tuy thế, hầu hết các nước trên thế giới không những công nhận sự tồn tại của chúng mà còn mong muốn phát triển nhiều tổ chức NGO vững mạnh, bảo đảm sự tồn tại và phát triển đó bằng luật pháp; nhiều chính phủ còn dành một phần kinh phí cũng như miễn thuế cho các NGO nữa. Các lý do chủ yếu theo tác giả Phạm Quang Lê (xem /1/³) là:

1. *Tự do lập hội là một quyền mà Hiến pháp các quốc gia và Công ước quốc tế đã ghi nhận và bảo hộ.* Hiệp ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị năm 1966 bắt buộc các quốc gia tham gia (gồm 135 nước) phải đảm bảo các quyền tự do hiệp hội và hội họp hoà bình.
2. *Sự phát triển đa dạng các tổ chức là rất cần thiết để phục vụ những lợi ích và nhu cầu khác nhau của các thành viên xã hội.* Việc đó không đơn thuần chỉ là sự cam kết về dân chủ mà còn có những lý do kinh tế – xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của xã hội. *Lợi ích là đa dạng, do đó tổ chức phải đa nguyên và rộng rãi, khai thác mọi tiềm năng xã hội.* Trong một xã hội, không chỉ cần có tổ chức chính trị (Đảng và các tổ chức chính trị), mà còn cần hệ thống tổ chức kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật để tiến hành các loại hoạt động khác nhau ngoài cơ cấu quyền lực.
3. *Các tổ chức dân sự là một đảm bảo cho sự ổn định xã hội, là “van an toàn” cho sự ổn định xã hội thay cho sự cấm đoán các hoạt động công khai.*
4. *Chính phủ cần phải tạo ra đối tác có hiệu quả đối với hoạt động của mình, có thể coi các NGO là đối trọng- phần bổ sung (counterpart)- cho chính phủ.* Đó là sự cạnh tranh lành mạnh trong việc thoả mãn nhu cầu các tầng lớp nhân dân, từ các dịch vụ công cho tới những nhu cầu cao hơn về thông tin, kiến thức với chất lượng cao và giá thành hạ.

Trên thực tế, có chính phủ không thích thú với tác động của NGO khi họ chỉ trích chính sách và “đi trước” chính phủ và từ đó tìm cách hạn chế hoạt động của NGO. Tuy nhiên, nhìn chung, các chính phủ trong một xã hội dân chủ tự do đều đánh giá cao vai trò của NGO do thấy được lợi ích thiết thực, bù đắp cho những khiếm khuyết, bất cập của chính phủ. Trong nhiều nước, tỷ lệ nguồn vốn ODA đang dồn cho các NGO hơn là cho chính phủ; NGO đang là đối tác quan trọng của WB và nhiều tổ chức quốc tế khác.

³ /1/. Phạm Quang Lê- Khuyến khích phát triển và tạo môi trường hoạt động cho các tổ chức phi chính phủ- (Bài viết cho Đề tài).

Sự phát triển các tổ chức NGO đánh dấu bước phát triển mới của kinh tế thị trường theo hướng quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề xã hội, trong đó có sự tồn tại những giá trị hợp tác truyền thống bền vững với mạng lưới xã hội, lòng tin và một cam kết về một xã hội tốt đẹp hơn.

- Với những lý do cơ bản nêu trên cho sự tồn tại, phát triển của các tổ chức dân sự, các nước đã hình thành những khung pháp lý cơ bản về các tổ chức dân sự. Trong /2/ ⁴ với tài liệu tham khảo của WB: “Dự luật khung về các quỹ sáng lập (Foundation) và Hội”, và tài liệu /3/ ⁵ về những gì mà quốc tế cho là “những thực hành tốt về các luật liên quan tới các tổ chức phi chính phủ” ta có thể hình dung được những nét cơ bản về khung pháp lý và những quan điểm chung của thế giới về các hội.

Những quy định trong Dự luật khung (/2/) cũng như những khuyến nghị trong /3/ cho thấy nguyên tắc chủ đạo trong luật NGO là cho phép, khuyến khích và bảo vệ quyền tự do hoạt động của các tổ chức trước pháp luật, nhưng đồng thời cũng cho phép công chúng chống lại những hành động lạm dụng và sai trái bằng cách yêu cầu các NGO phải minh bạch, dám chịu trách nhiệm và tự quản, đặc biệt trong vấn đề sử dụng quỹ công hoặc quỹ do công chúng quyên góp.

Có thể thấy rằng những quy định trong dự luật khung nói trên có tính cụ thể rõ ràng trong thực thi hơn nhiều so với những quy định trong văn bản mới ban hành gần đây của Chính phủ Việt Nam là Nghị định của Chính phủ ngày 30 tháng 7 năm 2003 số 88/2003/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Thông tư số 01/2004/TT-BNV của Bộ Nội Vụ ngày 15 tháng 01 năm 2004 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 88/2003/NĐ-CP. Điểm khác biệt cơ bản mang tính nguyên tắc ở đây là *các hội ở nước ta phải xin và phải được Nhà nước cho phép hoạt động, còn quy định theo khuyến nghị của WB thì lập hội là quyền cơ bản của công dân và Nhà nước phải có trách nhiệm đăng ký và tạo điều kiện cho hội được tự do hoạt động.*

3. Những quan điểm về tổ chức và hoạt động HHDN của các nước.

Hiệp hội các tổ chức kinh tế, hay còn gọi tắt là các HHDN, là một bộ phận trong các tổ chức dân sự, là thuộc “khu vực thứ ba”. Tại Việt Nam, chúng cũng được điều chỉnh về thành lập và hoạt động theo các điều khoản của Nghị định 88/2003/NĐ-CP nói trên.

⁴ /2/. Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ- Tài liệu Hội thảo “Trao đổi kinh nghiệm quản lý tổ chức phi chính phủ”- Hà Nội, tháng 10/1999

⁵ /3/. TT Quốc tế về Luật Phi lợi nhuận- Sổ tay những sự thực hành tốt về các luật liên quan tới các tổ chức phi chính phủ (Tài liệu tham khảo nội bộ); Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội, tháng 5/2001

Điểm đặc biệt là tuy các HHDN là tổ chức phi chính phủ (NGO) và phi lợi nhuận (NPO), nhưng lại có quan hệ rất gần gũi với các DN nói chung (là tất cả các hình thức tổ chức phục vụ cho mục đích kinh tế và kinh doanh như các Tập đoàn, Công ty, Xí nghiệp hoặc các tổ chức thương mại khác; là các tổ chức thuộc khu vực Thị trường – “khu vực thứ hai”). Các HHDN có vai trò rất quan trọng trong hỗ trợ các hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, tăng cường hiệu quả hoạt động của các DN.

Trong một nền kinh tế thị trường, các hiệp hội kinh doanh và các phòng thương mại đang nắm vai trò then chốt, quyết định sự phát triển các DN, nghĩa là quyết định những phương kế sinh nhai của dân chúng và góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước. *“Những tổ chức này đã và đang trở thành một bộ phận hữu cơ thúc đẩy mối liên kết đan xen về kinh tế, chính trị, xã hội trong nền kinh tế toàn cầu. Hoạt động của những tổ chức này đang mở ra cho người dân bình thường những cơ hội mang tính đột phá và cả quyền tự quyết định điều gì có lợi nhất đối với họ, cũng như vai trò họ nắm giữ trong xã hội”*. Đây là nhận định nêu ra trong tập sách nhỏ “Hiệp hội Doanh nghiệp trước thềm thế kỷ 21 – Kế hoạch chi tiết cho tương lai”⁶ với các tài liệu thu thập theo chỉ đạo của Trung tâm Doanh nghiệp Tư nhân Quốc tế (CIPE). Tập thể tác giả của cuốn sách trên bao gồm những giám đốc điều hành HHDN nổi tiếng, những người đã tổng kết kinh nghiệm quản lý HHDN quốc tế và HHDN Mỹ: Larry Milner, Gary A. LaBranch, Edward Mc Milan và Joe Baker Jr.

Sau đây là một số nội dung chính rút ra từ tài liệu trên, chúng cho ta hình dung những nét cơ bản về xu thế phát triển của HHDN trong thế kỷ 21, vai trò, chức năng nhiệm vụ, những mô hình tổ chức cơ bản và các chuẩn mực để một HHDN có thể hoạt động có hiệu quả.

3.1. Xu hướng chung trên thế giới-

Xu hướng chung là các nước đều chuyển đổi từ nền kinh tế chỉ huy tập trung sang kinh tế phục vụ yêu cầu của thị trường. Từ đó, yêu cầu hàng đầu của các quốc gia là phải thiết lập hoặc sửa đổi cơ sở hạ tầng xã hội. Các thể chế thương mại như HHDN, phòng thương mại (PTM) đang chuyển hướng mạnh mẽ từ thực thể nhà nước thành các tổ chức tư nhân tư nguyên (Liên hiệp PTM và công nghiệp LB Nga, HH PTM, Công nghiệp, Mỏ và Nông nghiệp Nigeria, ...). Những HHDN trong nền kinh tế thị trường thường đóng vai trò quan trọng không những trong hướng dẫn hoạt động đầu tư và kinh doanh của các DN mà còn trong quyết định chính sách công có tác động đến quyền lợi của khu vực kinh tế tư nhân.

⁶ “Hiệp hội Doanh nghiệp trước thềm thế kỷ 21 – Kế hoạch chi tiết cho tương lai”- Bản dịch được sự tài trợ của Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân (MPDF) trong khuôn khổ Dự án Xây dựng Năng lực HHDN Việt Nam (BASI), CIPE xuất bản vào quý 3, năm 2003.

3.2. Lợi ích đối với xã hội của HHDN-

Lợi ích này xuất phát từ quan điểm: xã hội được hưởng lợi từ sự phát triển đúng hướng của các DN: tạo việc làm, nâng cao đời sống xã hội, tăng thu nhập của Nhà nước qua thuế.

Các nhóm kinh doanh tự nguyện, các nhà chuyên môn, các nhóm phát triển cộng đồng có thể kết hợp sức mạnh tổng hợp của họ bằng cách hợp tác với nhau giải quyết những vấn đề chung. Khi cộng tác với CP, các HH tư nhân đã xây dựng những chương trình, khuyến nghị những chính sách của nhà nước mở mang cơ sở kinh tế. Các HHDN và các tổ chức chuyên ngành đã sẻ chia gánh nặng trong phát triển kinh tế, tiêu chuẩn an toàn, tăng cường sản xuất, thúc đẩy giáo dục, thông tin chung, đạo đức nghề nghiệp, dịch vụ cộng đồng, thông tin về người tiêu dùng, v.v.. HH trong nền kinh tế thị trường thích hợp cho việc ra quyết định ở cấp quốc gia, khu vực và địa phương. Cách thức cơ bản nhất là HH dựa trên tinh thần của các thành viên muốn nâng cao lợi ích của mình trong khi chiếm lĩnh thị trường toàn cầu, để xuất cải cách luật công nhằm thúc đẩy cạnh tranh và thị trường mở.

3.3. Cơ cấu tổ chức HHDN

“Trật tự hợp lý là nền tảng của mọi điều tốt đẹp” – Edmund Burke

(a) Các hội viên là chủ nhân và cũng là khách hàng của HH

“Hội viên là một thành viên tự nguyện đầu tư để đổi lấy một giá trị được công nhận từ hiệp hội”

Các loại hội viên bao gồm:

- (i) hội viên hoạt động, có quyền bỏ phiếu (*active member*)
- (ii) hội viên liên kết – *associate member* (bao gồm những cá nhân, công ty quan tâm tới HH nhưng không đủ điều kiện trở thành hội viên bỏ phiếu)
- (iii) hội viên cộng tác (các cá nhân, công ty trong cùng một ngành nhưng không đủ điều kiện để trở thành hội viên có quyền bỏ phiếu)
- (iv) hội viên sinh viên (*student member*)
- (v) hội viên danh dự và hội viên suốt đời

Hiệp hội có cấu trúc ngang: khi chỉ có một bộ phận trong một ngành là thành viên chủ yếu của HH và tất cả các hội viên có quyền bỏ phiếu đều thuộc cùng một khâu trong hoạt động kinh tế (khâu sản xuất hoặc khâu tiêu thụ ...)

Hiệp hội có cấu trúc dọc: các hội viên thường xuyên hoặc các hội viên có quyền bỏ phiếu đến từ nhiều khâu khác nhau trong một ngành cụ thể, chẳng hạn: khâu sản xuất, khâu bán sỉ, khâu bán lẻ, ...

Liên hiệp: nếu thành viên của HH cũng là HH

(b) Các văn bản pháp lý điều chỉnh HH

Hai loại văn bản pháp lý cơ bản là:

- (i) Hiến chương: thường do CP trung ương hoặc địa phương ban hành, trong đó quy định về công bố tên tổ chức, vạch ra mục tiêu cơ bản của tổ chức, công bố tên các thành viên sáng lập
- (ii) Điều lệ HH (by-law): đề ra các quy định điều hành HH

3.4. Thiết lập nền tảng ủng hộ vững vàng từ các hội viên

Nhà văn Pháp Alexis de Tocqueville khi đi thăm nước Mỹ vào thế kỷ 19 đã viết: “Người Mỹ, dù ở bất cứ độ tuổi nào, trong hoàn cảnh sống nào và tính cách nào cũng liên tục thành lập ra các hiệp hội. Không chỉ có các hiệp hội thương mại và công nghiệp mà ai cũng có thể tham gia mà còn các hiệp hội thuộc hàng ngàn loại khác- dựa vào tín ngưỡng, đạo đức, nghiêm túc, không nghiêm túc, rất chung hay rất hạn chế, cực lớn và siêu nhỏ.” Ông đã nhìn thấy những phương thức đạt được mục tiêu thông qua HH mà các cá nhân riêng lẻ không tài nào đạt được; HH là nấc thang quan trọng để tiến tới dân chủ.

Một số động cơ khiến hội viên đầu tư vào HH (Mọi người coi cái gì là giá trị từ tổ chức HH?). HH đã kích thích các hội viên tham gia thông qua các lợi ích gì?

- Sự công nhận nghề nghiệp và cá nhân
- Được lợi về tiền bạc nhờ quan hệ với khách hàng mới, bạn đồng minh mới
- Tham vọng cá nhân đạt được các mục tiêu riêng
- Cơ hội liên kết với các hội viên kinh doanh khác
- Các chương trình giáo dục
- Nâng cao hình ảnh bản thân và hình ảnh DN mình
- Tham gia vào cộng đồng ngành
- Có được các nguồn thông tin quý giá
- Phát triển chuyên môn và phát triển cá nhân
- Quan hệ với chính giới và có được thông tin về chính trị

- *Tham gia với CP phục vụ cho lợi ích của DN*
- *Các dự án phát triển cộng đồng/ ngành*
- *Các ấn phẩm*
- *Dịch vụ và các lợi ích như bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm sức khoẻ*
- *Thông tin công nghệ mới nhất*
- *Chức năng xã hội*
- *Đoàn kết*
- *Tiết kiệm chi phí do tăng quy mô*
- *Cảm giác thuộc về một nhóm*
- *Cơ hội tạo ảnh hưởng đối với chính sách của CP*

3.5. Các chương trình và hoạt động của các HHDN

Những chương trình này thực chất là những hoạt động để lôi kéo các thành viên tích cực tham gia trong HHDN, đáp ứng các nhu cầu của hội viên và tạo động cơ thúc đẩy tham gia HHDN. Chúng khá phong phú và đa dạng, bao gồm:

- (a) Các hoạt động giáo dục
- (b) Chương trình quan hệ người sử dụng lao động – người lao động
- (c) Chương trình quan hệ CP
- (d) Các chương trình xuất bản
- (e) Quảng bá và quan hệ công chúng
- (f) Các hoạt động nghiên cứu
- (g) Tiêu chuẩn hoá và công nhận
- (h) Hoạt động thống kê
- (i) Các chương trình bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng
- (j) Các chương trình sinh thái và tiêu dùng

4. Những quan điểm về tổ chức và hoạt động HHDN của Việt Nam

Tại Việt Nam, cùng với việc chuyển sang nền kinh tế “thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, số lượng các HHDN đã tăng lên nhanh chóng. Đảng và Nhà nước ta cũng rất chú ý và tạo điều kiện cho sự ra đời và hoạt động của chúng.

4.1. Về vị trí, vai trò của HHDN Việt Nam-

Hiện nay, từ các cơ quan Đảng, Nhà nước cho tới các DN thuộc mọi thành phần kinh tế, đều có cái nhìn tương đối thống nhất về vai trò, vị trí của HHDN trong phát triển kinh tế xã hội của nước ta: *sự phát triển của các HHDN thể hiện quy luật tất yếu khách quan của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam.*

Tuy nhiên, khác với sự rõ ràng, nhất quán trong quan niệm về vai trò, chức năng của HHDN tại các nước kinh tế thị trường phát triển, tại Việt Nam, vấn đề cần được làm rõ thêm và vẫn còn đang có nhiều tranh luận là: *HHDN đứng ở vị trí nào trong hệ thống các tổ chức xã hội; trên cơ sở đó xác định đúng mối quan hệ chức năng giữa HHDN với tổ chức Nhà nước và các đơn vị thành viên.*

Từ nhiều năm qua, chúng ta chỉ biết đến *hệ thống chính trị* bao gồm tổ chức Đảng (lãnh đạo, cầm quyền), các tổ chức Nhà nước (quản lý vĩ mô) và các tổ chức nhân dân (thường chỉ tính đến các đoàn thể quần chúng). Điều đáng chú ý là các tổ chức nhân dân ở đó chỉ gồm các đoàn thể quần chúng mang tính chất chính trị – xã hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội LH Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu Chiến binh, v.v.). Mặt khác, lại phân chia ra ba khu vực sở hữu: *Nhà nước, Tập thể và Tư nhân.* Ở đó, *chưa có chỗ đứng cho các tổ chức do dân lập ra và tư quản.*

Theo tác giả Phạm Quang Lê, chuyên viên tư vấn thuộc Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ (xem ⁷ và ⁸), trong một xã hội có nền kinh tế thị trường, vai trò của Nhà nước đã có sự thay đổi, không tự mình bao biện mọi hoạt động trong xã hội mà phải tự phát huy mọi tiềm năng phong phú và sáng tạo của dân với nhiều loại hình tổ chức.

HHDN là một loại hình tổ chức trong khu vực thứ ba với tư cách là tổ chức dân sự, tổ chức phi chính phủ; cần phân biệt rạch ròi với các tổ chức khác trong hai khu vực còn lại. Đó là tổ chức *liên minh các tổ chức kinh tế* cùng ngành kinh tế - kỹ thuật (ngành hàng), với mục tiêu cụ thể là bảo vệ quyền lợi hợp pháp, điều hoà lợi ích, yểm trợ nhau để nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường, thúc đẩy gia tăng lợi nhuận của mọi đơn vị thành viên.

Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của HHDN là: *tự quản* (độc lập với công quyền), *tự nguyện* (tham gia hoặc không), *tự trang trải* (không phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước) và *phi lợi nhuận* (không có mục đích vụ lợi); góp phần phát triển kinh tế - xã hội qua hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên.

⁷ Phạm Quang Lê- Mấy vấn đề cần làm rõ thêm về hiệp hội doanh nghiệp- (bài viết cho Đề tài). Tháng 7-2004.

⁸ Phạm Quang Lê- Nhận thức rõ thêm về Tính chất, vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của các HHDN- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới”- Hà Nội, tháng 6-2004

Quan hệ giữa HHDN với các cơ quan quản lý Nhà nước (cụ thể là Bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực) là ***quan hệ đối tác***, hoàn toàn không phải là quan hệ “chủ quản” hoặc là quan hệ quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp. Sự quản lý Nhà nước ở đây là quản lý về dân sự do Bộ Nội vụ thực hiện. Tuy nhiên, các Bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực lại có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các HHDN và ***hỗ trợ tài chính*** tùy theo sự đóng góp thiết thực cho sự phát triển ngành (không phải là cấp kinh phí thường xuyên như đối với bộ máy hành chính).

Quan hệ giữa HHDN với các doanh nghiệp thành viên là ***quan hệ liên minh*** (liên kết mềm theo chiều ngang) trên tinh thần bình đẳng; không phải là sự liên kết cứng trong kinh doanh có sự góp vốn chung, điều hành chung (như Tổng công ty, Tập đoàn, Công ty mẹ - con...)

Qua điều tra của Viện VIM (xem mục III của báo cáo này), hiện vẫn có tới 31% HHDN cho rằng “HHDN do Nhà nước thành lập và chịu sự quản lý ngành”. Lại có 13,8% HHDN tự cho là “tổ chức liên kết kinh doanh, điều hành chung hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, có góp chung vốn và phân chia lợi nhuận”. Đó là những nhận thức không đúng về vị trí của HHDN. Trên thực tế, ta còn thấy những trường hợp Bộ hoặc Sở đứng ra thành lập HHDN, bố trí cán bộ lãnh đạo HHDN (thường là thủ trưởng, giám đốc Sở), xét duyệt điều lệ và can thiệp cụ thể vào hoạt động của HHDN. Cũng cần nói thêm rằng ***bản thân một số HHDN cũng muốn như vậy để được “bao cấp” hoặc để “dễ làm việc”; tự đặt mình vào vị trí tổ chức phụ thuộc thay vì phải là đối tác.***

4.2. Về tính chất của HHDN Việt Nam-

Hiện tại vẫn còn khá nhiều lẫn lộn trong quan niệm về các loại hình tổ chức dân sự tại Việt Nam cũng như quan niệm về tính chất của HHDN; nhiều người còn quy tất cả mọi tổ chức hội đều mang tính chính trị xã hội. Tính chất chủ yếu của HHDN còn có thể bị hiểu lầm nếu nhìn vào thực tế các loại hình tổ chức này ở Việt Nam. Trong hội thảo gần đây (cuối tháng 6/2004) do Bộ Nội vụ và Phòng TM và CN Việt Nam (VCCI) tổ chức, đã có ý kiến cho rằng cần có 6 loại hình HHDN. Đó là HHDN *theo ngành hàng*, HHDN *theo khu vực địa lý* (ví dụ Hiệp hội Công thương Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh), HHDN *theo quy mô doanh nghiệp* (ví dụ HH các DN nhỏ và vừa, HH các DN nhỏ và vừa các ngành nghề ở nông thôn), HHDN *theo giới tính* (CLB doanh nghiệp nữ), HHDN *theo lứa tuổi* (Hội doanh nghiệp trẻ) và HH *theo kiểu Câu lạc bộ (CLB) doanh nhân* (CLB giám đốc, CLB doanh nhân có vốn nước ngoài). Chúng tôi cho rằng quan niệm như vậy về HHDN là chưa đúng, và có sự lẫn lộn chúng với các hình thức tổ chức câu lạc bộ với tính chất khác hẳn chức năng của HHDN.

Theo cách phân loại hiện hành về các Hội, hiện có 24 tổ chức được coi là “tổ chức chính trị - xã hội” (bao gồm 6 đoàn thể quần chúng; còn lại là các “tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp”... Nhiều ý kiến cho rằng sở dĩ có xu hướng muốn được công nhận là tổ chức chính trị - xã hội là ở chỗ được cấp kinh phí thường

xuân từ ngân sách. Thực ra, còn có lý do ở quan niệm không đúng về chức năng (qua điều tra của VIM- xem mục III của báo cáo này, có 13,8% HHDN cho rằng HHDN “là tổ chức quần chúng có chức năng tập hợp, giáo dục, vận động thực hiện chính sách” và do đó phải “mang tính chất chính trị - xã hội”).

HHDN thực chất là tổ chức nghề nghiệp, bởi đó là sự liên minh giữa những người cùng nghề nghiệp (ngành kinh doanh) để phát triển ngành nghề, phối hợp hành động vì nghề nghiệp. Ngay cả khi HHDN có thiện chí tham gia công tác xã hội (như từ thiện, nhân đạo...) cũng không coi là có tính chất xã hội. Không có gì phải mặc cảm rằng như vậy là “vô chính trị” hoặc tách rời chính sách xã hội. Có xác định rành mạch tính chất của HHDN thì mới tập trung vào mục tiêu chính, chức năng chính để có phương thức hoạt động đúng.

Trên cơ sở những lập luận trên, tác giả Phạm Quang Lê đã kiến nghị nên thống nhất quan niệm về tính chất và chức năng nhiệm vụ của HHDN Việt Nam như sau đây và chúng tôi cho rằng đây là những ý kiến rất đáng cân nhắc:⁹

1. HHDN là một loại hình *tổ chức dân sự* (phi chính phủ) mang *tính chất nghề nghiệp* (nghĩa là có mục đích phục vụ cho phát triển nghề nghiệp). Tính chất nghề nghiệp thể hiện ở chỗ bản thân HHDN *không phải là một tổ chức kinh doanh*, không trực tiếp kinh doanh với sự góp vốn và điều hành chung như các DN; không can thiệp vào hoạt động kinh doanh riêng của từng đơn vị thành viên. Đó là tổ chức *phi lợi nhuận*, chỉ gián tiếp tác động hỗ trợ các thành viên nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2. HHDN là tổ chức *tự nguyện*, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, có tư cách pháp nhân, *độc lập với khu vực Nhà nước* và không phải chịu sự quản lý của cơ quan chủ quản theo ngành như các DN Nhà nước. HHDN là một *đối tác của chính quyền* làm nhiệm vụ cầu nối giữa DN với Nhà nước. Nhà nước có thể khuyến khích và hỗ trợ phát triển các ngành trọng yếu không phải bằng “bao cấp” mà là ưu tiên giao cho các dự án phát triển.

Từ tính chất này, việc thành lập HHDN phải do một số sáng lập viên vận động và đăng ký hoạt động với cơ quan nội vụ chứ không phải do Bộ, Sở quản lý ngành đứng ra thành lập hoặc cho phép cũng như phê duyệt điều lệ (đúng như Điều 14 và 15 của ND 88 của CP về Hội) Nói cách khác, HHDN chịu sự điều chỉnh của Luật Dân sự thay vì Luật Doanh nghiệp. Điều này cần được nhấn mạnh bởi lẽ lâu nay đã có nhiều trường hợp các Bộ, Sở quản lý ngành vẫn hành xử như là cơ quan chủ quản của các HHDN, thậm chí có cả Thứ trưởng, giám đốc Sở đứng ra làm chủ tịch HDD.

⁹ Phạm Quang Lê- Nhận thức rõ thêm về Tính chất, vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của các HHDN- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới” do VCCI và Bộ Nội vụ tổ chức- Hà Nội, tháng 6-2004

3. Từ vai trò và tính chất nói trên, HHDN có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tổ chức điều tra thị trường (trong nước và thế giới), phân tích và dự báo để khuyến cáo cho các đơn vị thành viên.
- Trao đổi thông tin về công nghệ mới, thể chế mới và phương thức quản lý kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Phối hợp hành động trong việc đối phó với các tác nhân bất lợi cho hoạt động kinh doanh của ngành, chống lại các hành vi độc quyền và cạnh tranh không lành mạnh của các đối thủ. Khi cần, đại diện các đơn vị thành viên để khởi kiện tranh tụng nhằm bảo vệ lợi ích của các đơn vị trong HHDN.
- Làm cầu nối giữa các doanh nghiệp thành viên với các cơ quan quản lý Nhà nước để phản ánh các trở ngại về thể chế và hành vi của bộ máy công quyền; khuyến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các luật, chính sách liên quan đến ngành.
- Điều hoà lợi ích trong nội bộ HHDN, tổ chức hoà giải các lợi ích bất đồng nếu chưa đến mức phải đưa ra xử lý theo pháp luật.
- Tìm và thu hút các nguồn lực tài chính cho HHDN. Sử dụng quỹ kinh phí của HH một cách hợp lý, công khai, minh bạch, có sự kiểm soát; không phân chia thu nhập cho cá nhân.
- Phối hợp tổ chức những hoạt động chung nhằm xúc tiến thương mại (như Hội chợ, triển lãm, quảng cáo, khuyến mãi...), đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực, tư vấn...
- Gia nhập các tổ chức Hiệp hội ngành ở khu vực hoặc quốc tế; tham gia các hoạt động chung.
- Ngoài ra, có thể phối hợp một số hoạt động đóng góp cho xã hội (như xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội cho địa phương, trợ giúp người nghèo khó, tạo việc làm, khuyến học, phát triển văn hoá...).

4.3. Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của HHDN.

Mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của HHDN phải phù hợp với vị trí và tính chất của tổ chức này. Tuy nhiên, do nhận thức về vị trí và tính chất của HHDN ở Việt Nam còn chưa nhất quán do đó còn khá nhiều bất cập về mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của tổ chức này và mỗi HH tùy theo cách nhìn của mình và tùy theo những đặc thù riêng của ngành hàng mà có những phương án khác nhau. Sau đây là những điểm chính về nguyên tắc và phương thức hoạt động đã được sự đồng thuận của nhiều HHDN:¹⁰

¹⁰ Phạm Quang Lê- Nhận thức rõ thêm về Tính chất, vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của các HHDN- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới” do VCCI và Bộ Nội vụ tổ chức- Hà Nội, tháng 6-2004

1. HHDN không hoạt động như một cơ quan quản lý kinh doanh, không can thiệp vào các hoạt động tự chủ của các đơn vị thành viên. Bản thân HH cũng không tổ chức kinh doanh tìm kiếm lợi nhuận, mà chỉ có thể tổ chức một số dịch vụ phục vụ nội bộ HH.
2. Mọi chủ trương của HHDN đều thông qua thương lượng dân chủ, bình đẳng giữa các thành viên, phục vụ quyền lợi chung của HH, có sự nhất trí cao.
3. Các hoạt động chung được huy động từ các đơn vị thành viên với sự phân công hợp lý có sự điều phối của cơ quan điều hành HH. Bộ máy giúp việc cơ quan điều hành HH nên gọn nhẹ, chủ yếu là thuê theo hợp đồng (bao gồm chuyên gia, nhân viên)
4. Tài chính (thu, chi, kinh phí hoạt động) phải công khai, minh bạch. Phần kinh phí kết dư không được phân chia cho cá nhân, phải để lại quỹ để chi đúng mục đích. Kinh phí đóng góp của các thành viên được quy định trong điều lệ; các thành viên cũng có thể tự nguyện đóng góp thêm. Khi hợp nhất, chia tách hoặc giải thể, chấm dứt hoạt động cần phải kiểm kê đánh giá tài sản và thống nhất cách xử lý.
5. Việc gia nhập hoặc rút ra khỏi HH là hoàn toàn tự nguyện. Khi tham gia, mỗi đơn vị thành viên được đảm bảo quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh; được bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ; không hoạt động riêng rẽ trái với thoả thuận chung gây phương hại cho các thành viên khác. Các biện pháp cạnh tranh với đối tác bên ngoài cần được HH tổ chức và phối hợp.
6. Đại diện đơn vị thành viên là giám đốc hoặc người được uỷ quyền. Cơ cấu thành viên HH do điều lệ HH quy định.
7. Cơ quan quyền lực cao nhất của HHDN là Đại hội toàn thể đại diện các đơn vị thành viên. Đại hội lần đầu do các thành viên sáng lập (Ban vận động thành lập HH) triệu tập và chủ trì. Đại hội bàn và quyết định Điều lệ, các cơ chế chương trình hoạt động từng nhiệm kỳ và các chủ trương lớn có ảnh hưởng sâu rộng.
8. Ban điều hành HHDN là cơ quan điều phối các hoạt động thường xuyên, chấp hành nghị quyết của đại hội. Tùy theo quy mô HH, có thể có chủ tịch, phó chủ tịch, tổng thư ký, ... hoặc gọn hơn bao gồm chỉ chủ tịch và một uỷ viên điều hành. Thành viên Ban điều hành nói chung do các giám đốc đơn vị thành viên kiêm nhiệm. Nói chung mô hình tổ chức cơ quan điều hành là đa dạng, gọn nhẹ, với số biên chế tối thiểu.

9. Tuỳ theo quy mô HH, có thể có Ban kiểm soát tài chính do đại hội bầu ra hoặc chỉ cần một uỷ viên kiểm soát. Khi cần thiết có thể thuê cơ quan kiểm toán bên ngoài.

10. Các nguồn thu của HHDN có thể bao gồm:

- Đóng góp của các thành viên (do điều lệ quy định) có thể tuỳ theo thực lực của mỗi thành viên.
- Tài trợ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, trong và ngoài HHDN
- Hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước thông qua nhiều hình thức khác nhau: trợ cấp do nhu cầu và nhiệm vụ giao phó cho HH, v.v.
- Các nguồn thu hợp pháp khác: lãi suất tiết kiệm, các dịch vụ gây quỹ của HH, ...

III. TÓM TẮT KẾT QUẢ ĐIỀU TRA VỀ HHDN VIỆT NAM

A- Bối cảnh chung và cuộc điều tra bằng phiếu hỏi đối với các HHDN và các DN thành viên

Cuộc điều tra của Đề tài được tiến hành trên cơ sở được thừa kế những kết quả nghiên cứu khá quy mô đã được công bố vào tháng 8 năm 2002 (/8/) của Chương trình Phát triển Dự án Sông Mêkông (MPDF) và Quỹ Châu Á (TAF) về vai trò của các HHDN đối với khu vực kinh tế tư nhân đang hình thành và phát triển ở Việt Nam. Trong đó, các tác giả đã xác định và đánh giá những đặc điểm chính của các HHDN ở Việt nam và những điều kiện hoạt động của chúng; đồng thời phân tích vai trò và thực trạng hiện nay của các câu lạc bộ và HHDN trong hỗ trợ hoạt động của các DN Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, do những hạn chế về kinh phí, do thời gian của báo cáo trên cũng khá gần với thời điểm hiện tại, trên cơ sở những kết quả nghiên cứu đã có, cuộc điều tra lần này của Đề tài chỉ tiến hành với số lượng phiếu hỏi hạn chế gửi tới 100 HHDN và hơn 200 DN thành viên nhằm cập nhật những thông tin và nhận định trong công trình trên, đồng thời tham khảo các ý kiến trực tiếp từ các HHDN và các DN thành viên về những kiến nghị cho các biện pháp chính sách của Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN Việt Nam.

1. **Mục tiêu điều tra-** Thông qua ý kiến của ban lãnh đạo các HHDN và các DN thành viên, Đề tài tìm hiểu về hiện trạng các HHDN về phương diện tổ chức, quy chế hoạt động, việc thực hiện các chức năng của HHDN, quan niệm về vai trò, tính chất và chức năng của HHDN, ý kiến về những biện pháp chính sách cần ban hành để nâng cao hiệu quả hoạt động của các HHDN Việt Nam.

2. Đối tượng, phương thức, nội dung điều tra, kết quả thu thập và phương pháp xử lý số liệu-

Đề tài đã gửi phiếu hỏi đến 100 HHDN và 253 DN là thành viên của các HHDN phân bố ở 3 miền Bắc, Trung, Nam. Kết quả thu về đối với phiếu hỏi dành cho HHDN là 29 (29%) và đối với phiếu hỏi dành cho DN là 26 (10,3%). Ngoài ra, Đề tài đã tổ chức các cuộc trao đổi trực tiếp tại 10 HHDN nhằm tìm hiểu hiện trạng hoạt động, các điều kiện vật chất và hoàn cảnh ra đời của HHDN, những vướng mắc khó khăn, các vấn đề bức xúc và những kiến nghị với Nhà nước tạo điều kiện cho hoạt động của HHDN.

Các phiếu trả lời của các DN và HHDN được phân bố theo

- Địa điểm trụ sở chính tại các vùng: Bắc, Trung, Nam.
- Các DN được phân theo 5 loại hình sở hữu (DN nhà nước; Cty TNHH; Cty cổ phần; LD với nước ngoài; Loại khác); 5 nhóm ngành sản xuất (Dệt may & Da giấy; Thủy sản & Nông Lâm sản; Dịch vụ & Thương mại; Điện tử & Tin học; Các ngành khác); theo quy mô vốn (< 1 tỷ đồng; 1-5 tỷ đồng; 5-10 tỷ đồng; trên 10 tỷ đồng); theo số HHDN tham gia; và theo lý do/ động cơ tham gia (do lợi ích DN; do nhà nước yêu cầu; do phong trào chung) (Xem các bảng 1 tới 6 của Phụ lục II)
- Các HHDN được chia theo nhóm ngành hoạt động (Đa ngành; Dệt may & Da giấy; Thủy sản & Nông Lâm sản; Dịch vụ & Thương mại; Điện tử & Tin học; Các ngành nghề khác); theo địa bàn hoạt động (toàn quốc; tỉnh/ thành phố); theo cơ quan thành lập (chính phủ; chính quyền địa phương; Cty nhà nước; liên kết tự nguyện của các DN; do tổ chức quốc tế/ nước ngoài thành lập; do HTX thành lập); theo động cơ/ lý do thành lập (tự nguyện, vì lợi ích của DN; do chấp hành chủ trương và cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu; theo phong trào chung) (xem các bảng 1 tới 5 của Phụ lục I)

Tuy nhiên, do số phiếu thu được không nhiều nên việc phân tích các ý kiến nhận được từ các phía DN và HHDN chia theo các phân nhóm là không có ý nghĩa. Vì vậy trong báo cáo phân tích sau đây, chúng tôi chỉ xem xét phản ánh chung của các ý kiến mà không đi sâu vào các phân nhóm. Cách phân nhóm như trên chỉ để hành dung thành phần của các ý kiến phản ánh mà thôi.

Đề tài đã sử dụng phần mềm SPSS 5.10 để tạo dựng cơ sở dữ liệu và xử lý kết quả điều tra. Các kết quả xử lý số liệu điều tra theo phiếu hỏi đối với các HHDN và các DN được cho trong phụ lục I và phụ lục II.

B- Những kết luận chính rút ra từ việc phân tích kết quả điều tra

1. Về thực trạng của các HHDN qua ý kiến đánh giá của DN và HHDN-

Qua những phân tích nói trên dựa trên kết quả điều tra, phỏng vấn ý kiến các DN và các HHDN, có thể nêu ra những nét chính sau đây về thực trạng của các HHDN ở Việt Nam:

- Các HHDN nước ta đã ra đời xuất phát trước hết từ nhu cầu liên kết của chính các DN thành viên trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên trong hoàn cảnh Việt Nam với một nền kinh tế tư nhân còn manh mún và nhỏ bé, ***động lực để hình thành các HHDN phần lớn lại do sự thúc đẩy của cơ quan nhà nước hoặc của các doanh nghiệp nhà nước trong quá trình hình thành nền kinh tế thị trường “theo định hướng xã hội chủ nghĩa”***. Hoàn cảnh khách quan này có thể giải thích cho những hạn chế về nhận thức của DN và của chính ban lãnh đạo nhiều HHDN về tính chất, vai trò và chức năng của HHDN và từ đó dẫn đến những hạn chế trong hoạt động của các HHDN Việt Nam.
- Các HHDN và các DN thành viên cho rằng ***các HHDN đã tương đối thành công trong các hoạt động sau đây***: (i) cung cấp thông tin liên quan tới chính sách và pháp luật; (ii) làm cầu nối với các cơ quan nhà nước trong kiến nghị về chính sách liên quan tới DN; (iii) giúp DN trao đổi thông tin và kinh nghiệm về quản lý, tìm hiểu thị trường, tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo ngắn hạn.
- ***Những mặt sau đây các HHDN vẫn còn yếu kém***: (i) cung cấp thông tin về thị trường trong và ngoài nước, về giá cả; (ii) tư vấn chuyển giao công nghệ, tìm kiếm công nghệ; (iii) hỗ trợ tiếp cận thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu.
- Nhìn chung các dịch vụ hầu như chỉ dừng lại ở mức phổ biến thông tin qua bảng tin hay báo chí. Các HHDN và các DN thành viên đều mong muốn HHDN có thể cung cấp các dịch vụ một cách tốt hơn với chất lượng chuyên sâu hơn, đặc biệt là trong các lĩnh vực về tư vấn pháp luật, xúc tiến thương mại và hỗ trợ về kỹ thuật. Yêu cầu cấp thiết nhất hiện nay của các HHDN và các DN thành viên chính là làm sao mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ này.

2. Những khó khăn vướng mắc chủ yếu hiện nay của các HHDN trong nâng cao hiệu quả hoạt động của mình-

- ***Khó khăn trước hết vẫn là thiếu các nguồn lực***. Các nguồn kinh phí thu được cho đến nay chủ yếu vẫn là hội phí, tuy nhiên nguồn này quá bé nhỏ do hội phí thấp. Các HHDN sợ rằng mức hội phí cao có thể làm các DN ngại ngần không muốn tham gia HHDN. Nguyên nhân cơ bản vẫn là nhận thức của DN về vai trò, chức năng của HHDN chưa rõ và tác dụng thực tế của HHDN chưa nhiều,

chưa giúp nhiều cho DN trong nâng cao hiệu quả kinh doanh và uy tín của DN trong ngành và DN vẫn chưa tìm thấy giá trị của mình trong vai trò là thành viên của HHDN. Khó khăn về thiếu nguồn lực đã được MPDF phát hiện trong nghiên cứu trước đây (/8/) hiện vẫn chưa có cải thiện đáng kể.

- ***Thiếu năng lực và thiếu cán bộ chuyên trách.*** Điều này thể hiện trên trình độ chuyên nghiệp của các HHDN Việt Nam. Đa số các HHDN khi được phỏng vấn đều cảm thấy mình vẫn cần dựa dẫm vào các quan chức nhà nước hoặc các DN nhà nước, do đó nhiều HHDN thực chất vẫn chỉ là đại diện cho quyền lợi của DN nhà nước, chưa có nhiều các HHDN hoàn toàn dám đứng trên đôi chân của mình để có thể hoạt động một cách tự chủ, độc lập. Nhìn chung, nhân sự các HHDN vừa thiếu lại vừa yếu, thường ít được trang bị chuyên môn để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho hội viên.
- ***Thiếu một khung pháp lý cho việc xây dựng và phát triển HHDN.*** Khung pháp lý hiện hành còn chưa được rõ ràng, nhất quán và khi thực thi thì còn khá phức tạp với các thủ tục “xin- cho” phiền hà, đòi hỏi phải làm việc với nhiều cơ quan và nhiều bước. Yêu cầu cấp thiết hiện nay của HHDN là được nhận những ưu đãi như miễn giảm thuế đối với các thu nhập từ những hoạt động chính của HHDN và khấu trừ thuế cho hội phí mà các hội viên phải nộp, v.v.. Những ưu đãi đó sẽ tạo điều kiện làm tăng nguồn thu của các HHDN, tạo điều kiện cho HHDN có một nguồn ổn định, nâng cao năng lực tài chính cho hoạt động của mình.

3. Những kiến nghị về tổ chức và chính sách của Nhà nước đối với HHDN qua kết quả điều tra

- Biện pháp cấp thiết nhất hiện nay mà các HHDN và các DN yêu cầu là làm sao nâng cao được năng lực cho hoạt động của HHDN mà trước hết là năng lực tài chính. Cụ thể là các biện pháp như hỗ trợ kinh phí từ phía nhà nước cho các hoạt động xúc tiến thương mại của các HHDN nhất là tìm kiếm thị trường nước ngoài.
- Cần có những quy định rõ ràng, cụ thể hơn về khung pháp chế và các thủ tục cho việc thành lập và hoạt động của các HHDN; đảm bảo quyền tự do, không còn cơ chế “xin-cho” trong việc thành lập và hoạt động của các HHDN. Đây là yêu cầu cấp thiết đứng sau yêu cầu về tăng cường nguồn lực cho HHDN và những ưu đãi về tài chính từ phía nhà nước cho các hoạt động của HHDN.
- Một vấn đề quan trọng cho việc phát triển và nâng cao vai trò của các HHDN là tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh cho các DN. Trên cơ sở điều kiện cạnh tranh lành mạnh này, các DN mới nhận thức được yêu cầu cấp thiết phải tập hợp, liên minh trong khuôn khổ tổ chức HHDN để nâng cao hiệu quả kinh doanh của DN. Cho đến nay, ở Việt Nam môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các DN vẫn còn là một khiếm khuyết. Bất bình đẳng

giữa các loại hình DN khác nhau, giữa DN nhà nước và DN tư nhân, DN nước ngoài, vẫn còn là những bức xúc cho các DN tư nhân.

IV. KẾT LUẬN VÀ NHỮNG KHUYẾN NGHỊ

Những kết luận nói trên rút ra từ kết quả điều tra về các HHDN Việt Nam mà Đề tài đã tiến hành (về thực trạng hoạt động của HHDN Việt Nam; những khó khăn vướng mắc chủ yếu; và những khuyến nghị về phương diện chính sách của các DN và HHDN) có thể là khá điển hình và có sự đồng thuận lớn của các HHDN (qua các báo cáo của các HHDN viết cho Đề tài- xem các báo cáo của các HHDN từ /12 / tới /14/). Để kết luận cho báo cáo này, chúng tôi xin tổng kết lại trên những nội dung chính sau đây (xem ¹¹):

1. Về thực trạng tổ chức và hoạt động của các HHDN Việt Nam

- *Loại hình HHDN ở Việt Nam đã phát triển nhanh về số lượng, đa dạng về mô hình và quy mô tổ chức.* Cho đến nay, hầu hết các lĩnh vực kinh tế quan trọng đều có các HHDN. Một số HH đã tập hợp được nhiều doanh nghiệp thuộc ngành hàng mà nó đại diện (có những HH đã tập hợp được nhiều doanh nghiệp có năng lực sản xuất lớn chiếm khoảng 70-80% tỉ trọng sản phẩm của ngành, có HH chiếm tỉ trọng lớn về kim ngạch xuất khẩu (khoảng 90%) trong tổng kim ngạch của ngành. Hệ thống tổ chức, cơ cấu tổ chức và nhân sự của HH cũng hết sức đa dạng.

- *Các HHDN nhìn chung đều tập trung hoạt động theo 2 chức năng:*

a) Đại diện cho hội viên trước pháp luật trong nước và quốc tế. Nhiều HH đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho hội viên và được hội viên uỷ thác đại diện cho hội viên một số công việc quan trọng. HH là tổ chức đại diện cho các hội viên thuộc ngành hàng trước pháp luật trong các quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng của HH. Hầu hết các HH làm tốt chức năng đại diện, làm cầu nối giữa các thành viên với Nhà nước, đại diện cho thành viên góp ý với cơ quan Nhà nước trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong việc hoạch định chính sách đối với sự phát triển ngành và lĩnh vực kinh tế có liên quan đến hoạt động của HH.

b) Làm dịch vụ cho các hội viên nâng cao trình độ, cung cấp thông tin, giá cả thị trường, công tác xúc tiến thương mại và một số dịch vụ xã hội như từ thiện nhân đạo. Các hiệp hội bước đầu đã thực hiện tốt các chức năng trên.

¹¹ Nguyễn Ngọc Lâm- Cơ sở pháp lý của sự ra đời và hoạt động hiệp hội của các tổ chức kinh tế và phương hướng hoàn thiện- Báo cáo khoa học viết cho Đề tài; 7-2004.

- *HHDN đã tương đối thành công trong các hoạt động sau đây: (i) cung cấp thông tin liên quan tới chính sách và pháp luật; (ii) làm cầu nối với các cơ quan nhà nước trong kiến nghị về chính sách liên quan tới DN; (iii) giúp DN trao đổi thông tin và kinh nghiệm về quản lý, tìm hiểu thị trường, tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo ngắn hạn.*
- *Những mặt sau đây các HHDN vẫn còn yếu kém: (i) cung cấp thông tin về thị trường trong và ngoài nước, về giá cả; (ii) tư vấn chuyển giao công nghệ, tìm kiếm công nghệ; (iii) hỗ trợ tiếp cận thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu.*

2. Nguyên nhân của những hạn chế trên:

- *Hoạt động HH trong nền kinh tế thị trường còn khá mới mẻ đối với Việt Nam. Quá trình đổi mới về tư duy của DN và cơ quan quản lý nhà nước về khu vực thứ ba – các tổ chức dân sự, trong điều kiện kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế và bất cập so với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Điều đó dẫn đến nhận thức của hội viên và cả công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước về vai trò của tổ chức hội nói chung và HHDN nói riêng còn chưa được đầy đủ. Mặt khác cơ chế thị trường, sự bình đẳng trong kinh doanh ở nước ta còn chưa được phát triển đầy đủ làm cho ý thức cần thống nhất, đoàn kết và tập hợp lực lượng để nâng cao sức cạnh tranh của các DN chưa phát triển. Sự hạn chế về tư duy, nhận thức không rõ về vai trò, chức năng và nhiệm vụ của HHDN đã hạn chế khá nhiều hiệu quả hoạt động của HHDN Việt Nam, hạn chế tính độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức và hoạt động của HHDN.*
- *Các hội viên của HH chưa thấy hết được tầm quan trọng, vị trí của HH trong nền kinh tế thị trường (buôn có bạn, bán có phường) do đó còn có nhiều hội viên không chấp hành nghiêm túc nghị quyết của HH, không đóng hội phí cho HH. Do vậy, mặc dù HH tập trung đông đảo các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần kinh tế nhưng chưa tạo được sức mạnh tổng hợp. Sự liên kết giữa HH với hội viên chưa chặt chẽ, hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh giữa các hội viên vẫn xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của HH.*
- *Về phương diện quản lý nhà nước- Tuy Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển HH, song văn bản pháp quy quy định về tổ chức, hoạt động hội, HH được ban hành từ lâu, nhiều vấn đề không còn phù hợp, nhiều vấn đề chưa được rõ ràng làm cho HH gặp nhiều khó khăn, chẳng hạn như: HH tổ chức, hoạt động theo văn bản nào? Vai trò của HH đến đâu, trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước đối với HH như thế nào? HH được làm những việc gì? Những gì không được làm?. Một số văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước chưa hướng dẫn cụ thể khiến cho HH khó hoạt động, đặc biệt là trong quan hệ đối ngoại, chưa hướng dẫn cụ thể việc gia nhập tổ chức quốc tế, việc cử cán bộ*

HH đi công tác nước ngoài, tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế. Nói chung, còn *thiếu một khung pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng và phát triển HHDN*. Khung pháp lý hiện hành còn chưa được rõ ràng, nhất quán và khi thực thi thì còn khá phức tạp với các thủ tục “xin– cho” phiền hà, đòi hỏi phải làm việc với nhiều cơ quan và nhiều bước.

- *Bộ máy, cơ sở vật chất, kinh phí của HH còn quá khó khăn, không tạo được đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp*. Các HH thường sử dụng cán bộ kiêm nhiệm (một số lãnh đạo của cơ quan quản lý Nhà nước hoặc là cán bộ nhà nước kiêm nhiệm); ở một số HH, lãnh đạo HH là công chức Nhà nước đã nghỉ hưu. Tài chính của HH không ổn định. Nhiều HH chưa tìm được nguồn tài chính cho tổ chức, hoạt động của mình. Hiện nay nguồn kinh phí của HH tập trung vào 3 nguồn chính: hội phí, phí cung cấp dịch vụ và tài trợ của nhà nước; một số HH tìm nguồn tài trợ của nước ngoài, song không ổn định. Do chưa có mô hình thống nhất nên cũng làm ảnh hưởng tới tổ chức, hoạt động của HH.

3. Những khuyến nghị và Phương hướng hoạt động thời gian tới

Để phát huy vai trò của hiệp hội trong thời gian tới cần:

Về phía HHDN:

1. *Đánh giá lại hoạt động của HH; xây dựng chiến lược, kế hoạch và nội dung hoạt động của HH*. Trên cơ sở đó xây dựng mô hình tổ chức HH phù hợp, kiện toàn tổ chức bộ máy lãnh đạo HH, bổ sung cán bộ có năng lực, uy tín, công tâm; tăng cường năng lực, tính chuyên nghiệp, chuyên môn, tính thiết thực và hiệu quả trong hoạt động của HH.
2. *Làm tốt hơn nữa việc tập hợp các kiến nghị của doanh nghiệp về luật pháp, cơ chế chính sách*, cách thức quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp và của đội ngũ công chức; phân tích, tổng hợp và đề đạt các kiến nghị đó đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có liên quan, các cơ quan thông tin đại chúng và các HH khác; theo dõi, đánh giá sự “tiếp thu” của cơ quan Nhà nước, nguyên nhân của “tiếp thu” và “không tiếp thu” để có giải pháp tiếp theo.
3. *HHDN cần làm tốt hơn vai trò và chức năng của mình đối với hội viên, cung cấp các dịch vụ tốt hơn, chuyên sâu hơn*, đặc biệt là về tư vấn pháp luật (trong và ngoài nước), xúc tiến thương mại, hỗ trợ DN tìm kiếm thị trường và hỗ trợ hội viên về kỹ thuật. Làm đầu mối phối hợp hoạt động giữa các hội viên, thúc đẩy liên doanh liên kết giữa các hội viên (hỗ trợ hội viên trong việc chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm sản xuất, xúc tiến thương mại...). HHDN có nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục thành viên xây dựng văn hoá kinh doanh tiến bộ, trung thực, có ý thức chấp hành luật pháp và trách nhiệm cộng đồng cao. Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin; nâng cao chất lượng và đa dạng hoá hình thức trao đổi kinh nghiệm và cơ hội kinh doanh; hỗ trợ lẫn nhau trong phát

triển kinh doanh. Thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong tranh chấp thương mại và xử lý hoà giải các mâu thuẫn kinh tế giữa các hội viên.

Về phía các cơ quan quản lý Nhà nước:

1. ***Nhà nước tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh cho các DN.*** Trên cơ sở điều kiện cạnh tranh lành mạnh này, các DN mới nhận thức được yêu cầu cấp thiết phải tập hợp, liên minh trong khuôn khổ tổ chức HHDN để nâng cao hiệu quả kinh doanh của DN. Cho đến nay, ở Việt Nam môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các DN vẫn còn là một khiếm khuyết. Bất bình đẳng giữa các loại hình DN khác nhau, giữa DN nhà nước và DN tư nhân, DN nước ngoài, vẫn còn là những bức xúc cho các DN tư nhân. Cần thiết phải đẩy nhanh cổ phần hoá các DN Nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho việc hình thành các DN tư nhân là những biện pháp cấp thiết hiện nay để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và góp phần thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của HHDN Việt Nam.
2. Mặt khác, để HHDN có một môi trường tự do, dân chủ thực sự trong hoạt động của mình, ***Nhà nước cần chỉnh lý lại các văn bản chính sách về quyền lập hội với những quy định rành mạch, cụ thể hơn, những điều khoản thực thi rõ ràng, minh bạch hơn. Có thể lấy “Dự luật khung” của WB làm khuôn mẫu, vì nó thể hiện tinh thần luật pháp chung về quyền lập hội của quốc tế và Việt Nam không nên đứng ngoài khung cảnh chung đó.***
3. Nếu trước mắt, do những hoàn cảnh đặc biệt của Việt Nam mà chưa thể có được một văn bản luật về quyền lập hội theo tinh thần nói trên, thì ***ít ra cũng nên có một Nghị định riêng ban hành cho việc thành lập và hoạt động của các HHDN với những quy định thật rõ ràng, cụ thể, đảm bảo các quyền tự do dân chủ trong việc thành lập và hoạt động của các HHDN Việt Nam.*** Trong văn bản Nghị định này, cần phân định rõ khái niệm HHDN, tránh nhầm lẫn chúng với các loại tổ chức như “câu lạc bộ doanh nhân”. Chẳng hạn như các tổ chức đoàn thể (Thanh niên, Phụ nữ, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc, v.v..) hiện nay lập ra các tổ chức “Hội DN trẻ”, “Hội DN nữ”, “HH Công Thương”, v.v. mà thực chất chỉ là những câu lạc bộ hoặc hội các doanh nhân, các công thương gia (tên gọi trong cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh trước đây) thuần tuý mang tính chất chính trị xã hội, chứ không phải là các HHDN theo đúng tinh thần và vai trò của nó.
4. ***Xây dựng cơ chế, chính sách, tạo điều kiện cho HH tham gia vào việc cung cấp dịch vụ công.*** Điều này cần phải được thể hiện thành những điều khoản pháp lý do Nhà nước ban hành về quyền của HHDN, chứ không nên xem là một đặc quyền ban cho riêng do một cơ quan chính phủ nào đó, như các quan chức Việt Nam vẫn hay nói: “Tôi còn phải xem ‘anh’ có đủ năng lực không thì mới trao quyền được!”. Chẳng hạn như quy định: ***các văn bản chính sách đối***

với DN phải được các HHDN cho ý kiến; trao cho HHDN quyền tập hợp ý kiến các DN trong ngành để phản ánh với Chính phủ và Chính phủ không xem xét các ý kiến về chính sách đối với DN mà chưa có ý kiến của HHDN; trao cho HHDN quyền chứng nhận nghề nghiệp, uy tín của DN, v.v.. (Các đối tác nước ngoài thường tham khảo ý kiến của HHDN trước khi thoả thuận hợp tác với một DN cụ thể nào đó). Tạo điều kiện cho HH tham gia một cách tích cực hơn vào chương trình phát triển kinh tế xã hội, tham gia công tác tư vấn, phản biện các chiến lược phát triển ngành hàng và các văn bản pháp quy có liên quan tới HHDN thông qua việc giao nhiệm vụ, đặt hàng cho HH thực hiện một số công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của HH.

5. **Nhà nước cần có chương trình nâng cao năng lực hoạt động HH**, trong đó công tác đào tạo, tập huấn đối với cán bộ làm công tác HH cần được chú ý, tăng cường công tác phổ biến pháp luật đối với HH, có chính sách để tạo điều kiện để HH đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại.
6. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm, quy định rõ quyền và trách nhiệm của HH nói chung và trong thực hiện công tác đối ngoại, cử người đi công tác nước ngoài, tham gia ký kết các thoả thuận quốc tế, tổ chức hội nghị, hội thảo...

Tóm lại, do vai trò quan trọng của các HHDN trong việc tập hợp, thúc đẩy, hỗ trợ các DN trong phát triển kinh tế, xã hội, tạo ra của cải vật chất và sự giàu có của đất nước, Nhà nước cần phải làm cho các các HHDN Việt Nam có một cơ sở pháp lý, quyền hạn và nhiệm vụ đầy đủ hơn để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của mình, cùng chung vai gánh vác với Nhà nước làm cho các DN Việt Nam mạnh mẽ hơn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường thế giới và trong nước trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước ta trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập của kinh tế thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Liệt kê theo thứ tự được trích dẫn trong báo cáo)

- /1/. **Phạm Quang Lê**- Khuyến khích phát triển và tạo môi trường hoạt động cho các tổ chức phi chính phủ- (Bài viết cho Đề tài).
- /2/. **Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ**- Tài liệu Hội thảo “Trao đổi kinh nghiệm quản lý tổ chức phi chính phủ”- Hà Nội, tháng 10/1999
- /3/. **TT Quốc tế về Luật Phi lợi nhuận**- Sổ tay những sự thực hành tốt về các luật liên quan tới các tổ chức phi chính phủ (Tài liệu tham khảo nội bộ); Ban Nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội, tháng 5/2001
- /4/. **Nguyễn Ngọc Lâm**- Cơ sở pháp lý của sự ra đời và hoạt động hiệp hội của các tổ chức kinh tế và phương hướng hoàn thiện- (bài viết cho Đề tài- tháng 7-2004)

/5/. **“Hiệp hội Doanh nghiệp trước thềm thế kỷ 21 – Kế hoạch chi tiết cho tương lai”**- Bản dịch được sự tài trợ của Chương trình Phát triển Kinh tế Tư nhân (MPDF) trong khuôn khổ Dự án Xây dựng Năng lực HHDN Việt Nam (BASI), CIPE xuất bản vào quý 3, năm 2003.

/6/. **Phạm Quang Lê**- Nhận thức rõ thêm về Tính chất, vai trò, chức năng và phương thức hoạt động của các HHDN- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới”- Hà Nội, tháng 6-2004

/7/. **TS Vũ Đình Ánh**- Đổi mới nhận thức về hội/ hiệp hội kinh tế Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế- Báo cáo tại Hội nghị “Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời kỳ đổi mới”- do VCCI và Bộ Nội vụ tổ chức; Hà Nội, tháng 6-2004

/8/. **Nguyễn Phương Quỳnh Trang, Jonathan R. Stromseth**- Hiệp hội Doanh nghiệp Việt Nam: Thực trạng, Vai trò và Hoạt động; MPDF và The Asia Foundation xuất bản, tháng 8/2002.

/9/. **Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ**- Tài liệu phục vụ cuộc tọa đàm về đôi tượng, phạm vi điều chỉnh luật hội- Hà Nội, ngày 26-27 tháng 7- 2001

/10/. **Thang Văn Phúc** (chủ biên)- Vai trò của các hội trong đổi mới và phát triển đất nước- Nxb Chính trị Quốc gia; Hà Nội, 2002

/11/. **VCCI và Bộ Nội Vụ**- Hội nghị Đổi mới Mô hình Tổ chức và Phương thức Hoạt động của các Hiệp hội các Tổ chức Kinh tế trong Thời kỳ Đổi mới (ngày 30-6-2004); Hà Nội, tháng 6-2004

/12/. Những bài viết của các HHDN cho Đề tài vào tháng 7-2004:

- **Vũ Duy Thái**, (PCT kiêm TTK- Hiệp hội Công thương Hà Nội)- Quá trình hình thành, phát triển và những khuyến nghị về hoạt động của các HHDN
- **Lê Văn Đạo**, (TTK- Hiệp hội Dệt May Việt Nam)- Hoạt động và phát triển
- **Nguyễn Kim Phong**, (CT Hiệp hội Chè Việt Nam)- Quá trình hoạt động- phát triển. Những bài học kinh nghiệm và những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động
- **Nguyễn Hữu Dũng**, (TTK) và **Nguyễn Thị Minh Tâm**, (chánh văn phòng)- VASEP, một số suy nghĩ từ quá trình hình thành và phát triển.

/13/. **Lê Văn Sở**, (chủ tịch HHNHVN, tổng giám đốc NHNN-PTNTVN)- Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam 10 năm nhìn lại- Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, ngày 1-8-2004

/14/. **Ngô Tuấn Kiệt**, (nguyên TTK HHNHVN nhiệm kỳ 1)- Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam khai sinh và đạt được những kết quả bước đầu- Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, ngày 1-8-2004